

Il presente volume è stato tradotto grazie ad un contributo alla traduzione
concesso dal Ministero degli Affari Esteri della Repubblica Italiana.

Cuốn sách này được chuyển ngữ với sự tài trợ của
Bộ Ngoại giao Italia – Cộng hòa Italia.

ULYSSES MOORE

Cánh cửa thời gian

Đôi lời cùng độc giả

Câu chuyện trong cuốn sách này thực sự khó mà tin nổi, và chính chúng tôi cũng tò mò muốn biết nó sẽ đi đến đâu. Tất cả bắt đầu từ bức thư điện tử dưới đây mà một cộng tác viên ở Cornovaglia đã gửi cho chúng tôi. Còn với những gì diễn ra sau đó, xin nhường quyền đánh giá cho các bạn...

Ban biên tập

BẢN THẢO CORNOVAGLIA

Từ: Pierdomenico Baccalario

Tiêu đề: Bản thảo Cornovaglia

Ngày: 20 tháng 7 năm 2014 3:46:01

Tới: Ban biên tập

Chào tất cả mọi người!

Tôi đang viết cho các bạn từ Cove Cottage, một khách sạn B&B ở Cornovaglia, vì tôi nhất định phải kể cho các bạn nghe một số sự việc lạ thường đã xảy đến với tôi.

Sau khi được nghe kể về tập bản thảo khiến các bạn vô cùng tò mò, tôi đã ngay lập tức lên đường sang Anh. Thông tin duy nhất mà tôi biết về tác giả là tên địa danh nơi ông sinh sống, Kilmore Cove, ở Cornovaglia. Đến London, tôi thuê một chiếc xe hơi, nhưng hành trình của tôi kết thúc tại Zennor, nơi tôi đang ở bây giờ, vì không tìm thấy bất cứ địa danh nào có tên là “Kilmore Cove” trên bản đồ. Rốt cuộc, tôi gọi tới số điện thoại mà các bạn đã cho. Trả lời tôi là một quý bà

rất lịch thiệp, bà ấy hỏi tôi ở khách sạn nào và hẹn gặp tôi tại quầy lễ tân vào sáng ngày hôm sau. Nhưng đến giờ hẹn, thay vì quý bà lịch thiệp người Anh hôm trước, tôi lại thấy một chiếc rương (các bạn đọc đúng đấy, một chiếc RƯƠNG!) kèm một bức thư ngắn gọn mà tôi chép lại dưới đây:

Thưa Quý ngài,

Đây là tài liệu mà ông Ulysses Moore đã yêu cầu tôi giao cho ngài. Trong trường hợp ngài thấy thích và muốn xuất bản thì chúng tôi chỉ có một yêu cầu duy nhất là hãy để cái tên Ulysses Moore nổi bật trên trang bìa và tôn trọng thứ tự của các tập bản thảo này.

Kính chúc những điều tốt đẹp nhất,

Đảo Calypso

Những Cuốn Sách Hay Được Vớt Từ Biển Cả.

Bên trong chiếc rương có rất nhiều tranh, ảnh, bản đồ và những quyển sổ bìa đen, đã bị thời gian làm cho phai nhòa, tất cả đều được đánh số và viết tay với nét chữ nhỏ nhắn, rõ ràng... nhưng bằng một thứ ngôn ngữ hoàn toàn không thể hiểu nổi!

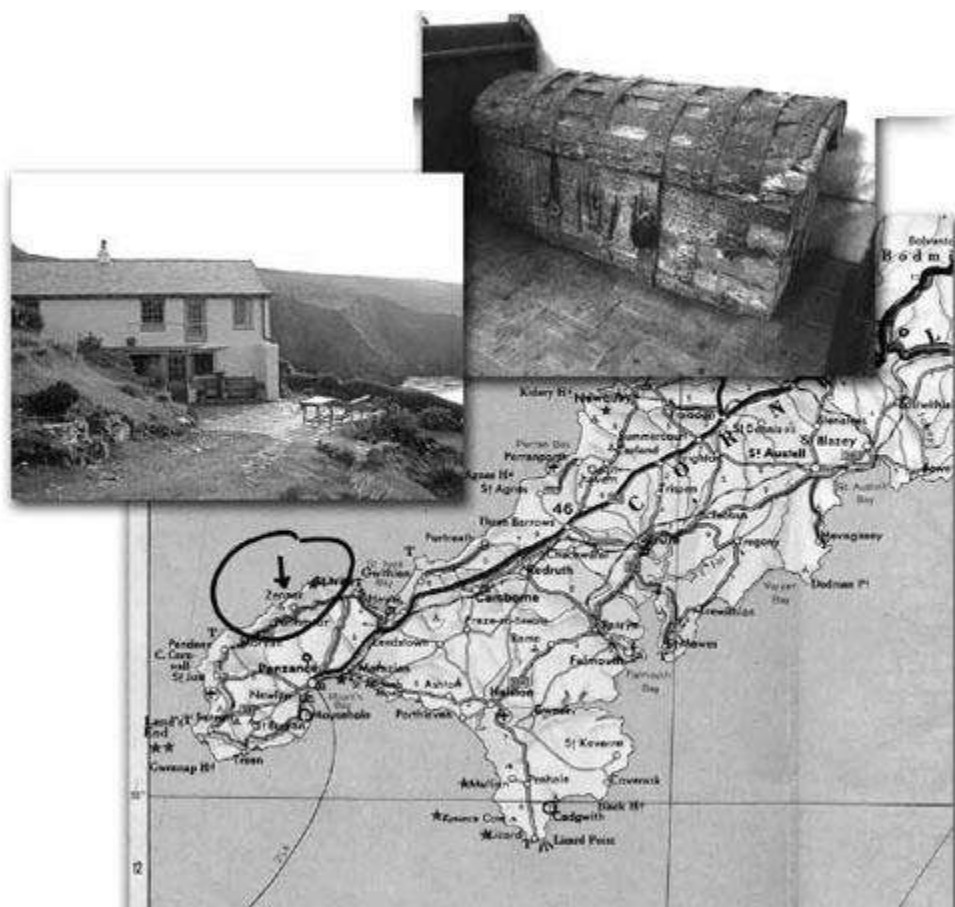
Ban đầu tôi nghĩ đó chỉ là một trò đùa. Nhưng rồi, tôi bắt đầu xem kỹ đồng tranh vẽ, bản đồ, ảnh chụp, và tôi hiểu ra rằng mớ tài liệu này có liên quan đến chỉ một câu chuyện duy nhất kia. Câu chuyện mà tác giả, vì nguyên do gì thì tôi chưa rõ, đã quyết bảo vệ bằng một kiểu mật mã vô cùng đặc biệt.

Các bạn có thể hình dung ra đấy, lúc đó tôi quả thực rất tò mò và cũng vì lẽ đã đặt khách sạn cho cả tuần lễ nên tôi bèn bắt tay tìm cách giải nghĩa những quyển sổ đó.

Như các bạn sắp được tận mắt thấy nó sau đây, tôi nghĩ là mình đã “giải mã” được quyển sổ đầu tiên.

Pierdomenico

T.B: Tôi gửi kèm cho các bạn bức ảnh chụp Cove Cottage, bức ảnh chụp cái rương và cả tấm bản đồ... Rồi các bạn sẽ thấy ngay rằng đi tìm Kilmore Cove chính xác là một nhiệm vụ bất khả thi: địa danh đó không hề tồn tại ở bất cứ nơi đâu!



Chương 1. Cánh cửa bị trầy xước

Ngôi nhà nằm trên vách đá đột ngột hiện ra sau khúc cua. Ngọn tháp nhỏ bằng đá của nó nhô lên nền xanh của biển, bao quanh là cây cối.

“Lạy Chúa!” Bà Covenant thốt lên khi vừa nhìn thấy nó.

Chồng bà, đang cầm lái, chỉ mỉm cười. Ông đánh xe vượt qua cánh cổng sắt uốn cầu kỳ và đỗ lại trong sân.

Bà Covenant bước xuống xe. Sỏi đá lạo xạo dưới gót giày, bà chớp chớp mắt như thể hoang mang không biết nên tin hay không những gì mình đang nhìn thấy.

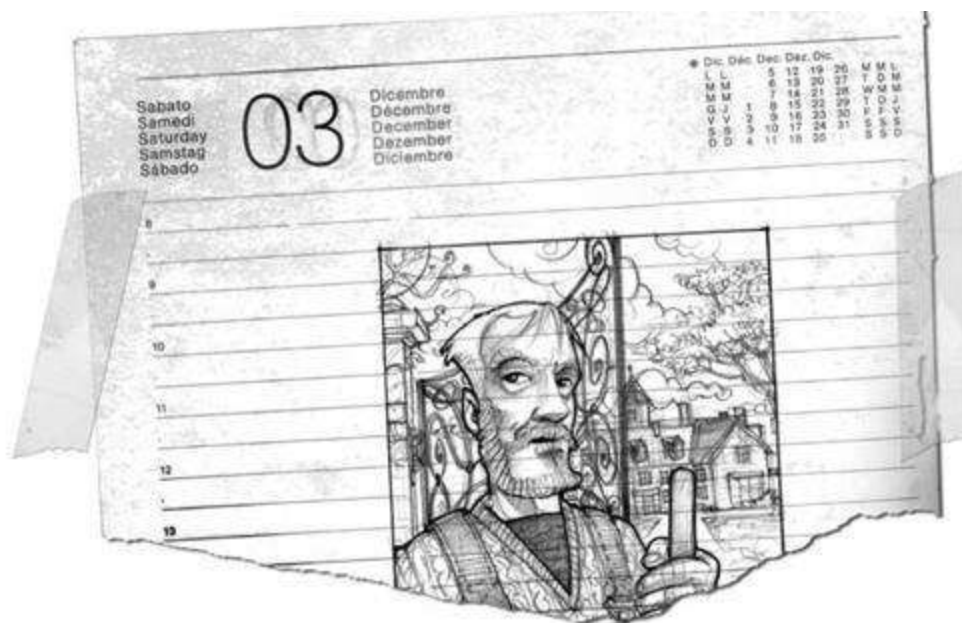
Ngôi nhà nhô ra phía trên mặt biển: ở đây có thể nghe rõ tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá, không khí tươi mát, đượm vị mặn mòi của biển. Ngôi biệt thự, lọt thỏm giữa khoảng xanh um của cây lá, tắm mình trong không gian xanh thắm. Xa xa, dưới chân vách đá là vịnh Kilmore Cove, với vài căn nhà rải rác.

Bà Covenant còn đang há hốc miệng, ngây người đứng ngoài sân, thì một người đàn ông lớn tuổi, với khuôn mặt hằn rõ những nếp nhăn và bộ râu trắng được chăm chút cẩn thận, tiến lại gần. Đôi mắt sáng của ông sâu và linh lợi. Ông lên tiếng giới thiệu, làm bà giật bắn.

“Tôi tên là Nestor, người làm vườn của Biệt thự Argo.”

“Biệt thự Argo, vậy ra tên nó là thế,” bà trầm nghĩ.

Rồi bà đi theo chồng và dáng đi khập khiễng của người làm vườn vào đến một hàng hiên mái vòm trông ra biển.



“Anh chắc là mình không nhầm chứ?” Bà Covenant vừa hỏi vừa khẽ chạm vào những bức tường của Biệt thự Argo như để chắc chắn rằng chúng có thực.

Chồng bà nắm lấy tay vợ, rồi thầm thì:

“Giờ thì, em hãy bám chắc vào...”

Bên trong Biệt thự Argo thậm chí còn đáng kinh ngạc hơn bên ngoài: một mê cung các căn phòng nhỏ được trang hoàng bằng nội thất và những món đồ, dường như là đến từ khắp bốn phương. Mọi thứ thật hoàn hảo: tất cả đều đầu vào đây. Lần đầu tiên trong đời, bà Covenant không nghĩ đến việc đổi chỗ bất kỳ thứ gì khỏi vị trí cũ của nó.

“Hãy nói với em rằng không phải là em đang mơ...” Bà thì thầm với chồng.

Ông chỉ siết chặt tay bà.

Vậy thì là thật rồi: họ thực sự đã mua ngôi nhà đó.

Bà Covenant để mặc người dẫn đường đưa đến một phòng khách nhỏ mái vòm với những bức tường bằng đá cổ, vô cùng cân xứng. Lối vào phòng là một ô cửa mái vòm nhỏ, và một cánh cửa khác bằng gỗ tối màu, nằm trên bức tường phía Đông.

“Một trong những căn phòng lâu đời nhất ở đây”, người làm vườn giới thiệu đầy tự hào. “Nó vẫn như vậy cả nghìn năm rồi, từ thuở nơi đây vẫn còn một tòa tháp Trung cổ. Ngài Moore, chủ nhân cũ của biệt thự này, cũng chỉ cho chặn gió lùa qua cửa sổ và, dĩ nhiên là, mắc thêm đường điện.”

Ông chỉ cho họ thấy chiếc đèn chùm được treo thấp ở chính giữa căn phòng.

“Jason sẽ rất hứng thú đây.” Ông Covenant nói.

Vợ ông chỉ im lặng.

“Ông bà có hai cháu phải không?” Người làm vườn hỏi.

“Vâng, một trai và một gái, đều 11 tuổi.” Bà trả lời một cách vô thức. “Chúng sinh đôi mà.”

“Tôi đồn rằng hai cháu rất thông minh, vui vẻ, và hoạt bát! Hai đứa sẽ vui lắm đây khi được lớn lên ở một nơi tách biệt hoàn toàn với phần còn lại của thế giới và cả mạng Internet siêu tốc nữa.

Bà Covenant trợn tròn mắt.

“À vâng, tôi cũng nghĩ vậy,” bà trả lời vẻ hơi ngạc nhiên. “Có lẽ không được hay lắm khi nói với ông điều này, nhưng mà... vâng, chúng rất tự lập.”

Trong phút chốc bà mừng rỡ thấy hình ảnh Jason dán mắt vào màn hình máy tính, rồi bà lắc đầu.

“Tôi tin rằng ngay cả khi thiếu Internet siêu tốc, chúng vẫn sẽ thấy vui khi được sống trong một ngôi nhà như thế này.

“Vây thì tuyệt quá! Rất tuyệt!” Người làm vườn gật gù. “Nếu bà thấy ưng ngôi nhà, thì có thể nói là thỏa thuận của chúng ta đã đạt được mục đích.”

Ông Covenant giải thích cho vợ biết rằng, theo mong muốn của người chủ cũ, ngài Ulysses Moore, ngôi nhà phải được bán cho một gia đình trẻ có ít nhất hai đứa con.

“Ông ấy muốn ngôi nhà lúc nào cũng tràn đầy sức sống,” người làm vườn nói thêm trong lúc cùng họ ra khỏi phòng khách bằng đá. “Ông ấy vẫn nói rằng một ngôi nhà thiếu trẻ con chẳng khác nào một ngôi nhà đã chết.”

“Ông ấy có lý.” Bà Covenant đồng tình.

Trong giây lát trước khi bước ra khỏi căn phòng, bà ngấm nhìn kỹ hơn cánh cửa gỗ nằm trên bức tường phía Đông. Bà nhận ra rằng nhiều điểm lỗ chỗ trên mặt gỗ dường như đã bị cháy sém và phần còn lại thì bị hư hại bởi những vết khía và cào xước khá sâu.

“Đã có chuyện gì xảy ra với cánh cửa kia vậy?” Bà hỏi.

Nestor dừng bước, ông nhìn cánh cửa, rồi lắc đầu.

“Ôi, xin bà thứ lỗi,” ông lắp bắp. “Cánh cửa đó, xin bà hãy cứ vờ như chưa từng nhìn thấy nó. Nó đã phải chịu đủ kiểu cạy phá, kể từ hồi chùm chìa khóa biến mất. Bà có nhìn thấy bốn cái lỗ kia không? Ngài Moore nghĩ rằng đó là những ổ khóa. Ngài ấy đã thử mọi cách để mở nó, nhưng... đều vô ích.”

“Cánh cửa ấy dẫn tới đâu?”

Người làm vườn nhún vai.

“Ai biết được cơ chứ? Có lẽ, xưa kia, cánh cửa đó dẫn tới cái bể nước cũ, nhưng bây giờ tôi tin là cái bể đó không còn nữa...”

Bà Covenant khẽ chạm đầu ngón tay lên mặt gỗ đã xám đen và trầy xước, và có cảm giác bị một nỗi bất an âm thầm xâm chiếm.

“Có lẽ tốt hơn hết nên chặn vật gì đó trước cánh cửa, để bọn trẻ không nảy ra ý định thử mở nó...” Bà hướng về phía chồng nói.

“Nói rất đúng...” Người làm vườn vừa lẩm bẩm vừa cà nhắc ra khỏi căn phòng. “Tốt nhất là nên làm như thế: bọn trẻ không bao giờ được có ý định thử mở nó ra...”

Chương 2. Luồng khí

Đứng im dưới chân cầu thang, Jason lắng nghe. Có một luồng khí lạ đang truyền đến những âm thanh xa xôi: tiếng đồ đạc cọt két, tiếng gió rì rít, tiếng các con vật chạy rón rén. Đã vài lần trong tuần, Jason mừng rỡ tưởng rằng những đồ đạc trong Biệt thự Argo được ban tặng một cuộc sống

riêng: khi trong phòng không có người, chúng lại dịch chuyển một mi-li-mét. Đúng một mi-li-mét, không hơn, để không bị bắt quả tang.

Nhưng lần này thì khác. Không thể nào là tiếng đồ vật dịch chuyển. Cũng không phải là tiếng lũ chim mòng biển đậu trên mái nhà, tiếng thằn lằn xanh bò giữa đám thường xuân hay tiếng chuột chạy trên gác xép. Chắc chắn là không phải.

Lần này, cậu nghe thấy một âm thanh rất rõ ràng: tiếng bước chân hối hả ở tầng trên. Cậu đứng im lắng nghe: những bước chân vẫn đang vang lên.

Jason mím chặt môi, bần khoăn.

“Ra là mày ở trên đó!” Cậu lăm bắm với kẻ thù bí ẩn, như thể giữa họ đang diễn ra cuộc thách đố nào đó.

Chẳng lẽ không một ai trong gia đình cậu nhận ra sự tồn tại của nó? Chẳng lẽ cả bố, mẹ và chị gái cậu đều không biết rằng còn có ai khác ở trong ngôi nhà rộng thênh thang này?

Còn Jason thì biết ngay từ khoảnh khắc đầu tiên, lúc họ dỡ hành lý xuống sân.

Biệt thự Argo là một ngôi nhà quá rộng để có thể thông thuộc được mọi ngõ ngách, với hàng dãy phòng ở và vô vàn bí mật, vô vàn những món đồ kỳ lạ và huyền bí. Ngay từ cái nhìn đầu tiên, Biệt thự Argo dường như đã thì thầm với cậu: “Đừng có tin vào vẻ bề ngoài: chính cậu phải khám phá bí mật của ta, Jason.”

Và cậu đã chấp nhận lời thách thức.

Lặng người giữa luồng khí, Jason ngắm nhìn những bức chân dung treo trên tường, trải dọc theo các bậc thang tới tầng hai, tới tận cánh cửa phòng tháp, có treo một chiếc gương. Bố cậu từng giải thích cho cậu nghe rằng những gương mặt già nua bị đóng khung kia là chân dung những người chủ cũ của ngôi nhà, và nhà cậu cũng sẽ sớm được hiện diện giữa những bức tranh đó thôi. “Ôi, không! Con ấy à, con không đời nào ngồi làm mẫu đâu,”

chị gái của cậu, Julia, ngay lập tức than vãn, chỉ nghĩ đến việc phải đứng yên một chỗ hơn mười lăm phút đã làm cô bé phát hoảng. Jason, trái lại, lấy làm thích thú. Nó khiến cậu có cảm giác được là... một nhân vật rất quan trọng. Kiểu như một nhà thám hiểm. Hoặc một phù thủy săn ma.

“Được rồi, dù mi là ai đi chẳng nữa!” Cậu lẩm bẩm.

Liệu có phải tiếng bước chân cậu vừa nghe thấy là tiếng chân của một con ma?

Cậu rút ra từ trong túi cuốn Cẩm nang những tạo vật đáng sợ của Tiến sỹ ma học Mesmero, tác giả của nhiều bộ truyện tranh.

Tìm thấy trang mình đang kiểm, cậu bắt đầu đọc: “Đừng nghĩ rằng các hồn ma câm lặng. Chúng có thể tạo ra đủ kiểu tiếng động (tiếng bước chân, tiếng dây xích kéo lê, tiếng chuông) và thường thì chúng cũng có thể nói được. Ngoài ra, chúng không phải lúc nào cũng là phi vật chất.”

Jason gật gù tâm đắc. Ngoài việc khẳng định những nghi ngờ về danh tính kẻ thù, những dòng ngăn ngủi đó còn giúp cậu giải tỏa một thắc mắc lớn: cậu vẫn luôn tự hỏi tại sao trong các bộ phim, những con ma thường đi xuyên qua các cánh cửa mà không bao giờ đi xuyên qua sàn nhà chẳng hạn.

Cậu tiếp tục đọc:

“Những con ma thường hay ám những ngôi nhà mà ở đó vẫn còn có gì đó dở dang cần hoàn tất.”

Cái gì đó dở dang! Hẳn là vậy rồi.

Vậy thì, ở đây hẳn có một con ma, có thể đang lờn vờn ở tầng trên, để làm làm nốt nhiệm vụ gì thì có Chúa mới biết.

Jason đọc lướt lại thật nhanh những lời khuyên của Tiến sỹ Mesmero về cách bắt ma rồi cất cuốn sách vào túi.

“Giờ thì là việc của hai ta,” cậu huýt sáo.

Nhưng đúng lúc cậu vừa đặt chân lên bậc thang đầu tiên, một bàn tay liền kéo cậu lại từ phía sau:

“Jason!” Chị cậu vừa gọi to vừa kéo cậu xuống cầu thang. “Chúng ta phải đi thôi!”

Vốn đang đăm đuổi với trò bắt ma, giờ Jason phải cố nhớ lại những gì đang xảy ra ở thế giới thực.

“Chúng ta phải đi ư? Nhưng đi đâu?”

Jason không nhớ gì cả, nhưng cậu biết thật khó có thể thuyết phục được chị gái về sự tồn tại của con ma ở tầng hai, vì thế cậu đành đi theo chị.

Chương trình buổi chiều chợt trở lại trong trí nhớ cậu. Bố mẹ sẽ đi London để giải quyết nốt việc chuyển nhà: vẫn còn nhiều đồ chưa chuyển hết, những bức tranh của mẹ phải gói ghém cẩn thận, dọn dẹp lại phòng làm việc của bố... Họ sẽ trở về Biệt thự Argo vào sáng Chủ nhật, cùng với xe tải chở đồ. Trong khi đó, Julia và Jason sẽ ở lại Biệt thự Argo, chỉ có hai chị em, với điều kiện phải ngoan ngoãn vâng lời người làm vườn, ông Nestor.

Để khuây khỏa trong thời gian chờ đợi, chúng được phép mời Rick Banner, một cậu bé người trong vùng mà chúng mới quen ở trường tới nhà.

Hai chị em sinh đôi rời khỏi biệt thự.

Từ trên nền trời viền mây, mặt trời chiếu rọi xuống khu vườn. Xa xa, phía chân trời ngoài biển kéo dài mãi một vệt trắng thanh tú.

“Chị có bao giờ tự hỏi tại sao bầu trời lại biến thành màu trắng trước khi chạm vào mặt nước biển không?”

“Không,” Julia trả lời.

Cô bé nhảy bốn bước một trên cầu thang ở lối vào và đáp xuống bãi cỏ; Jason làm theo chị, rồi bất thành tình hình ngoái đầu nhìn những ô cửa sổ tầng hai.

Cậu hy vọng biết đâu có thể bắt quả tang con ma. Nhưng chẳng thấy gì cả.

Ông Nestor kiên nhẫn lắng nghe những lời dặn dò của bà Covenant, nhưng đến khi bà đếm ngón tay đến “điều thứ tám” thì ông quyết định ngắt lời:



“Thưa phu nhân: tôi không phải là một bà quản gia. Và tôi cũng không nghĩ là hai cháu nhà có đủ thời gian làm tất cả những gì bà vừa liệt kê: ông bà cũng chỉ đi vắng có một buổi chiều thôi mà!”

“Và một buổi tối nữa,” bà đính chính. “Vậy thì, như tôi đã nói với ông rồi đấy, ông Nestor...”

Ông Covenant tìm cách hồi thúc bằng một tiếng còi nhẹ, nhưng việc đó lại làm vợ ông tức điên lên.

“Chờ chút!” Bà gặt gồng.

Ông Neston chớp ngay lấy cơ hội ngắt lời lần hai:

“Bà cứ yên tâm. Hôm nay hai đứa sẽ bỏ hơi tai khám phá toàn bộ ngôi nhà này cùng cậu bạn nhỏ và rồi đến tối chúng sẽ mệt lử tới mức ngủ một mạch mười hai tiếng cho xem.”

“Vâng, nhưng ông nghe này...”

“Không, xin phép bà. Bà hãy nghe tôi. Sắp đến hè rồi và hoa viên cần được sửa sang lại. Tôi sẽ dọn dò các chậu những gì chúng được và không được phép làm, và nếu được thì tôi sẽ nhờ chúng giúp chăm bón mấy chậu cây trong nhà kính. Tôi không thể làm gì hơn nữa, bọn trẻ lớn cả rồi! Và lại, ở đây không có gì nguy hiểm cả.”

Bà Covenant khoa chân múa tay, cố gắng kéo dài cuộc đối thoại nhưng ông Nestor không cho bà thêm cơ hội.

“Vách đá cũng không hề nguy hiểm. Chẳng có đứa trẻ nào lại nghĩ đến chuyện nhảy từ trên mỏm đá xuống cả! Chúng có thể thiếu cẩn trọng, nhưng chắc chắn không tới mức đó.”

“Ông không hiểu Jason đâu,” bà Covenant lẩm bẩm.

Hai người ngừng nói vì bọn trẻ đang tiến lại gần để chào tạm biệt.

Jason đang đi giật lùi, hiển nhiên là cậu hứng thú với ngôi nhà hơn là việc bố mẹ cậu chuẩn bị lên đường.

Vì đi bộ kiểu đó nên cậu bị vấp vào đường ống tưới nước của khu vườn và phải làm một cú xoay người chớp nhoáng để không ngã đập lưng lên sỏi.

“Ông hiểu ý tôi rồi chứ?” Bà mẹ thở dài.

Ông Neston gãi gãi bộ râu trắng rồi kết luận:

“Phản ứng nhanh và dẻo dai!”

Julia vòng tay quanh cổ mẹ rồi vờn người qua cửa xe để hôn bố. Jason thì chỉ chào bố mẹ một cách rất lơ đãng, vẫn đắm chìm trong tưởng tượng của riêng mình.

“Vậy thì mẹ tin các con,” bà Covenant dặn dò với giọng gắt gỏng trong khi bước lên xe. “Các con phải nghe lời ông Nestor, và nhất là, đừng làm gì nguy hiểm nhé!”

Jason và Julia gật đầu cười tươi trong khi ông lão làm vườn thì chỉ khẽ nhếch môi. Chiếc xe hơi của nhà Covenant lăn bánh làm sỏi đá bắn tung.

Chương 3. Con Đốc

Rick Banner hùng hực đạp xe trên con dốc dẫn lên vách đá. Mồ hôi chảy thành dòng làm ướt đẫm chiếc áo phông cậu đang mặc, văng trán nhăn lại vì gắng sức. Nhưng cậu vẫn không hề có ý định giảm tốc độ. Dùng số thấp hơn thì chẳng khác nào bộn con gái. Và như thế thì thà đi bộ còn hơn.

Hai bắp chân cậu đang nóng bừng bừng, nhưng cậu biết cái nóng đó có lợi cho sức khỏe: làm cho cơ bắp rắn chắc. “Cơ bắp và hai lá phổi: trong cuộc đời này, con không cần thêm gì nữa!” Bố luôn nói với cậu như thế. Và chỉ với ý nghĩ đó trong đầu, ông đã đạp xe vòng quanh nước Anh, từ vịnh Kilmore Cove đến đảo Skye ở Scotland rồi quay lại. Và chắc chắn ông không thể đổi số như với những chiếc xe địa hình hiện đại. Ông chỉ ráng sức đạp và đạp!

Thế là, Rick nghiêng chặt răng, tiếp tục dẫn bàn đạp thật sâu, chờ đợi khoảnh khắc bất ngờ đối diện với ngọn tháp nhỏ và cao của Biệt thự Argo.

Chỉ cần nghĩ đến điều đó, năng lượng trong cậu cũng được nhân lên gấp bội: bao năm nay cậu vẫn hằng mơ ước được bước chân vào ngôi nhà ấy. Cậu đã mất trọn bao nhiêu ngày từ sáng tới tối ngắm nhìn nó bằng ống nhòm của bố, từ cửa sổ nhà mình, hoặc từ ngoài bãi biển, khi thủy triều rút làm lộ ra từng tấc đất phủ đầy rong rêu thì Rick lại mạo hiểm đi ra xa hơn nữa để cố gắng quan sát được ngôi biệt thự từ một góc mới.

Ôi, Biệt thự Argo! Bà đầm già ngự trên đỉnh vách đá trắng Kilmore Cove, vách đá được bao phủ bởi lớp vỏ từ muối biển mà các thủy thủ thường gọi là Salton Cliff, nghĩa là mòm đá mặn. Cậu đã được nghe biết

bao nhiêu câu chuyện kể về ngôi nhà đó, vách đá đó và về ông chủ lập di đã sống ở đó trong bốn mươi năm, ngài Ulysses Moore! Và chỉ còn vài vòng đập nữa thôi là tới được đó rồi.

Rick nhồm người lên và rướn đập những vòng cuối thật sâu và mạnh.



Cậu được xem là một đứa trẻ hiền lành và điềm tĩnh, không tha thiết gì mấy trò tiêu khiển mà hầu hết đám bạn học cùng lớp cho là không thể thiếu được. Ví dụ như cậu không có máy vi tính. Thế mà, vài hôm trước ở trường, lúc cô Stella giới thiệu Jason và Julia với cả lớp,” lớp học duy nhất ở Kilmore Cove này.” Rick đã mừng đến phát điên.

“Thật may mắn làm sao!” Cậu đã nghĩ như vậy. Hai đứa trẻ nhỏ hơn cậu một tuổi kia không hề biết gì về vùng này, mà chúng lại vừa mới chuyển đến sống tại ngôi biệt thự trong mơ của cậu. Cái chết của người chủ cũ, ngài Ulysses, và sự chuyển đến của cặp song sinh, đã mang lại cho cậu một cơ hội tuyệt vời: cuối cùng cậu đã có thể tiếp cận Biệt thự Argo. Thật khó tin!

Trong lúc đang đập xe, Rick cảm giác có một mối đe dọa: một chiếc xe hơi đang lao về phía cậu với tốc độ chóng mặt. Cậu sực nhận ra mình đang ở giữa lòng đường, nhưng cậu thậm chí còn chưa kịp dạt vào lề; một tiếng

còi xe inh ỏi dội đến, buộc cậu phải ngoặt ngay tay lái về bên trái và hoàn toàn mất kiểm soát.

Cậu chỉ kịp liếc thấy một thân xe mạ cờ-rôm sượt qua bánh xe sau trong gang tấc, rồi cậu đổ nhào xuống mặt cỏ và ngã chổng vó.

Rick thoát được ra khỏi cái khung xe bằng cách nhấc bổng nó lên với cử chỉ rất tức giận. Sau đó, vẫn bộ dạng cáu kỉnh, cậu leo lên lề đường và giờ nằm dấp về phía kẻ cướp đường.

“Nhìn đường mà đi chứ, đồ chết tiệt!” Cậu gào lên.

Dường như nghe thấy tiếng cậu, chiếc xe hơi tấp vào lề đường với tiếng phanh chói tai. Đó là một chiếc xe hơi rất to, kính nhuộm đen như vẫn thường thấy trong các bộ phim hành động.

Rick nuốt nước bọt và liếc mắt kiểm tra nhanh tình trạng xe đạp của mình. Trông có vẻ như không bị hỏng chỗ nào. Cậu tóm lấy ghi-đông và kéo chiếc xe lên.

“Ta rất lấy làm tiếc!” Đúng lúc đó một giọng phụ nữ từ trong xe cất lên. “Cháu có bị thương chỗ nào không?”

Một bàn tay duyên dáng đeo găng màu cam, lấp lánh vòng tay, thò ra từ cửa sau xe, vẫy cậu lại gần.

“Nhóc à, ta xin lỗi!” Giọng nói đó tiếp tục. “Mọi chuyện ổn chứ?”

Rick lờ đi từ “nhóc” và tiến lại, vừa đủ gần để liếc nhìn vào trong xe. Đôi chân dài, một suối tóc màu đỏ, một sợi dây chuyền nặng trĩu kim cương và ngọc bích hiện ra trong tầm mắt cậu. Rick bắt gặp một ánh mắt ẩn dưới hàng mi dài bất tận và được bao phủ trong một làn hương thơm ngào ngạt.

“Thứ lỗi cho ta,” người phụ nữ nhỏ nhẹ. “Vì đôi khi Manfred cứ tưởng mình vẫn còn đang ở trên đường đua. Phải không, Manfred? Anh có nghĩ lần này anh nên xin lỗi anh bạn trẻ của chúng ta không?”

Cánh cửa ghế lái hé mở để từ đó một người đàn ông cao lớn với khuôn mặt dữ tợn bước xuống, diện trên người một bộ vét kẻ sọc lịch lãm màu ghi và đen. Gã cúi đầu một cách cứng nhắc, lẩm bẩm vài câu xin lỗi khó hiểu mà Rick nghe thành một lời đe dọa kiểu như: “Lần sau mà tao gặp mày đi một mình dọc đường thì mày chỉ có chết.”

“Làm tốt lắm, Manfred!” Quý Cô Thơm Lừng lên tiếng khen ngợi từ ghế sau. “Giờ anh quay lại ghế lái được rồi đấy. Một lần nữa, rất xin lỗi cháu yêu!”

Chiếc găng tay màu cam vẫy chào cậu với điệu bộ như một cái vuốt ve. Sau đó cửa kính xe được kéo lên, Manfred vào số và chiếc xe lại lao vút đi.

“Khỉ thật,” Rick đăm chiêu trước khi quyết định ngồi lên yên. “Bà ta gọi mình là cháu yêu.”

Khi con đường trở nên bằng phẳng hơn, Rick tăng tốc và lao như bay qua cánh cổng Biệt thự Argo. Trong hoa viên, rải rác những cây cối uy nghiêm, những khóm hoa mới được cắt tỉa và những lối đi nhỏ, dụng cụ làm vườn của ông Nestor nằm rải đây đó như thể chúng đang bị bỏ dở giữa chừng. Ở khoảng sân trước nhà, Rick nhìn thấy chiếc xe hơi màu đen mà vừa nãy sém chút nữa đã hất tung cậu, đang đổ chéo phía bên kia.



Cậu bỗng cảm thấy mồm miệng khô khốc: Quý Cô Găng Tay Màu Cam đang đứng gần người làm vườn của biệt thự Argo và vừa nói vừa khua tay múa chân đầy kích động, như thể đang có một cuộc tranh luận nảy lửa. Phía bên kia, ông Nestor vẫn cứ thản nhiên: ông chỉ lắc đầu như thể rất lấy làm tiếc về việc gì đó không phụ thuộc vào ông.

Rick chống một chân xuống đất và cứ đứng như vậy quan sát họ: cuối cuộc tranh luận, người phụ nữ rục rỡ với mái tóc màu đỏ rục chỉ thẳng ngón trỏ bàn tay phải vào người làm vườn và hét lên quả quyết:

“Cứ chờ xem!”

Sau đó, bà ta xồng xộc bước vào trong xe rồi sập mạnh cánh cửa. Manfred khởi động xe, bẻ lái rất nhanh làm những viên sỏi bắn tung tóe ra xung quanh trước khi đưa bà chủ đang giận sôi đi xa khỏi đó.

“Các người sẽ sớm nhận được tin từ tôi!” Quý Cô Tóc Đỏ Giận Dữ hét lên khi chiếc xe lướt qua chỗ Rick.

Cậu nhìn chiếc xe hơi đi xa dần, leo lên xe, đạp thêm hai vòng cuối cùng thì vào được đến sân. Ông Nestor đang giận dữ dọn lại chỗ sỏi bị bắn

lên trên lối đi.

“Một quý bà quyết đoán phải không ạ?” Rick lên tiếng khi bước đến cách ông vài bước.

Ông Nestor nhìn cậu, ánh mắt như tóe lửa, sau đó, dường như đã nhận ra cậu, ông quay ra cười gượng:

“Oblivia Newton ư? Thôi, bỏ đi, cậu bé! Như thế sẽ tốt hơn!”

Sau đó ông hít thở sâu và lấy lại bình tĩnh.

“Chắc cháu là Rick Banner. Bọn trẻ đang chờ cháu đấy. Ta đoán chúng đang ở đâu đó trong kia.”

Rick hướng ánh mắt rụt rè về phía cửa chính Biệt thự Argo.

“Dù sao cháu cũng phải xuống xe đã chứ?” Ông Nestor nhắc nhở khi thấy Rick vẫn chưa quyết định đi vào. “Nếu cháu muốn gặp hai chị em thì đi theo lối này rồi gọi chúng.”

Sau đó, ông khó chịu bước đi khắp khếnh và bắt đầu xem xét những vết lún mà bánh xe hơi đã để lại trên lối vào.

“Vâng ạ, cháu cảm ơn,” Rick đáp.

Cậu xuống xe, gạt chân chống rồi leo lên các bậc thang sẽ dẫn cậu, lần đầu tiên, bước chân vào ngôi nhà này. Bất thần, chiếc xe đạp của cậu đổ đánh rầm xuống đất với tiếng kim loại loảng xoảng nghe đến sốt ruột. Rick giật bản mình liền quay trở ra.

Thấy chân chống chiếc xe đã bị vẹo khi chiếc xe đổ xuống rãnh, cậu đành dựa xe vào sát tường với tiếng thở dài ngao ngán.

Cậu những muốn nói với người làm vườn rằng lúc này, ngay cả cậu cũng có lý do chính đáng để tức giận với Oblivia Newton, nhưng nhìn khắp nơi, cậu cũng không thấy bóng dáng ông Nestor đâu.

“Thọt mà nhanh ghê,” cậu thầm nghĩ.

Và lần này, cậu bước vào.

Chương 4. Trong nhà

Căn phòng đầu tiên mà Rick bước vào là một kiểu kiến trúc lai giữa hàng hiên mái vòm nhìn ra biển, phòng đọc sách và phòng khách. Ba ô cửa kính lớn để mở trông ra vách đá làm sáng bừng cả không gian. Trên các giá sách, được kê dọc theo bờ tường, chất đầy sách vở và tạp chí; một chồng nhật báo đủ loại được đặt trên một chiếc bàn pha lê. Ở giữa phòng có một bức tượng sáp với kích thước như người thật, tạc một người phụ nữ miệt mài vá mảnh lưới đánh cá đang cuốn quanh đầu gối. Cô gái chăm chăm hướng về một điểm nào đó trên mặt biển với vẻ mặt mơ màng.

“Đẹp phải không?” Jason cất tiếng hỏi khi thành linh xuất hiện phía sau lưng cậu.

“Ờ.”

“Ờ.”

Chỉ với hai cái vồ nhẹ lên vai nhau, hai cậu bé đã xong màn chào hỏi, cứ như thể chúng đã quen nhau từ rất lâu rồi. Chúng đi vòng quanh bức tượng.

“Mẹ mình bảo là không được chuyển bức tượng ra khỏi đây.

“Tại sao?”

“Vì người chủ cũ đã nói như vậy!”

Jason mân mê mảnh lưới bằng đồng và liếc nhìn Rick.

“Dường như Ulysses Moore có chút kỳ lạ.”

“Đấy là người ta nói như thế.”

“Nhưng bây giờ ông ấy chết rồi, nếu đã chết rồi...”

Rick nhăn trán.

“Nếu đã chết rồi là ý gì?”

“Ý là em trai mình hơi giàu trí tưởng tượng quá” Julia xen vào. “Chào Rick! Chào mừng cậu đến chơi!”

Lần này, màn chào hỏi chỉ gói gọn ở hai cái vẫy tay khá xa nhau và những nụ cười bối rối.

Ngoại trừ việc một trong hai đứa là con gái thì Jason và Julia giống nhau như đúc: cùng một mái tóc sáng màu, cùng một đôi mắt, cùng đôi lúm đồng tiền gần hai khóe miệng.

Julia chỉ cao hơn một chút và to khỏe hơn một chút so với Jason, cứ như thể cô bé đã vội vã lớn lên.

Ngồi phịch xuống một trong những chiếc ghế bành kê quanh bức tượng cô gái làng chài, cô bé nói tiếp:

“Cậu mà nghe Jason nói thì ông lão làm vườn nhà mình rất có thể là một kẻ giết người hàng loạt đã rửa tay gác kiếm về đây, nơi mà chẳng ai nghĩ đến việc tới tóm ông ta.”

Jason làm mặt cau có, cố gắng đổi chủ đề nhưng vô ích.

“Em trai mình thích bịa ra những câu chuyện không tưởng,” Julia nói thêm.

“Có thể đó lại là một lợi thế ở Kilmore Cove này,” Rick trả lời cô bé.

Julia vẫn khẳng khẳng khi nghĩ tới viễn cảnh rằng ở Kilmore Cove sẽ không bao giờ có chuyện gì xảy ra.

“Dù sao,” Rick nói, “đây cũng sẽ là một nơi hoàn hảo để ẩn náu. Mà theo các cậu, ngôi nhà này có bao nhiêu phòng? Một trăm?”

Khuôn mặt Jason bừng sáng.

“Mình có thể tâm sự với cậu chuyện này được không? Mình tin rằng trong ngôi nhà này...”

“Đừng có bắt đầu đấy!” Julia giãy nảy.

Nhưng câu chuyện đã được hé mở.

“Trong ngôi nhà này... làm sao?” Rick hỏi.

“Mình tin là có ma,” Jason kết luận, đầy mãn nguyện.

“Cậu tin là có ma không?” Julia hỏi, co chân lên ghế.

Rick hiểu rằng mình đang rơi vào giữa một cuộc khẩu chiến giữa hai chị em họ. Cậu nghĩ đến câu trả lời tốt nhất có thể, bởi vì cậu không muốn làm Jason thất vọng, cũng không muốn bị coi là một tên ngốc trước mặt Julia.

“Sao cậu lại bảo ở đây có ma?” Rick hỏi Jason.

“Mình nghe thấy có tiếng bước chân ở tầng trên trong khi ở nhà không có ai cả. Tiếng bước chân, cậu hiểu không?”

Julia nhún vai:

“Rồi, và tối nay sẽ có cả tiếng xích, tiếng la hét, rồi những tràng cười bất ngờ nổ ra...”

“Chị đang chơi trò gì vậy, Julia? Em nói cho chị biết, em đã nghe thấy tiếng bước chân ở tầng hai. Lúc đó em đang ở tầng dưới. Cả chị cũng ở tầng dưới. Còn tất cả những người khác đều ở ngoài và...”

“Đây là điều cậu phải biết đó Rick,” Julia cắt ngang “rằng Jason đang đọc một đồng thứ ngớ ngẩn. Cậu có biết bộ truyện tranh về một gã người London nào đó đi bắt quái vật chưa?”

Rick lắc đầu. Cậu chưa bao giờ thích truyện tranh với những con quái vật.

“Chị thôi đi!” Jason gào lên, khó chịu khi nghe Julia gọi Tiến sỹ Mesmero huyền thoại là “một gã người London” tầm thường nào đó.

Sau đó cậu cung cấp cho Rick một vài thông tin cụ thể, nhưng dường như cậu bé người Kilmore Cove hoàn toàn mù tịt về chủ đề này. Có thể nào một thiếu niên Anh quốc lại chưa từng nghe nói đến Tiến sỹ Mesmero không?

“Dù sao thì,” Julia gỡ gạc, “tại vì trong đầu toàn những ma cà rồng, người sói và ma quỷ, nên Jason nghĩ rằng ngay cả Biệt thự Argo này cũng

đang tiếp đón một con. Thậm chí, Jason còn tin chắc là biết cả danh tính của con ma đó.”

“Nghiêm túc đấy chứ?”

Jason gật đầu:

“Là hồn ma của người chủ cũ, ngài Ulysses.”

Rick rùng mình.

“VẬY... vậy tại sao hồn ma của ông ấy vẫn còn ở đây?”

“Tại vì ông ấy còn bỏ dở việc gì đó chưa hoàn thành,” Jason trả lời.

Rick nhìn Julia, cô bé đang ra hiệu với cậu cứ để em trai mình nói thoải mái.

“Rõ rồi!” cậu nói. “Việc gì đó chưa hoàn thành. Nhưng đó là việc gì?”

“Cái này thì mình vẫn chưa khám phá ra. Mình có quá ít thông tin. Mình mới tới Kilmore Cove này chưa đầy một tuần và vẫn chưa thông thuộc hết ngôi nhà.

“Chắc chắn rồi,” Rick tán thành. “Nó quá rộng.”

“Chúng ta nên thăm dò từng phòng từng phòng một,” Jason gợi ý. “Và nên làm một cái bản đồ chi tiết.”

“Jason!” Julia hét lên. “Rick đáng thương chắc chắn không đến tận đây chỉ để thăm thú ngôi nhà của chúng ta.”

“Không, không! Sẽ rất tuyệt mà!” Rick nói, cảm thấy xúc động với ý tưởng này. “Chân thành mà nói, thực ra mình vẫn theo dõi ngôi nhà này hằng ngày, nhưng từ bên ngoài thôi. Đối với mình, được như thế này thật là tuyệt. Chúa ơi, ngay cả chỉ được đứng ở đây, với bức tượng này và những quyển sách, và các cậu...”

Cậu ngừng lời, hướng tầm mắt về phía cánh cửa dẫn vào những căn phòng bên trong và nói tiếp:

“Nếu các cậu đồng ý, mình ủng hộ vụ khám phá này.”

“Cần phải có giấy và bút nếu muốn vẽ bản đồ!” Jason chạy vụt đi. “Chờ mình ở đây!”

Bỏ lại Julia và Rick ở đó, cậu leo lên cầu thang để đi tìm đồ.

Khi còn ở lại một mình với Rick, Julia ngắm nhìn mặt biển cuộn sóng với những bọt nước trắng xóa.

“Cậu vẫn chưa nói với mình rằng cậu tin là có ma hay không.” Cô bé hỏi Rick mà không quay lại.

Rick tựa người vào bức tượng cô gái làng chài, thấy vừa lạnh vừa cứng.

“Bố mình bảo những hồn ma là có thật đấy,” cậu nói. “Và mỗi người đều có một hồn ma.”

Julia ngoảnh lại.

“Vậy của cậu là ai?”

“Chính là bố mình.” Rick trả lời, ánh mắt bỗng chốc trở nên cứng rắn. “Ông ấy đã qua đời trên biển... hai năm trước.”

Rồi cả hai cứ thế im lặng cho đến tận khi Jason quay lại.

Chương 5. Tấm bản đồ

Bọn trẻ bắt đầu công cuộc truy bắt ma bằng việc thăm dò tầng một, sau đó xuống tầng trệt. Chúng đóng đô ở căn phòng bằng đá, căn phòng cổ nhất của tòa nhà, cũng là nơi chúng bắt đầu vẽ và nghiên cứu tấm bản đồ Biệt thự Argo đầu tiên của cả bọn.

“Có ba ống khói... trong đó một cái ở bếp, một cái ở đây, và cái còn lại thì ở ngoài. Ba phòng tắm. Hai phòng ăn. Bốn phòng khách. Năm phòng ngủ. Một thư viện, một bán thư viện và một... chị viết cái gì đây, Julia?”

“Thư phòng: là cái phòng có bàn làm việc bằng gỗ ở gần thư viện, mà trần được vẽ tranh ấy.”

“Và một thư phòng, theo như cách gọi của Julia,” Jason kết luận.

“Cầu thang này là chỗ treo các bức chân dung à?” Rick hỏi đồng thời chỉ vào một điểm trên bản đồ.

“Không, đây là cầu thang dẫn xuống tầng hầm.”

Rick gật đầu: thực ra tầng hầm là một căn phòng rất lớn phủ kín bụi, chứa đầy đồ đạc và các vật dụng bị chất thành đống, chỉ để chừa ra một lối đi hẹp. Bọn chúng không thăm dò kỹ lưỡng tầng hầm đó, có lẽ bởi vì chúng đều thấy nó tối tăm quá. Julia quả quyết rằng, nếu có tồn tại đi chăng nữa, thì hồn ma của người chủ cũ cũng sẽ chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện ẩn náu ở dưới đó đâu. Tất cả đều nhất trí với nhau như vậy và thế là chúng bỏ qua luôn.

Jason cầm tấm bản đồ trải ra trước mặt rồi ngậm bút chì.

“Ừm... Chỉ còn thiếu phòng tháp trên đầu cầu thang nữa là chúng ta xong.”

“À, căn phòng hải đăng!” Rick thì thầm.

“Sao cậu lại gọi như vậy?”

“Bởi vì đêm nào Ulysses Moore cũng ở trên đó. Đèn phòng được thắp sáng cho đến tận đêm khuya như thể muốn thách thức một ngọn hải đăng khác, ngọn hải đăng thật, ở phía bên kia vịnh.”

Tất cả im lặng trong giây lát, tưởng tượng hình ảnh ánh sáng của ngọn tháp trong đêm tối, trên đỉnh vách đá.

“Nhưng mà ông chủ cũ ngôi nhà này là kiểu người như thế nào hả Rick?” Julia hỏi.

Rick nhún vai.

“Thực ra thì mình không biết. Mình cũng không nghĩ là ở Kilmore Cove này có người nào biết về ông ấy đâu.”

Hai chị em sinh đôi nhìn nhau kinh ngạc.

“Ông ấy rất... lập dị, các cậu hiểu không?” Cậu bé tóc đỏ tiếp tục. “Và còn cực kỳ kín đáo. Các cậu cứ nghĩ mà xem: ông ấy chưa bao giờ vào làng!”

“Trong suốt bốn mươi năm?”

“Trong suốt bốn mươi năm.”

“Nhưng... sao có thể như thế được?”

“Đừng có hỏi mình chuyện đó. Ông ấy có vợ. Mẹ mình biết vợ ông ấy, qua những lần hiếm hoi bà ấy vào làng sắm sửa, mua cá, lấy thư... để làm những việc mà mọi người thường làm trong làng. Còn ông ấy thì... không thấy bao giờ. Và sau khi vợ ông ấy qua đời...”

“Bà ấy qua đời như thế nào?”

Rick lắc đầu.

“Mình không biết, thật đấy. Nhưng sau khi bà ấy mất, người làm vườn được cắt cử làm những công việc đó.”

“Ông Nestor ư?”

“Chính ông ấy. Về chuyện này thì mình biết, ông Nestor là người giúp việc trong Biệt thự Argo từ hồi bà chủ còn sống, nhưng chỉ từ sau khi bà chủ mất, ông ấy mới bắt đầu làm thay công việc của bà. Ông ấy vào làng bằng xe máy, bởi vì với cái chân như thế, ông ấy không lái được xe hơi, và sắm sửa mọi thứ cho ông chủ già, ngài Moore.”

“Còn ông ta... ông ta chưa bao giờ rời khỏi đây sao?”

Chỉ thoáng nghĩ tới việc ấy, Julia đã thấy sồn gai ốc.

“Không. Người ta nói rằng ông ấy có một chiếc thuyền, một chiếc thuyền lớn neo đậu ở một cái bến ngay dưới chân vách đá.”

“Đúng đấy! Mình đã nhìn thấy những bậc thang gỗ dẫn xuống đó. Ai mà biết được liệu có còn...”

Rick có vẻ không chắc chắn: nếu vẫn còn một chiếc thuyền ở đó, thì từ nhà mình, cậu chắc chắn phải thấy chứ.

“Nhưng không bao giờ vào làng là ý gì?” Julia tự hỏi, khơi lại câu chuyện. “Mà làm sao có chuyện không ai nhìn thấy ông ấy bao giờ chứ?”

“Người ta nói rằng ông ấy có khuôn mặt biến dạng với một vết sẹo rất khủng khiếp vắt ngang qua mặt và vì thế mà ông ấy cảm thấy xấu hổ. Đó là tất cả những gì mà mình biết.”

Mắt Julia sáng bừng.

“Có các bức chân dung trên cầu thang!” Cô bé kêu lên, đồng thời chộp lấy cánh tay Jason.

Cậu em sém chút nữa thì nuốt chửng cả cây bút đang ngậm trong miệng. Cậu thả rơi nó và cây bút lăn vào dưới gầm tủ lớn.

“Này, chị bình tĩnh đi!” Cậu phản đối.

Nhưng Julia vẫn bị ý nghĩ kia ám ảnh:

“Đọc cầu thang có treo chân dung của tất cả những người chủ của ngôi nhà này. Chúng ta hãy đi xem qua khuôn mặt biến dạng của ông Ulysses!”

Bị kích thích với viễn cảnh sẽ được nhìn thấy một cảnh tượng đáng sợ, Rick và Julia chạy vọt ra khỏi căn phòng bằng đá. Còn Jason thì bò ra trước tủ tìm cái bút của mình.

“Chúa ơi!” Julia và Rick kêu lên sau vài giây.

“Jason! Lại đây xem đi, nhanh lên!”

Jason quên luôn cái bút dưới gầm tủ và chạy tới chỗ họ trên cầu thang.

“Chúa ơi!” Cậu cũng thốt lên.

Trên cầu thang, thiếu mất một bức chân dung. Chỉ còn nhìn thấy dấu vết của nó rất rõ ở trên tường.

“Thiếu đúng bức chân dung của ông ấy!”

“Có người đã đánh cắp nó!”

“Nó đã bị gỡ ra!”

“Tại sao? Mà ai lấy?”

“Các cậu có nghe thấy gì không?”

“Không. Cái gì chứ?”

“Mình thì có. Nhưng mà cậu nghe thấy cái gì?”

“Mình không biết, hình như là một...”

“Từ đâu?”

“Này hai tên kia!” Julia kêu lên. “Mình chẳng hiểu gì cả.”

Sau đó, cô bé cũng nghe thấy. Một tiếng động lờ mờ, nhỏ nhẹ, như là tiếng những bước chân.

Cả ba từ từ quay về phía cánh cửa gương trên đầu cầu thang.

Đó là cánh cửa dẫn đến căn phòng trên tháp. Căn phòng hải đăng.

Tiếng động phát ra từ đó.

Dừng lại nghe ngóng một lúc lâu, đến mức chúng tưởng rằng thời gian là vô tận, nhưng tiếng động đó không lặp lại. Vì thế, đứa này nối đuôi đứa kia, tiến đến gần cánh cửa. Những chiếc gương phản chiếu hình ảnh của chúng: ba đứa trẻ ngập ngừng chầm chậm leo lên những bậc thang cuối cùng.

Jason vươn tay chạm vào tay nắm cửa và mở khóa: cánh cửa gương hé mở vừa đủ để có thể nhìn vào bên trong.

“Thế nào? Cậu nhìn thấy gì?” Hai đứa kia thì thầm sau lưng cậu.

Jason thấy một căn phòng mát mẻ và ngăn nắp, với một chiếc bàn lớn được đặt ở góc; giữa hai trong số các ô cửa sổ trông ra biển, một bộ sưu tập mô hình những con thuyền và vài quyển tạp chí xếp chồng lên nhau trên sàn nhà. Từ trên đó, qua những ô cửa sổ lắp kính, người ta có thể ngắm nhìn quang cảnh ngoạn mục của vách đá, của Kilmore Cove và của hoa viên.

“Chẳng thấy gì cả” Jason lẩm bẩm, đồng thời khẽ đẩy cánh cửa mở vừa đủ cho cả ba bước vào bên trong. Hoàn toàn chẳng có gì cả.

“Nhưng sao có thể thế được?” Julia tự hỏi.

Vào đúng lúc đó, âm thanh như tiếng bước chân kia lại vang lên.

Cọt kẹt, cọt kẹt.

Chỉ có điều đó không phải là tiếng những bước chân: một trong số các cánh cửa sổ bị đóng hờ và thi thoảng, nó lại đập vào khung nên tạo ra âm thanh đều đều, mà lúc đầu Jason và sau đó là cả hai đứa kia đều tưởng nhầm là tiếng bước chân.

“Đây chính là lời giải thích cho sự bí ẩn của hồn ma,” Jason thừa nhận, với vẻ thất vọng tràn trề.

“Hồn ma của cánh cửa sổ để mở,” Julia mỉm cười, bần thần trước khung cảnh đáng kinh ngạc mà cô đang được chiêm ngưỡng từ trên cao.

Jason đưa mắt xuống hướng hoa viên của Biệt thự Argo: cậu thấy cánh cổng, con đường rải sỏi và căn nhà gỗ tách biệt, nơi ông Nestor sống.

Còn Rick thì ngồi vào bàn để thưởng thức chút cảm giác được làm chủ nhà. Dưới chân cậu là vách đá trắng xóa, nơi những con sóng biển đua nhau vỗ vào, trên đỉnh đầu, những đám mây đang đan vào nhau thành từng cuộn ngày càng rối rắm trên bầu trời. Cậu đưa tay mân mê một trong số những mô hình thuyền buồm trên một chiếc rương, một chiến hạm nhỏ được làm tỉ mỉ bằng tay.

“Chắc là mình hiểu được ông ấy, ông Ulysses!” Rick nói. “Chẳng có gì là khó khi ngồi ở cái bàn này, lấy một ít hồ dán, gỗ và những cái khung... và rồi giết thời gian.”

Một con sóng hung dữ đập vào những mỏm đá làm bọt nước bắn tung tóe lên cao.

“Chúng ta ra biển đi lặn thôi!” Julia reo hò.

Và không đợi câu trả lời, cô bé đi thẳng về phòng mình tìm đồ bơi.

Chương 6. Một chuyến lặn biển

Cả bọn gặp ông Nestor ở bên ngoài. Ông lão làm vườn nhìn chăm chăm bọn chúng với ánh mắt ngờ vực và hỏi:

“Các cháu định đi đâu thế?”

Thực ra câu hỏi của ông là thừa. Bọn trẻ đều cầm theo mỗi đứa một cái khăn tắm và đã mặc sẵn đồ bơi trên người. Rick chắc là được Jason cho mượn đồ, vì có thể thấy rõ chiếc quần bơi hơi chật so với cậu.

Không đợi bọn trẻ trả lời, ông Nestor dựng cái cuốc đang làm xuống đất và quát:

“Các cháu đứng yên ở đó đi!”

“Nhưng mà ông à...!” Hai đứa trẻ song sinh gần như đồng thanh.

“Không được đi dù chỉ một bước! Về bất cứ hướng nào!” Ông lão vừa quát to vừa khập khiễng bước nhanh về phía căn nhà của mình.

Ông vào nhà và bước ra sau vài phút, tay cầm một mảnh vải. Trở lại chỗ bọn trẻ, ông đưa nó cho Rick. Đó là một bộ đồ bơi vừa hơn với cỡ của cậu.

“Cháu mặc cái này vào!” Ông khuyên cậu.

Rồi ông quay đi và tiếp tục tập trung vào công việc của mình.

Julia, vốn không thích bị can thiệp đột ngột như vậy, phản kháng:

“Nhưng ông không còn gì để nói với bọn cháu nữa à?”

Sau lưng cô bé, Rick đã thay xong bộ đồ bơi mới.

“Ta nên nói gì với các cháu đây?”

Người làm vườn nhìn cô bé bằng nửa con mắt, giơ lên trước mặt mình một cây thu hải đường và lật đi lật lại nó giữa các ngón tay như thể đó là một viên đá quý vậy.

“Chẳng hạn như: ‘Nhất là các cháu phải cẩn thận với những bậc thang dẫn xuống biển!’, hay là: ‘Nếu các cháu ăn xong rồi thì không có bơi lội gì

trong vòng ba tiếng đầu đấy!”

Ông nhìn Julia với một bên mày nhướng lên mỉa mai.

“Đó là điều ta nên nói với các cháu ư?”

“Vâng thì... cháu tưởng...” Cô bé lắp bắp.

“Thôi được!” Ông làm luôn, đồng thời khoa chân múa tay loạn xạ “nhất là các cháu phải cẩn thận để không bị ngã ở cầu thang dẫn xuống bến và không được tắm sau khi ăn ít nhất ba tiếng. Còn bây giờ, các cháu vui lòng biến hết đi!”

Ông giơ cây thu hải đường về phía bọn trẻ và nói thêm:

“Ta muốn làm xong hết những thứ này trước khi trời mưa.”

“Nhưng trời đang nắng mà!” Jason buột miệng.

“Vậy thì yêu cầu thứ ba đây: nếu trời có dông, các cháu phải lên khỏi mặt nước ngay! Còn bây giờ thì đi đi, nhanh lên! Xuống ở chỗ kia kìa!

Ba đứa trẻ không để ông lão phải nhắc lại lần thứ hai.

“Chưa thấy một người lớn nào như vậy!” Julia vừa càu nhàu vừa thận trọng bước dọc theo các bậc thang dẫn xuống biển.

Phải bước rất cẩn thận vì đường xuống vách đá gần như dốc đứng: nó được hình thành từ các bậc thang được đẽo thẳng vào đá và xen kẽ thêm mấy cầu nối bằng gỗ hoặc kim loại mà dưới đó có thể nhìn thấy bọt biển cứ bồng chồn quanh quần giữa các mỏm đá. Đứng trên đỉnh vách đá, người ta cũng dễ cảm thấy bị chóng mặt bởi cảm giác như đang đi giữa không trung. Cần phải bước đi thật chậm, nắm chặt cả hai tay vào dây vịn bằng thừng, trong khi gió thổi tung mái tóc mang theo mùi thanh khiết của rong biển và cát ướt. Càng xuống thấp, ấn tượng về độ cao càng giảm dần đi. Nhưng các bậc thang cũng trở nên ẩm ướt và trơn hơn.

“Còn theo em, ông Nestor là một người cục cằn.” Jason bình luận.

“Ông ấy nên quản chúng ta chặt hơn một chút, em có nghĩ thế không?” Julia khẳng khái. Dù gì thì chúng ta cũng chỉ là trẻ con, mà trẻ con thì rất

có thể sẽ làm những điều ngốc nghếch...

“Có lẽ chỉ có chị mới thể thôi!”

Hai chị em cãi nhau chí chóc suốt quãng đường đi xuống. Rick đi sau chúng, thỉnh thoảng vẫn liếc lại phía sau, như đang cố bắt quả tang cái gì đó không thật rõ ràng. Cậu có cảm giác như đang bị theo dõi. Bỗng nhiên, trong đầu cậu lóe lên một suy nghĩ. Có lẽ cảm giác của cậu là do ông Nestor tốt bụng thực ra đang dõi theo cả bọn qua một chiếc ống nhòm.

Yên tâm bởi suy nghĩ đó, cậu tiếp tục đi theo Jason và Julia.

Cuối cùng thì cả ba cũng xuống tới một vũng nhỏ nằm biệt lập: một dải cát kẹt giữa hai mỏm đá nhô ra, khuất gió và những ánh mắt tò mò. Biệt thự Argo lơ lửng phía trên đầu chúng, ngập tràn trong ánh mặt trời. Những chú chim hải âu đang bay lượn quanh tổ, được làm trong các hốc đá, cất tiếng khàn khàn gọi nhau.

Màu trắng bao phủ hoàn toàn cái góc thế giới ấy.

Julia là người đầu tiên bỏ khăn tắm lại bãi cát và lao mình xuống biển. Nước biển lạnh buốt nhưng lại làm khỏe người ra.

Cô bé biến mất dưới mặt nước rồi lại trồi lên cách đó mười mét.

“Lại đây đi!” Cô bé vừa reo lên vừa vén tóc ra phía sau. “Thật là tuyệt!”

Và cô bé nói đúng: đáy cát của vịnh lấn cả ra biển, tạo thành một dải thấp trải dài nhiều mét. Nước biển ở đây rất lạnh nhờ sự che chắn của các mỏm đá nơi mà chốc chốc lại bị đám bọt biển và những dải cầu vồng li ti vây quanh. Âm thanh của những con sóng có gì đó thật diệu kỳ.

Rick cũng lặn xuống và vung những hải cẩu mạnh mẽ để thể hiện là mình có “cơ bắp và phổi”. Và cũng làm ấm người lên đủ để không bị nổi da gà.

Jason, trái lại, vẫn khoanh tay đứng lại trên bờ, bị nước vỗ lên tới đầu gối, nhìn bộ dạng cậu có vẻ nhăn nhó.

“Nào, vận động đi, đồ nhát gan!” Julia hò em trong khi đang bơi bên cạnh Rick. “Nó lúc nào cũng như vậy, cô bé quay sang giải thích. Với nó, hoặc là nước phải ấm bốn mươi độ, hoặc là không.”

Rick cười. Những giọt nước còn vương lại trên tóc Julia trông như những viên ngọc trai nhỏ.

“Trong trường hợp này, tớ thấy chỉ có một việc duy nhất để làm,” cô bé lẩm bẩm.

Đứng trên bờ, Jason đột nhiên linh cảm có gì đó rất kinh khủng sắp xảy ra đến với mình. Cậu cố bỏ chạy nhưng rốt cuộc vẫn bị một làn nước lạnh ngắt tạt vào lưng, khiến cậu la lên thất thanh.

Trên đỉnh vách đá, ông Nestor mỉm cười: nghe tiếng la hét của Jason hòa lẫn tiếng cười của Julia và Rick, ông biết rằng cả ba đứa trẻ đã xuống đến bãi biển bình an vô sự. Thật tuyệt khi lại được nghe thấy tiếng bọn trẻ trong nhà. Có chúng là thêm việc. Giờ lại đáng để trông nom vườn tược và trồng những cây hoa đủ màu sắc, mà rồi thế nào cũng bị một đứa trong số chúng phá hoại bằng một cú sút bóng vụng về. Sẽ thật tuyệt biết bao khi thức dậy vào sớm mai và nghĩ đến ngày mới: những câu hỏi của chúng, sự tò mò của chúng. Và nếu chúng thực sự giỏi, thực sự được như ông hy vọng, thì chúng sẽ... ai mà biết được!

Giờ chỉ có âm thanh của những tiếng cười được gió thổi tới... và những tiếng cười đã là quá đủ với Biệt thự Argo.

“Chẳng còn gì tốt hơn thế này,” ông vui mừng. “Chẳng còn gì có thể tốt hơn.”

Và ông bình thần tiếp tục thọc những ngón tay xuống dưới lớp đất mát lạnh, cố tìm vị trí tốt nhất cho những chiếc rễ nhỏ bé của cây thu hải đường.

Không, ông không có cặp ống nhòm nào bên mình.

Một lát sau, Jason, Julia và Rick đã nằm sấp lên khăn tắm để phơi nắng, xếp hàng trước mặt chúng là những báu vật mà chúng đã khai quật lên từ cát: hai viên đá màu xanh da trời, năm viên đá cuội tròn xoe màu trắng, vô

số những mảnh vỏ sò vỡ và một mẫu gỗ có gắn chốt sắt. Để lấy được cái đó, bọn trẻ đã phải bơi ra xa, tới tận vệt đá ngầm: ở đó, đáy biển sâu hơn và bắt đầu có dòng nước xiết.

Rick cho rằng là không nên ra xa hơn, và hai chị em sinh đôi đồng ý rằng cậu có lý. Dù sao, chúng cũng đã được tận hưởng một vùng nước hoàn toàn tĩnh lặng, nơi chúng có thể nghĩ ra tất cả mọi trò chơi. Jason tự hứa với bản thân rằng, lần tới, cậu sẽ mang theo một quả bóng.

Julia vẫn đang nằm dài tắm nắng, trong khi Rick và Jason đã đi thám hiểm các mỏm đá và nhờ thế đã sớm phát hiện ra một vùng biển nhỏ thứ hai, nơi hai đứa tìm thấy dấu vết của một cầu tàu nhỏ bằng gỗ còn lòng thòng vài sợi dây neo. Mặt sàn và vách ngăn hầu như đã bị mục nát, nhưng bên tàu đó dấu sao cũng là bằng chứng cho việc xưa kia ông chủ cũ Ulysses đã từng neo thuyền.

Jason bắt đầu mơ mộng. Cùng với Rick, cậu quay lại báo tin cho Julia, lúc này chắc chắn đã phát chán với việc tắm nắng rồi.

Từ miệng Jason, chuyến phiêu lưu ở chỗ những mỏm đá và việc phát hiện ra cái cầu tàu còn bao hàm cả những ý nghĩa mang tính sử thi. Trong khi cậu đang cố thuyết phục chị gái mình rằng cậu đã đương đầu với một con bạch tuộc to gấp hai lần mình, thì Rick thấy có một giọt nước rơi xuống mặt.

Cậu ngẩng đầu lên, một đám mây đen đang kéo đến trên đầu cả bọn.

“Ông Nestor đã nói đúng, có vẻ là như vậy!” Cậu nhận xét. “Mưa đang kéo đến rồi kìa!”

“Mình cũng dính một giọt rồi!” Julia thốt lên.

Jason ngừng trò mô phỏng trận chiến của mình với con bạch tuộc và ngược nhìn dãy dài các bậc thang dẫn lên trên.

“Chúng ta quay lên đó sao?” Cậu hỏi, đoạn nuốt nước miếng.

“Tốt hơn là nên thế!” Julia và Rick quyết định.

Đặng chẳng dừng, Jason đành quấn cái khăn tắm đang còn ẩm quanh hông.

Mưa đã đuổi kịp chúng chỉ sau vài bước leo cầu thang, lạnh buốt như nước đá. Các bậc thang bỗng chốc trở nên trơn trượt. Jason chẳng mấy đã phát ngấy với cái trò leo cầu thang tưởng như vô tận dưới trời mưa, cậu chạy vụt đi.

“Hẹn gặp trên kia nhé!” Cậu gào lên giễu cợt.

Julia quay lại, cố tìm niềm an ủi trong ánh mắt điềm tĩnh của Rick, đang bước phía sau cô. Những lọn tóc hung đỏ dính bết trên trán cậu hết như những dấu chấm hỏi, cậu nhún vai, như thể muốn nói: “Kệ cho nó chạy.”

Đúng lúc ấy, cậu đứng khựng lại.

Phía trước chúng, Jason bị mất thăng bằng. Đúng lúc đó, trên trời nổ ra một tia sét dữ dội, phóng xuống biển như một cú đấm màu trắng.

“KHÔNG!” Julia hét lên. “JASON!”

Chương 7. Cái khe

Lúc bị trượt, Jason nghe thấy tiếng nổ của tia sét phóng ánh điện làm trắng lòa cả vách đá Salton Clift. Sau đó, cậu bắt đầu rơi xuống.

Cậu trượt xuống va vào những tảng đá trắng của vách đá, như thể chúng đang bào lên ngực cậu. Hai bàn tay cậu đang dò theo vách đá thì chẳng biết bằng cách nào mà một bàn tay lại lọt được vào một cái khe.

Cậu bám chặt ngón tay vào mép đá. Rồi dừng lại. Giữ chặt.

Jason ngừng rơi.

Và lúc này cậu đang ở giữa không trung, treo lơ lửng cùng bàn tay đang bám vào một khe đá.

Julia và Rick vội chạy lại nơi Jason bị ngã.

“Jason, có bị gãy gì không?” Julia thốn thức, không rõ nên tuyệt vọng hay hạnh phúc nữa, bởi vì em trai cô vẫn ở đó, còn sống, nhưng treo lơ lửng với một bàn tay bấu víu không hề chắc chắn.

Cô bé gào thảm thiết.

“Chúng ta phải kéo nó lên! Nhanh lên, Rick!” Julia gào lên, gạt những sợi tóc ướt nhẹ ra khỏi mắt.

“Mình cũng đang cố đây.” Rick hét đáp trả. Giúp mình buộc những cái khăn tẩm lại!

Julia không làm nổi được việc gì cả. Cô bé máy móc lấy lại chiếc khăn tẩm của Jason, nhưng Rick phải xé nó bằng tay. Sau đó cậu buộc nó với hai cái còn lại bằng một nút thắt giống như bố cậu đã dạy.

“Bọn chị ở đây, Jason! Bọn chị sắp xong rồi, Jason! Phải bám cho chắc đấy! Bọn chị tới đây!” Julia vừa nhả từng câu từng chữ trong tâm trạng lo lắng, vừa dán mắt vào cậu em trai đang ở bên dưới.

Jason nói gì đó, nhưng cơn đông nổi lên âm ỉ khiến cô bé chẳng hiểu gì cả.

“Em nói gì cơ? Bám chắc vào! Bọn chị đến kéo em lên đây!”

“... cái ... lạ!” Jason lặp bặp lại một lần nữa, vẫn bám chặt vào tảng đá như một con sò.

Rick tiến đến gần lan can cầu thang, thả xuống phía dưới sợi dây được tạo thành từ ba chiếc khăn tẩm buộc lại với nhau. Sau đó, cậu dồn sức trụ vào đôi chân và hét lên:

“Tóm lấy nó!”

Julia không dám hỏi xem liệu cậu có bảo đảm những nút thắt được làm nhanh như vậy dưới trời mưa đủ chắc không.

Tuy bị treo lơ lửng bên vách đá cách mặt nước biển hai mươi mét, dưới cơn mưa xối xả nhưng Jason vẫn cảm thấy hoàn toàn tỉnh táo. Và cậu cũng bình tĩnh một cách phi lý. Cậu biết chính xác mình cần phải làm gì.

Đầu tiên, cậu tìm thấy hai cái hốc vừa đủ để đặt chân vào, sau đó nhích nhẹ người lên và thả lỏng hai cánh tay. Quả thực, cậu đã có thể giữ thăng bằng chỉ nhờ vào đôi chân, mà không cần đến sức mạnh của hai bàn tay. Bình tâm trở lại, cậu còn có thể ngược đầu lên.

Cậu thấy chị gái mình đang kêu la thất thanh cái gì đó không thể hiểu nổi. Thực ra, cậu tin rằng mình có thể tự trèo lên và lên được cầu thang: chỉ cần di chuyển từ từ, mặc dù trời mưa, và tìm những chỗ để chân hợp lý, giống như đã tìm được cái khe cứu sống cậu.

Đúng, cái khe... Nhìn kỹ hơn, Jason nhận ra nó không đơn giản chỉ là một cái khe. Đó là một cái hốc lộ thiên, kích thước khoảng bằng con mòng biển thôi, nhưng vuông vắn cả bốn mặt như thể do con người tạo ra. Và nó sâu, như một cái hốc. Và hẹp, như một cái khe.

Nhưng nó không phải một cái hốc. Và cũng chẳng phải một cái khe.

“Có một thứ lạ lắm!” Cậu hét lên với hai đứa kia, trong màn mưa.

Cậu nghe thấy tiếng bước chân nện xuống nền đá.

Cậu thò một tay vào trong cái hốc, trong khi tay còn lại vẫn cố bám chặt.

Và cậu chỉ thấy đá. Đá. Và đá.

Rồi cậu sờ thấy một bề mặt trơn trượt, nó vỡ vụn ngay trong tay cậu. Có gì đó nặng nề chuyển động dưới các ngón tay cậu. Jason ghé mắt vào nhìn và, trong phút chốc, cậu có cảm giác ở bên kia miệng hốc... trống rỗng.

Một khoảng không.

Cậu vội rút tay và nhận ra mình đang cầm một viên gạch nhỏ được bọc trong lớp vải mềm.

Bất ngờ vật khăn tắm chạm nhẹ vào má cậu. Jason rụt lại vì sợ, suýt thì để tuột mất viên gạch khỏi tay.

“Tóm lấy nó!” Rick hò, cúi người phía trên, cách Jason vài mét. Cậu đang cầm đầu kia của dải dây làm từ những chiếc khăn tắm.

Jason nhét vật lạ vào trong quần bơi, sau đó tóm lấy sợi dây may mắn mà Rick chuẩn bị và bắt đầu trèo lên.

Việc trèo lên chỉ diễn ra trong chốc lát, nhưng đối với Julia thì nó dài như hàng tiếng đồng hồ. Khi Rick kéo được Jason sống sót trở lên, thì cô bé tưởng như muốn ngất đi vì vui mừng.

“Em có ổn không?” Cô bé hỏi em, giọng hỗn hển.

Ngực Jason đầy những vết trầy xước và xây xát.

“Có, đương nhiên rồi,” cậu thờ ơ trả lời. “Hai người nhìn xem em tìm thấy gì này!”

Nói rồi cậu lôi từ trong quần bơi ra vật lạ vừa tìm được.

Một tia chớp loẹt xoẹt phía chân trời.

“Cái gì thế?” Rick hét lên để át lại tiếng mưa.

“Mình không biết!” Jason hét lên đáp lại. “Rất lạ, đúng không?”

Julia cảm thấy tức giận trào dâng trong lòng. Sau những giây phút tưởng như vô tận ấy, khi mà cô bé suy nghĩ kinh hoàng rằng Jason có thể chết vì bị va đập mạnh vào các mỏm đá, vậy mà giờ đây cô bé lại nhìn thấy em trai đứng trước mặt mình, cơ thể đầy thương tích, nhưng hoàn toàn tập trung vào cái gì đó kỳ lạ mà nó vừa tìm thấy.

“Xin lỗi nhé!” Cô bé gào lên với em trai. “Rất xin lỗi nếu bọn chị đã quá lo cho em! Bọn chị không biết là em chỉ muốn đi tìm cái... cái... thứ vớ vẩn đó!

Sau đó cô bé ùng ùng lao lên các bậc thang dẫn về Biệt thự Argo.”

“Chuyện gì xảy ra với chị ấy vậy?” Jason hỏi.

Rick đặt một bàn tay lên vai cậu:

“Chuyện là cô ấy rất mừng vì không có chuyện gì xảy ra với cậu... ngoài việc... ngoài tất cả những vết trầy xước kia, đương nhiên rồi.”

“Những vết trầy xước ư? Vết nào?”

Khi ấy, lần đầu tiên Jason nhìn xuống ngực mình và vẻ phẫn khích nơi cậu biến mất trong chốc lát.

“Chết tiệt!” Cậu kêu lên, cảm giác hai chân đột nhiên bủn rủn.” Sao mình lại bị những vết xước này chứ?

Rick đề nghị cậu bạn hãy đi về nhà trước đã, chuyện đó để sau. Cả hai cẩn thận leo lên các bậc thang và lúc lên tới đỉnh, Rick khuyên Jason lấy khăn tắm che các vết thương đi:

“Ông Nestor mà nhìn thấy mấy vết xước này,” cậu thì thầm, “thì ông ấy sẽ không bao giờ cho chúng ta xuống bơi nữa đâu.”

Jason gật đầu: bạn cậu hoàn toàn có lý.

Chương 8. Giữa các lớp vải

Trong bếp, Jason la lên:

“Aaaa, rất quá!”

“Suyt! Em im ngay đi!” Julia mắng em. “Hay là em muốn chị đi gọi ông Nestor?”

“Chết tiệt...”

“Em ở yên đó đi nếu không thì còn đau hơn đấy!”

“Không thể nào! Aaaaaaa!”

Rick cười rúc rích, chứng kiến cảnh tượng.

Jason ngồi trên bàn trong bếp. Julia đứng trước mặt, đang sát trùng vết thương cho cậu bằng bông và ôxy già. Dù nhìn bề ngoài thì kinh khủng thế, nhưng không có vết xước nào sâu: chỉ là những vết trầy xước nhẹ trên da, nhưng vết thương kiểu đó càng rát hơn khi cho ôxy già lên.

Jason nghiêng chặt răng để không kêu lên và còn cố hỏi Rick, hướng mắt về cái gói bí ẩn tìm thấy trên vách núi đá:

“Cậu... đã biết đó là gì chưa?”

“Xong rồi đấy!” Julia nói.

Ngực cậu em trai bóng loáng thuốc sát trùng.

“Em phải chờ một lát để nó khô, trước khi...”

Cô bé không nói được hết câu. Rick kéo mép vải quần quanh vật huyền bí đó, còn Jason, vì quá tò mò nên không chờ được đến lúc thuốc sát trùng khô, cậu tuột xuống khỏi bàn và chẳng thèm nghĩ ngợi chui đầu luôn vào một chiếc áo phông khô ráo. Lớp vải áo dính chặt vào những vết thương như một lớp da thứ hai. Julia nhăn mặt thương cảm khi tưởng tượng đến lúc em trai cô phải lột cái áo phông đó ra khỏi người.

“Rất nhiều lớp đấy!” Rick nói, vẫn tiếp tục bóc nhẹ lớp vải. Mảnh vải được gỡ và bóc dần ra. Ấm ướt và tả tơi.

Julia bỏ bông băng xuống và tiến lại gần.

“Trông giống một cái hộp,” Jason bình luận khi món đồ được gỡ ra hoàn toàn khỏi lớp vải.

Đó là một hộp bằng gỗ tối màu, dài cỡ mười lăm phân, rộng bảy phân và dày ba phân.

“Mở nó ra nhé...” Rick nói.

Cậu ấn vào nắp phía trên đồng thời đẩy nó trượt xuống dưới.

“Trong ấy có gì không?”

Khi nhìn thấy vật đó, cả ba cùng cau mày.

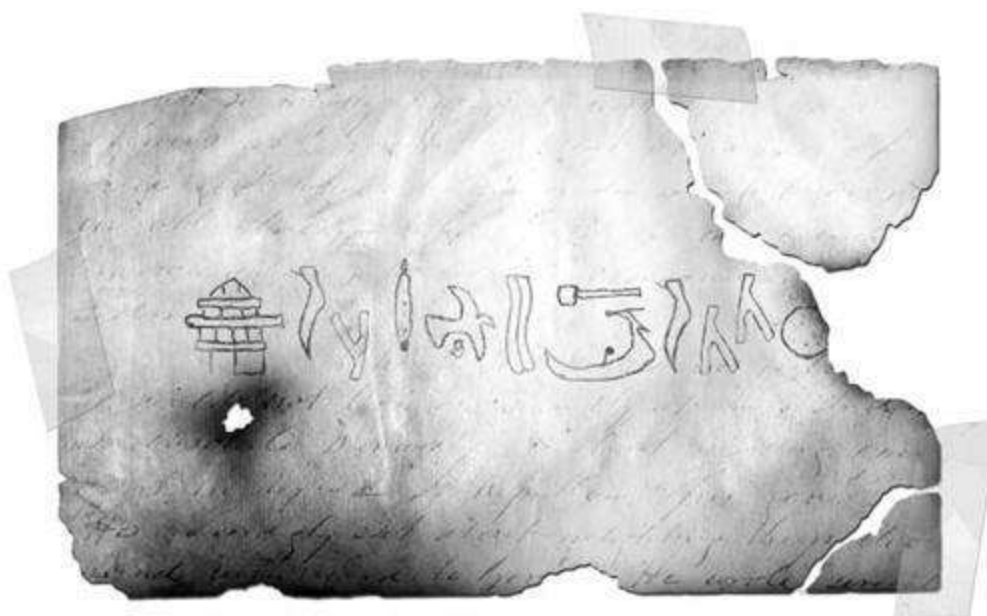
Bên trong hộp có hàng trăm viên đất bùn và một cuộn giấy da nhỏ, được buộc kín bằng một sợi dây. Rick vừa chạm vào, sợi dây đã mủn ra trong tay cậu.

“Từ từ thôi chứ!” Jason lẩm bẩm. “Theo cậu thì đó là cái gì?”

“Có lẽ em đã tìm thấy một cái hộp kiểu hộp sô-cô-la nhưng từ thời Trung cổ,” cô chị mĩa mai.

Cực kỳ chậm rãi, Rick trải cuộn giấy da lên mặt bàn.

Phía trên có những hình vẽ và biểu tượng kỳ lạ:



Cơn dông chợt đến rồi chợt đi. Ánh mặt trời yếu ớt ló ra khỏi những đám mây, làm bừng sáng những giọt nước còn đọng lại trên các cành cây và thân cỏ.

Ông Nestor đang ở trong nhà kính, miệt mài lựa chọn những cây con để mang trồng xuống mảnh đất đã được xới tơi trong vườn. Ông trốn trong đó từ lúc những giọt mưa đầu tiên rơi xuống, rồi tận hưởng thú âm thanh dễ chịu của tiếng nước mưa rơi lộp độp xuống những tấm kính xếp chéo nhau của căn nhà.

Ông không hề lo lắng cho bọn trẻ.

“Có ai chết vì bị gió và một cơn mưa rào chớp nhoáng chứ,” ông nghĩ. Cùng lắm chúng chỉ có thể bị cảm lạnh chút thôi.

Vừa nhìn thấy bọn trẻ quanh quẩn quanh nhà kính, ông lập tức hiểu rằng bọn chúng không dám làm phiền trong lúc ông đang làm việc. Ông cứ để mặc chúng ở đó thêm một chút trước khi lau tay vào chiếc tạp dề trắng và đi ra.

“Các cháu cần gì?” Ông Nestor hỏi. “Làm hỏng cái gì rồi sao?”

Ba đứa trẻ vẫn chưa quen được với thói cộc cằn của ông. Julia huých khuỷu tay về phía em trai, như muốn bảo rằng nó phải là người nói trước.

Jason lắp bắp:

“Không... chỉ là... chúng cháu tự hỏi liệu rằng... nói chung là... bởi vì đã nhiều năm rồi ông... tóm lại là... Julia từng nói...”

Vẻ lúng túng của cậu bé lộ rõ đến mức khiến ông Nestor sém chút nữa thì đã phì cười trước mặt nó.

“Cháu có nghĩ là mình giải thích được điều đó cho ta trong ngày hôm nay không?” Ông hỏi trêu chọc. “Hay là cháu muốn để đến khi nào bình tĩnh hơn?”

Ông Nestor không phải là kiểu người cộc cằn vì xấu tính. Ông chỉ cộc cằn, thế thôi, kiểu người không quen lắm với việc phải dây dưa đến những người khác.

Jason quyết định sẽ thẳng thắn luôn và cậu đưa cho ông cái trông như một ống giấy đó.

“Bọn cháu đã tìm thấy cái này...” Cậu nói.

“Và bọn cháu không biết nó có thể là cái gì. Vì thế bọn cháu nghĩ là ông có thể giúp bọn cháu sáng tỏ hơn.

Ông Nestor mở cuộn giấy da chỉ vừa đủ để nhìn thấy một số biểu tượng.

“Các cháu tìm thấy nó ở đâu?” Ông hỏi liền một hơi, đột nhiên trở nên nghiêm túc.

Bọn họ dừng lại trên lan can nơi từ đó có các bậc thang đi xuống. Jason chỉ và giải thích qua loa chỗ cậu tìm thấy cái hộp, bỏ qua những chi tiết về cú ngã và về việc sém chút nữa cậu đã tan xác trên các mòm đá.

Ông Nestor yên lặng lắng nghe.

Khi cậu bé ngừng nói, người làm vườn vẫn còn đắm chìm trong dòng suy nghĩ một lúc lâu, như thể ông đang lơ đãng lắng nghe tiếng sóng vỗ và tiếng gọi xa xôi của những con mòng biển.

Cuối cùng ông cũng bừng tỉnh. Ông trả lại cuộn giấy cho Jason và lắc đầu:

“Không... Ta thực sự không biết nói gì. Ta cũng không biết nó có thể là cái gì.”

“Có thể là một... kiểu chữ viết chẳng?”

Jason hỏi. Kiểu như chữ của người Ai Cập cổ đại ấy?

“Đó không phải là chữ Ai Cập cổ đại,” Julia bình luận. “Chị đã từng nhìn thấy chữ đó rồi: nó nhiều màu và các nét khác cơ.”

“Tiếp nữa, đây là một cuộn giấy bằng da. Trong khi người Ai Cập cổ đại thì viết trên giấy cói...” Rick nhận xét. “Dù sao thì cũng chẳng có người Ai Cập nào có thể đến được tận Cornovaglia này được.”

“Tại sao không?” Jason hỏi.

“Bởi vì họ không phải là những thủy thủ giỏi” Rick nói tiếp. “Họ cũng có những chiếc thuyền được làm từ mây tre đan, nhưng chúng chỉ có khả năng di chuyển dọc sông Nil thôi. Chúng không bao giờ chọi lại được những con sóng của biển cả. Hơn nữa họ cũng chẳng biết gì về bánh lái.”

Ông Nestor tặng cho cậu bé có mái tóc đỏ ánh mắt ngưỡng mộ.

“Vì thế đây chỉ có thể là một trò đùa” Julia kết luận. “Chị đã bảo em rồi: một hộp sô-cô-la bị hỏng!”

Jason thở dài thườn thượt.

“Chị nói thế mà được à! Cái thế loại đùa gì mà có thể giấu một cái hộp đầy những viên bi đất trong một vách đá chứ? Lại còn, xin lỗi... cái gì đây?”

“Thì là thiệp cảm ơn,” Julia thản nhiên nói.

Cô bé giả vờ đọc những con chữ tượng hình:

“Chúng tôi rất lấy làm vinh hạnh được đến nhà các bạn dự bữa tối... bla bla... Lần nào mẹ chẳng làm thế mỗi khi bố mẹ đi thăm bạn bè.

“Em thì ngược lại, em nghĩ đây là một loại bản đồ,” Jason lẩm bẩm. “Có lẽ một lão cướp biển nào đó đã đóng đô ở Kilmore Cove này và hẳn đã giấu kho báu của mình ở một nơi nào đó quanh đây.”

“Lại thế rồi!” Julia thốt lên. “Lúc đầu thì con... và giờ thì lại tên cướp biển!”

Cô bé không nói ra từ “ma” trước mặt ông Nestor, nhưng Rick và Jason hiểu ngay tắp lự.

“Ông chủ cũ...” Người làm vườn lên tiếng.

Nhưng sau đó ông lại lắc đầu, rồi quay ngoắt, bỏ đi, vừa đi vừa cời cái tạp dề có vẻ hơi giận dữ.

“Ông chủ cũ... làm sao cơ ạ?” Jason vừa đi theo ông vừa hỏi, đứng chặn giữa ông và căn nhà kính.

“Thôi bỏ đi, cậu bé. Không hay ho gì đâu.”

Ông Nestor lấy tay khẽ đẩy cậu sang bên.

Bị chạm vào vết thương, Jason kêu lên:

“Ái!”

“Chuyện gì xảy ra với cháu vậy?”

Jason nghiêng răng.

“Không có gì ạ,” cậu đáp lại.

Sau đó cậu vẫn đứng yên trước mặt ông, như muốn nói: “Hãy nói hết những gì ông định nói đi.”

Ông Nestor thở dài, đầu hàng với sự kiên quyết đến lạ thường của cậu bé.

“Ta không nghĩ là điều đó lại khiến các cháu quan tâm, nhưng mà dù sao thì... ông chủ cũ cũng là một người đam mê những ngôn ngữ cổ. Ông ấy có một đồng sách nói về các kiểu chữ viết đã thất truyền, các loại mật mã, ngôn ngữ dùng để giải mã và các kiểu giải mã khác nhau. Có lẽ một trong những quyển sách của ông ấy có thể giúp các cháu dịch được thông điệp của cuộn giấy này.”

Jason gật đầu nói:

“Cảm ơn ông!”

“Bây giờ tới lượt cháu phải nói cho ta biết đã có chuyện gì xảy ra với cháu. Cháu đau chỗ nào?”

“Cháu bị đau nếu ai đó chạm vào đây, trên ngực.”

“Tại sao vậy?”

Jason cười:

“Tại vì ở đây có đây những vết trầy xước. Vết thương do cháu bị ngã sấp bụng lên vách đá.”

Ông Nestor cũng cười:

“Cháu thấy vui lắm khi giễu cợt ta như thế, có phải không?”

Và, không chút băn khoăn xem những lời Jason nói có hoàn toàn là sự thật không, ông đã rảo bước về phía nhà kính.

Chương 9. Thư viện

Thư viện nằm ở bên trái cầu thang, trên tầng hai. Đó là một căn phòng có trần nhà được trang trí với các họa tiết đắp nổi khoanh tròn màu xanh lam và đỏ, với hai ô cửa sổ rất thoáng, một trông xuống mảnh sân rải sỏi và một trông ra vườn. Căn phòng đầy ắp những giá kệ ngồn ngộn sách. Còn có một chiếc trường kỷ bọc da trâu, một cây đàn piano mà trên đó chất đống các loại tạp chí, và để hoàn tất khung cảnh là hai chiếc ghế xoay bất tiện. Mỗi giá sách đều được đánh dấu bằng một tấm biển riêng biệt làm từ đồng thau trên đề: *Lịch sử, Y học, Địa lý*

Ba đứa trẻ bắt tay vào công việc tìm những cuốn sách mà ông Nestor gợi ý.

“Chắc chắn là trong cuốn sách này,” Julia quả quyết.

“Nó viết gì?”

“Cổ tự học.”

““Cổ tự học” nghĩa là cái quái gì?”

“Trong tiếng Hy Lạp paleo nghĩa là “cổ xưa”, như kiểu con người thời cổ đại ấy. Còn graphie có nghĩa là “chữ viết”, nếu chị không nhầm.

Rick và Jason nhìn cô bé ngưỡng mộ.

Sau đó Rick kiễng chân lên chộp lấy một cuốn sách dày cộp có tiêu đề Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên. Bên trong có hàng chục hình ảnh và biểu tượng phác họa lại những kiểu chữ viết cổ: bảng chữ cái Phoenicia, bảng chữ cái tiếng Ấn Độ, bảng chữ tượng hình tiếng Ai Cập, tiếng Etruscan huyền bí, bảng chữ cái tiếng Hy Lạp, kiểu chữ rongo-rongo xa lạ của Đảo Pasqua... và rất nhiều thứ nữa.

Mỗi trang sách đều đầy bất ngờ: nó chứa đựng các biểu tượng, hình vẽ, mật mã, những ngôn ngữ bị biến mất, những từ ngữ bị biến mất.

Khi Rick giở tới trang 196-197, Jason thốt lên:

“Dừng lại! Là trang này?”

Ở giữa trang giấy đó có đăng bức hình này:



“Hình như đúng là chúng rồi...”

“Ở bên dưới viết gì vậy?”

Rick đọc to: Đây là bốn mươi lăm hình vẽ bí ẩn về cái được gọi là “Chiếc đĩa Festo”. Đó là một chiếc đĩa bằng đất sét hình thù méo mó, được các nhà khảo cổ học Halbherr và Pernier phát hiện trên đảo Festo vào đầu thế kỷ XX, và chưa từng được giải mã...

“Chúng ta khởi đầu thuận lợi đấy!” Julia thì thầm.

“... trên cả hai mặt đĩa đều có một dòng chữ viết theo kiểu xoắn ốc, trông giống một con rắn. Các chữ đi kèm với từng nét tượng hình là một phần trong nỗ lực phiên âm được nhà khảo cổ Elton Carter thực hiện vào tháng Ba năm 2003.

Quả thực, bên cạnh các hình vẽ đều có các ký tự tương đương trong bảng chữ cái của chúng ta.

“Hình người đang đi này là chỉ số 1. Cái đĩa với những chấm nhỏ này tương đương chữ A của chúng ta.” Jason lẩm bẩm.

“Chúng ta hãy thử dịch cuộn giấy da này đi!” Julia kêu gọi.

Rick nhún vai.

“Không dịch nổi đâu! Biết các chữ cái thôi không đủ để giải mã được một thông điệp từ thời cổ đại. Chúng ta còn phải nắm vững cả ngôn ngữ đó.

“Mà ai bảo cậu là nó cổ?” Jason lẩm bẩm.

“Nhưng rõ ràng là thế mà! Những ký tự trên chiếc đĩa Festo này đã được sử dụng,” cậu đọc trong từ điển, “vài nghìn năm trước Công Nguyên.”

Tuy nhiên, hai chị em sinh đôi lại có quan điểm khác. Chúng lấy giấy bút và bắt đầu trích dẫn phần phiên âm bên cạnh mỗi nét chữ tượng hình trong cuộn giấy da.

“TRONG!” Jason reo lên khi dịch được những ký tự đầu tiên.

“Chẳng có ý nghĩa gì cả!” Rick phản bác, vẫn tỏ ra ngờ vực.

“BÓNG TỐI!” Julia thốt lên.

Hai chị em nhìn nhau:

“Trong bóng tối!” Cả hai đồng thanh. “Có nghĩa rồi đây.”

Rick sừng sốt: có thể cuộn giấy da đó chứa đựng một thông điệp có nghĩa nào đó trong ngôn ngữ hiện đại, nhưng được viết bằng một bảng chữ cái xa lạ?

Dần dần, một câu có nghĩa hoàn chỉnh đã hiện ra:

Trong bóng tối của hang bạn có thể dùng...

Đến đó thì cây bút mà bọn chúng đang dùng để ghi chú ý nghĩa của các ký tự không viết được nữa.

“Khỉ thật!” Jason thốt lên, vẩy thật mạnh cây bút. “Chị đi lấy cái khác đi,” cậu sai Julia.

“Em đi mà lấy!”

“Sao em biết được chúng ở đâu.”

“Thế cây bút chì em dùng để vẽ bản đồ đi đâu rồi hả?”

“Cây bút để vẽ bản đồ ư?”

Jason nhớ ra rằng tại Julia mà cậu đã làm nó rơi và lăn xuống dưới gầm tủ.

“Nó ở tầng dưới. Em chạy đi lấy đây!”

Cậu lao xuống cầu thang, trong khi Rick và Julia tiếp tục từ từ dịch thành tiếng những con chữ rời rạc mà chúng tìm được.

Jason nhảy cóc bốn bậc thang một và chạy về phía căn phòng bằng đá. Cậu chột khựng lại khi có cảm giác nhìn thấy một cái bóng di chuyển trước mặt mình. Trong đầu cậu hiện lên đầy những suy nghĩ lộn xộn như một bầy chim hỗn loạn.

Phía trên, tiếng Rick và chị gái cậu vọng xuống đều đều nhưng bị nhỏ đi vì khoảng cách:

“Trong bóng tối của hang bạn có thể dùng m...ă...”

“... bạn có thể dùng mặt đ...â...”

“... bạn có thể dùng mặt đá...t!”

Từng chút một, cảm giác hoảng sợ trong cậu dần biến mất. Jason nhìn ngó xung quanh kỹ càng nhưng không thấy ai cả. Và cũng không nghe thấy bất cứ tiếng động đáng ngờ nào. Có lẽ cậu đã nhầm: cậu không nhìn thấy cái bóng nào cả, có lẽ chỉ là phản chiếu của một trong rất nhiều đồ đạc được bày biện trong nhà mà thôi.

Cậu thận trọng bước vào căn phòng bằng đá.

Từ một góc sàn nhà cậu ngó thấy tấm bản đồ mà ba đứa vừa vẽ xong lúc trước và đã bỏ lại trên mặt đất để đi tìm bức chân dung của người chủ cũ Ulysses. Jason băng ngang căn phòng, căng tất cả các giác quan ra nghe ngóng. Cậu đi về phía cái tủ nơi cây bút bị lăn dưới đó và nằm bò xuống sàn nhà để với lấy nó.

Đương nhiên là cây bút bị lăn vào góc xa nhất và Jason phải vươn người hết cỡ dưới cái tủ để với nó.

Khi cuối cùng cũng chạm được vào cây bút và cố lấy nó ra, thì tay cậu lại trượt qua bức tường phía sau tủ.

Và cậu nhận ra một điều: bức tường đó không phải là một bức tường thực sự.

Dường như nó được làm bằng gỗ.

Tò mò, Jason ngó nhìn một cách chăm chú.

Cái tủ đã che khuất một cánh cửa.

Jason trở lại thư viện sau vài phút. Cậu đưa bút cho hai đứa kia, rồi ngồi sang một bên, im lặng và suy tư, cho tới tận khi Rick và Julia dịch xong cả bức thông điệp. Julia viết nó lại thành bốn dòng nhìn như một bài thơ và đọc to bằng giọng đặc thủng.

Nghe những lời đó, Jason cảm thấy rùng mình kinh hãi và ớn lạnh tới tận xương tủy, như con châu chấu bị đóng đá vậy:

Trong bóng tối của hang

Có thể dùng đất-đèn

Để thắp sáng chiến hạm

Dẫn bạn tới nơi bạn muốn.

“Tuyệt!” Rick thở phào. “Đã dễ hiểu hơn lúc đầu.”

“Gần đây có hang động nào không?” Julia hỏi cậu.

Rick nhún vai:

“Mình nghĩ là có. Ở cái đất Kilmore Cove này, hang động có ở khắp nơi mà.”

Sau đó cậu giải thích:

“Kilmore Cove là một cái tên rất chính xác, mình nghĩ vậy. Cove có nghĩa là ‘vũng nhỏ’, ‘vịnh’, nhưng cũng được dùng để chỉ hang động. Người làng kể rằng thời xưa, những người Druid cổ đại thường tụ họp ở Kilmore Cove vào mỗi dịp xuân phân và địa điểm hội họp của họ là một cái

hang ngoài biển... mà sau đó bị sụp đổ, hoặc bị phá hoại, vào thời quân La Mã xâm chiếm.”

“Em có nghe thấy gì không, Jason? Những người Druid đấy!” Julia thốt lên. “Điều có nghĩa là... khi thật... cách đây hàng nghìn hàng nghìn năm rồi đấy.”

Sau khi dịch xong bức thông điệp, Julia cảm thấy rất phấn khích và quyết chí phải làm sáng tỏ bí ẩn đó. Rick vừa tổng kết lại tất cả những truyền thuyết kể về các hang động, các khe núi hay các chiến hạm, vừa vô vọng tìm nghĩa cho từ “đất-đèn”. Jason, trái lại, chuyên gia bịa đặt những bí ẩn và những từ ngữ không có trên đời thì chán nản, trầm ngâm tựa vào chiếc đàn piano.

“Jason?” Chị cậu gọi. “Em ổn chứ? Những vết xây xát làm em đau à?”

Bần thần đứng giữa Rick và Julia, cậu bé nhìn trân trân vào khoảng không.

“Jason? Em ngủ mê hay sao thế?” Julia cố nài. Cô lắc lắc vai em trai.

Mắt Jason sáng rực lên, như những viên bi đầy màu sắc đựng trong một chiếc hộp.

Cậu nhìn Julia và hỏi:

“Gì cơ?”

“Nó ngủ đứng đấy, trời đất ơi!” Cô bé nói đùa, nháy mắt với Rick. “Bây giờ, khi chúng ta phải giải quyết một bí ẩn thực sự, thì em trai mình lại quyết định chợp mắt một lát. NÀY! JASON! TỈNH DẬY ĐI!”

Và cô ác ý vỗ mạnh tay vào ngực em trai.

Jason nhảy căng lên vì đau.

“Em chạm đất chưa vậy?” Julia kêu lên. “Em có nghe những gì bọn chị đang nói về người Druid không?”

“Có, có,” cậu lẩm bẩm, xoa xoa chiếc áo. “Chỉ có điều... người Druid...”

“Rick nói rằng, thời xưa, ở đâu đó trong Kilmore Cove này, có một hang động nơi người Druid thường tổ chức hội họp và nó đã bị tàn phá vào thời La Mã xâm chiếm...”

Jason lắc đầu.

“Không. Nhảm rồi. Nó chưa bị tàn phá đâu.”

“Nhưng sao em biết được điều đó?”

“Bởi vì em... hôm nay...” Cậu thì thầm. “Khi nhìn vào khe núi đá... em đã thấy nó!”

Chương 10. Phía sau tủ

Được Jason dẫn đường, cả ba trở lại căn phòng bằng đá, đồng thời mang theo cả cuốn từ điển, chiếc hộp chứa đầy những viên bi đất, cuộn giấy da cùng bản dịch và cây bút duy nhất trong nhà còn viết được.

“Em đã nhìn thấy một khoảng không, hai người hiểu chứ?” Jason giải thích. “Như thể đằng sau vách đá này có một khoảng không.”

“Em định nói rằng vách đá bị... khoét sâu?”

Jason gật đầu.

“Đó là lý do giải thích làm sao cậu lại tìm được cái hộp đó.” Rick nói. “Cậu đã thò tay vào một cái hốc và... bên trong... cậu đã lấy được nó.”

Julia đọc to lại bức thông điệp:

“Trong bóng tối của hang... thấp sáng chiến hạm... Đúng rồi! Đúng rồi!” Cô bé thốt lên. Bức thông điệp nói đến một chiến hạm. Và một chiến hạm chỉ có thể ở gần biển mà thôi. Người đã viết bức thông điệp này...

“Người chủ cũ,” Jason xen vào.

“Nghĩa là thế nào?”

“Bức thông điệp này là do người chủ cũ của Biệt thự Argo viết. Còn ai khác vào đây nữa? Nó được viết bằng ngôn ngữ của chúng ta, chỉ có điều... Ulysses Moore đã dùng bảng chữ cái trên Chiếc đĩa Festo để làm cho nó thêm phần bí ẩn mà thôi.”

“Để làm cho nó khó hiểu ấy, rồi...! Nhưng... tại sao?”

“Nếu, mình chỉ nói là... nếu thôi nhé,” Julia lên tiếng, “trong vách đá có một cái hang... vậy thì chẳng lẽ lại không có một kho báu? Và nếu, mình vẫn nói là nếu đấy nhé... có kho báu, thì ông chủ cũ Ulysses Moore có thể đã tổ chức một cuộc... truy tìm kho báu, nhưng chỉ cho một số ít người được lựa chọn thôi. Giống như bọn cướp biển hay làm chẳng hạn, đúng không? Chúng tìm những nơi ít người biết đến để giấu những thứ chúng tìm được và rồi chúng biến mất, để lại dấu vết duy nhất là một tấm bản đồ khó hiểu để khiêu khích những kẻ truy tìm kho báu.”

“Bọn cướp biển không phải tìm thấy, mà là ăn trộm được,” Rick chỉnh lại.

Julia thở dài.

“Nhưng dù sao thì ở đây cũng đang nói đến chiến hạm, phải không? Mà để có chiến hạm thì hoặc cậu phải là một ngư dân giàu có, hoặc cậu phải là một tên cướp biển sở hữu cả một kho báu.”

Rick nhăn mặt: suy luận của Julia không thuyết phục tẹo nào, nhưng cậu quyết định không tranh luận.

Julia tiếp tục:

“Vì vậy, Jason mới nói người chủ cũ đã viết bức thông điệp đó. Còn mình, mình nghĩ là ông ấy không phải vô cớ mà làm thế. Tóm lại: chúng ta có một người chủ cũ và một kho báu. Chúng ta cũng đã đồng ý rằng có một cái hang trong vách đá. Chỉ còn một điều chúng ta chưa rõ, đó là đất-đền.”

Nói rồi, cô đưa mắt liếc nhìn những viên đất sét trong chiếc hộp.

“Và... tìm cách để chúng ta có thể vào cái hang này.” Julia kết luận.

“Ồ, điều này thì dễ.” Jason mỉm cười reo lên. “Nếu ông chủ cũ Ulysses là người viết bức thông điệp này và để nó trong hang, thì có nghĩa là ông ấy cũng có thể vào đó một cách dễ dàng, vào trong hang ấy.”

“Chính xác!”

“Vậy có nghĩa là ông ta đi xuống hang từ nhà mình, nói cách khác là... từ Biệt thự Argo.”

“Chính xác!”

“Em nghĩ có lẽ em biết đi xuống đó bằng cách nào đấy.”

“Vậy em còn chờ gì nữa mà chưa nói ra?”

Jason chỉ cho chúng chiếc tủ kê sát bức tường đá trong căn phòng.

“Có một cánh cửa, phía sau đó. Nếu hai người giúp em một tay để kéo nó ra, thì có thể nhìn thấy.”

Cánh cửa trông rất đáng sợ.

Nó không lớn hơn so với những cánh cửa khác trong nhà, nhưng nhìn qua cũng có thể nhận ra nó lâu đời hơn. Lâu đời hơn nhiều những gì cả ba đứa tưởng tượng.

Mặt gỗ đã bị mục, phủ đầy những vết trầy xước, như thể cánh cửa đã phải chịu rất nhiều cú va đập và còn bị cháy sém nhiều mảng.

Bọn trẻ vẫn ngồi bệt xuống sàn, nhìn cánh cửa hồi lâu. Chúng đã dùng hết sức bình sinh mới di chuyển được cái tủ ra, vừa đủ để lộ cả cánh cửa.

Dường như cái tủ được đặt ở đó với ý định chính xác là để che đi cánh cửa. Và ý định đó, bây giờ đã bị phát hiện, mang lại cho cánh cửa đó một sức mê hoặc đặc biệt.

“Em nói là cái này ư?” Julia hỏi.

Jason cầm lại tấm bản đồ ngôi nhà mà cả bọn vẽ lúc chiều. Cậu đánh một dấu “X” vào vị trí của cánh cửa này và trả lời:

“Chắc chắn là cái này. Nó là một trong những cánh cửa bí mật mà ông chủ cũ Ulysses vẫn đi qua đi lại.

“Jason!” Chị cậu thốt lên. “Ulysses Moore CHẾT RỒI.”

“Ai nói với chị thế? Ngôi nhà này rộng đến mức chúng ta không thể nào nhận ra được sự có mặt của ông ấy đâu! Và thêm nữa... em đã nhìn thấy ông ấy!”

Rick và Julia nhìn nhau.

“Em đã nhìn thấy ông ấy là ý gì?”

“Lúc em đi xuống lấy cây bút chì, vừa xong, em đã nhìn thấy, chỉ một thoáng thôi, một cái bóng... rồi nó BIẾN MẮT! Nó đã vọt đi đâu đó, thậm chí trước cả khi em có thời gian lấy hơi...”

Jason nhìn Rick trước, sau đó quay sang chị gái, cậu đọc thấy đồng dấu hỏi to tướng trên nét mặt của hai đứa.

“Hai người không tin em, đúng không?”

“Em cũng nhìn thấy cái hang, theo cách đó?” Julia hỏi, đột nhiên nghi ngờ.

“Cái đó thì liên quan gì?”

Julia đứng dậy.

“Chị thật ngây thơ,” cô bé nói. “Chị thậm chí đã tin em: hang động, vách đá bị khoét rỗng, lối đi phía sau cánh cửa này... Chị đã quên em là kiểu người gì. Lại là một trò tưởng tượng của em thôi, đúng không? Thực ra em chẳng nhìn thấy cái hang nào cả! Là em tưởng tượng ra mà thôi!”

“Không phải như thế! Em đã nhìn thấy thật mà!”

“Jason: hãy thề đi. Thề với chị là hôm nay, trên vách đá, em đã nhìn thấy một cái hang.”

Jason cảm thấy cái điên lên. Cậu vẫn nhớ như in thứ mình đã thoáng thấy qua khe hở.

Cậu đã nhìn thấy một khoảng trống.

Không.

Cậu có cảm giác về một loại kiểu như khoảng trống.

Cũng không phải vậy.

Cậu linh cảm thấy rằng có thể tồn tại một khoảng không trong đó.

Cậu không thực sự nhìn thấy cái hang. Ít nhất, không phải là một cái hang tiêu chuẩn với nhũ đá, măng đá và tất cả những thứ thường thấy trong một cái hang. Cũng như việc cậu không thực sự nhìn thấy cái bóng ở tầng dưới. Nhưng...

“Jason...?!”

Cậu nhìn quanh, buồn bã.

“Em... Không, em không thể thề với chị được. Nhưng mà... Rick... cậu hãy nói với chị ấy rằng...”

Rick gật đầu.

“Thực ra Jason nhìn thấy gì không quá quan trọng thế đâu. Vì suy cho cùng thì cái hộp thực sự tồn tại, và chúng ta đã có nó. Và bức thông điệp cũng tồn tại, dù ý nghĩa của bức thông điệp ấy có là gì. Và, trời ạ, còn cả cánh cửa này nữa!”

“Vậy thì chúng ta hãy mở nó ra!” Julia thốt lên, bỗng hứng thú trở lại.

Bởi vì cánh cửa bị thiếu mất tay nắm, nên Julia thò một ngón tay vào chỗ giống như cái ổ khóa, ngoắc vào và thử kéo ra. Nhưng cánh cửa không hề xê dịch lấy một li.

“Nó bị khoá rồi!” Cô bé than vãn. “Và có lẽ nó chẳng dẫn đi đâu hết đâu.”

Rick sờ tay lên mặt gỗ đã bị biến dạng, như để vuốt ve nó. Sau đó cậu quỳ xuống trước cái ổ khóa mà Julia đã thò tay vào.

“Nó bị khoá rồi, đúng vậy, nhưng nếu nó chẳng dẫn đi đâu, thì tại sao nó lại phải có không chỉ một, mà tận bốn cái ổ khóa khác nhau?”

Julia nhìn kỹ hơn.

Một, hai, ba, và... bốn.

Bên trái cánh cửa thực sự có bốn ổ khóa được xếp theo hình chữ thập.

Bọn trẻ bàn tán với nhau, say mê theo những phỏng đoán ngày càng phức tạp. Chúng đã có trong tay rất nhiều đầu mối, nhưng vẫn còn quá rời rạc. Chúng có thể sẽ lại đi hỏi ông Nestor hoặc khám xét ngôi nhà từng tí từng tí một, từng ngăn kéo một, để tìm cho ra những chiếc chìa có thể mở được các ổ khóa kia ra.

Hoặc là...

Chúng chợt cảm thấy một luồng gió xộc tới, tiếp đó là một tiếng gõ cộc lốc phát ra từ tầng trên.

“Là ông ta đấy!” Jason thốt lên, nhảy bật dậy.

Bọn trẻ leo nhanh lên căn phòng trên đầu cầu thang.

Nhưng không phải là ông ta như Jason tưởng tượng: cánh cửa sổ trên tháp canh lại một lần nữa mở ra và bắt đầu đập vào khung cửa.

Rick cố gắng đóng thật chắc cánh cửa sổ nổi loạn lại:

“Cái chốt đã bị lỏng rồi,” cậu lên tiếng, phân tích nó với ánh mắt xét đoán. “Mình nghĩ là để sửa nó, các cậu nên gọi ai đó có khả năng.”

“Không phải ngẫu nhiên mà nó được mở đâu.” Jason vừa lẩm bẫm vừa đưa mắt dò xét khắp căn phòng.

Qua cửa sổ, cậu nhìn xuống khu vườn quanh Biệt thự Argo vẫn còn ẩm ướt vì trận mưa, cậu không thấy ai hết.

Bất chợt, mấy cái mô hình thuyền buồm được đặt trên chiếc rương thu hút sự chú ý của cậu.

“Cái đó vốn được để như thế à?” Cậu hỏi.

“Như thế là thế nào?” Julia hỏi.

Một chiếc thuyền buồm trong chiến hạm nhỏ xíu bằng gỗ được đặt trên một cuốn sách có bìa tối màu làm giá đỡ.

Mô hình chiếc thuyền dài và thon, với phần thân được làm từ hàng chục sợi cói nhỏ xíu được gắn tỉ mỉ với nhau bằng những sợi dây nhỏ.

Rick và Julia lắc đầu ngập ngừng: không ai trong cả bọn nhớ gì về sự có mặt của cuốn sách trong chuyến viếng thăm lần trước. Nhưng, thực ra mà nói, cũng chẳng đứa nào nhớ là nó không có.

Một cách thận trọng, Jason nhắc chiếc thuyền nhỏ lên và đưa cho Rick.

Tấm biển bằng đồng thau trên mạn thuyền ghi Nefertiti's Eye - Con mắt của Nefertiti.

“Chắc là mô hình tàu thủy Ai Cập,” Rick lẩm bẩm trong khi xoay nó trong tay.

“Tất cả đều được làm bằng sợi cói...”

“Coi chỉ dùng để làm giấy viết thôi chứ!” Julia ngắt lời.

Rick nhún vai.

“Theo những gì mình được biết, thì người Ai Cập làm được tất cả mọi thứ bằng thân cây cói.”

Jason mở cuốn sách màu đen được dùng để làm giá đỡ. Nó không phải một cuốn sách, mà là một quyển nhật ký hành trình. Ai đó đã ghi và chú thích bằng một kiểu chữ nhỏ và khó đọc; nhiều mảnh giấy được cắt ra từ báo, tranh vẽ và nhiều bức ảnh cũng được dán trong các trang giấy.

“Ai Cập...” Cậu nói, giọng thất vọng. “Đây là một loại nhật ký hành trình ở Ai Cập.”

Cậu đọc lướt các trang: các chữ tượng hình, bản sao chiếc mặt nạ vàng của Tutankhamon - vị vua Ai Cập nhỏ tuổi, bức tượng điêu khắc phần đầu của Thái hậu - bà Nefertiti, bản đồ Thung lũng của các vị Vua - nơi tìm thấy kho báu của Nhà vua.

“Theo mình, nó chủ yếu nói về vua Tutankhamon. Có rất nhiều đánh dấu, ghi chép, những dấu khoanh tròn màu đỏ...”

Cậu mở trang giữa của cuốn nhật ký.

“Dường như ông chủ cũ Ulysses lưu giữ một bộ sưu tập những thứ về Ai Cập trong cuốn nhật ký này.”

“Đây là cuốn sách hướng dẫn cách làm việc trên con thuyền này.” Rick ngắm soi trong khi vẫn cầm chiếc tàu Con mắt của Nefertiti trong tay.

“Rõ là thế rồi. Người làm ra các mô hình này chắc hẳn phải là một người rất tỉ mỉ...”

Rick gật đầu.

“Đây có thể là một chiến hạm,” Julia thì thầm. “Chiến hạm trong bức thông điệp: chiến hạm... dẫn bạn đi tới nơi bạn muốn. Có thể là một cách hay nếu nói rằng... với những mô hình này, ông ấy tưởng tượng là mình có thể đi du lịch ở nhiều nơi và... như thế...”

“Có thể!... Vậy đất-dền là gì?”

“Có lẽ... có lẽ cần để một viên đất này lên từng cái thuyền và...”

Một tờ giấy nhỏ rơi ra khỏi cuốn nhật ký, bay xuống đất. Jason cúi người nhặt nó lên.

“Mọi người xem này!” Cậu thốt lên, mừng rỡ.

“Gì thế?”

“Có vẻ... có vẻ là một thông báo của bưu điện: Bưu điện Kilmore Cove.”

Jason lật lại và đọc:



“Điều này chắc đủ để thuyết phục em rằng ông chủ cũ Ulysses đã chết.” Julia thì thầm với em trai. “Ông ta thậm chí còn không đi lấy bưu kiện của mình.”

Nhưng tính bướng bỉnh của Jason vẫn không chịu đầu hàng kể cả khi chứng cứ đã ở ngay trước mặt:

“Nhưng ai mà biết ông ta không cố tình để nó lại cho chúng ta? Cửa sổ tự mở, cuốn nhật ký, giấy thông báo trong nhật ký... Chẳng lẽ chỉ đơn giản là sự trùng hợp sao?”

“Đúng là chúng ta chẳng biết gì nhiều,” Julia ghi nhận. “Cuốn nhật ký có thể vốn đã ở dưới cái mô hình đó rồi.”

“Theo em, chúng ta nên đi lấy gói bưu kiện đó!” Jason khẳng định.

“VẬY thì, không chỉ là một hồn ma vô hình, ông ta còn là một hồn ma hơi không được mưu mẹo cho lắm nữa.” Julia bắt bẻ. “Hôm nay là thứ Bảy và bưu điện thì đóng cửa buổi chiều!”

Rick nhăn mặt.

“Đúng thế,” cậu nói. “Nhưng ai sống ở Kilmore Cove này đều biết rằng... nói chung... trong trường hợp khẩn cấp, người ta có thể đến nhờ cô Calypso ở hiệu sách. Cô ấy là người mở cửa bưu điện.”

“Cậu biết cô ấy không?” Jason hỏi.

“Tất nhiên. Trong làng, hầu hết mọi người đều biết nhau.

“Vậy thì cậu nghĩ cô ấy sẽ mở cửa bưu điện vì đôi mắt tuyệt đẹp của cậu chứ?”

“Chúng ta có thể hỏi cô ấy việc đó.

Julia chống hai tay lên hông.

“Này các cậu, đừng có mất trí. Ngay trước khi cái cửa sổ này bị mở ra, chúng ta đang làm một việc hoàn toàn khác: tìm cho ra cửa hang bí mật, chúng ta đang có một cánh cửa bị đóng cần bốn chiếc chìa khóa và còn một câu bí ẩn vẫn chưa luận được. Mình không nghĩ đây là một ý kiến hay...”

Nhưng Jason và Rick đã xuống đến giữa cầu thang.

Chương 11. Ở Kilmore cove

Khi hai cậu bé nhờ ông Nestor mở cửa cái ga-ra cũ của Biệt thự Argo thì đã gần sáu giờ chiều. Cánh cửa cuốn được kéo lên kêu cọt két, mở ra một không gian đầy bụi bặm, được thắp sáng vừa đủ bằng một chiếc đèn nhỏ đơn độc treo trên trần nhà. Phần lớn ga-ra bị choán chỗ bởi một chiếc xe hơi được phủ vải trắng. Đó là một chiếc xe mui trần cổ của những năm 50.

“Nó vẫn còn chạy được chứ ạ?” Rick hỏi, đưa ánh mắt tò mò ngăm nhìn phía dưới tấm vải.

“Ta không nghĩ thế: đã nhiều năm trôi qua kể từ lần cuối cùng chúng ta khởi động nó.” Ông Nestor trả lời, đi quanh chiếc xe mui trần để tìm gì đó.

“Chúng đây rồi!” Ông lẩm bẩm như tự nói với chính mình.

Ông vén tấm vải phủ thứ hai lên, để lộ ra hai chiếc xe đạp cũ dựa cạnh nhau.

“Ta nhớ là chúng ta đã cất giữ chúng mà. Nào các cháu, hãy kéo chúng ra khỏi đây!”

Rick tóm ghi-đông của chiếc xe đầu tiên, Jason kéo chiếc thứ hai ra. Hai đứa dắt xe ra khỏi ga-ra.

“Ôi!” Rick reo lên khi nhìn thấy chúng dưới ánh sáng mặt trời.

Đó là hai mẫu xe cũ không có hộp số, với khung xe nặng nề bằng gang màu đen.

“Săm lốp hẳn vẫn còn tốt,” ông Nestor vừa nói vừa đưa cho chúng một chiếc bơm. “Gắng sức một chút là các cháu có thể đi nó ra đường đấy.”

Sau đó ông cũng đưa thêm cho chúng một bình xịt dầu và một cái giẻ ẩm.

“Các cháu dùng những cái này cho phanh và xích. Trước tiên lấy giẻ lau sạch bụi đi, sau đó tra dầu vào, sau đó lại lấy giẻ lau, cho tới khi nào các cháu thấy nó quay trơn tru thì thôi. Tra nhiều dầu vào nữa, xích mà không trơn sẽ bị giật đấy.”

“Chúng ta có chắc là mấy cái thứ cũ gì này sẽ đi được xuống tận dưới làng không?” Jason hỏi, lo lắng bởi những tiếng cọt kẹt đáng lo ngại của hai chiếc xe đạp cũ. “Chúng nặng ít nhất cũng cả tấn đấy!”

“Đi xuống làng thì được, chắc chắn là đi được,” người làm vườn trả lời. “Những chiếc xe này cũ nhưng rất khỏe. Còn chiều về thì phụ thuộc vào hai lá phổi của các cháu thôi. Và cả đôi chân nữa. Dù sao thì ngài Ulysses Moore và phu nhân vẫn dùng chúng bình thường mà...”

Rick dựng một trong hai cái xe lên, bắt đầu bơm hơi. Ông Nestor chăm chú quan sát cậu bé vẽ hài lòng: ông thích những người giỏi xoay xở.

“Ta có thể được biết vì sao các cháu lại muốn xuống Kilmore Cove vào giờ này không?” Ông hỏi bọn trẻ.

Mặt Jason thần ra, như một dấu hiệu rõ ràng của việc sắp nói dối. Sau đó cậu nói gì đó ngớ ngẩn tới mức ông Nestor dường như chỉ nhắm mắt làm ngơ.

“Các cháu chỉ cần cố gắng đừng có dính vào bất cứ rắc rối nào là được,” ông Nestor nói. “Và đừng có về nhà muộn quá, được không? Bố mẹ các cháu đã yêu cầu ta chuẩn bị cho các cháu món gì đó để ăn tối, và ta thì không thích làm ra rồi lại thành công cốc đâu.”

Rồi ông bỏ đi, để bọn trẻ ở lại tự xoay sở với hai chiếc xe đạp cũ.

Mười lăm phút sau, Jason và Rick đã leo lên yên của hai chiếc xe đạp cũ kỹ. Julia thì dùng xe đạp của Rick, nhẹ hơn và dễ điều khiển hơn, và sau khi điều chỉnh độ cao yên, cô bé đã sẵn sàng đạp cùng cả bọn.

Bọn trẻ chào người làm vườn, đi vào lối dẫn ra cổng biệt thự và men theo con đường trên vách đá, xuống dốc, hướng thẳng về phía vịnh Kilmore Cove.

Julia vượt lên trước cả bọn, tóc bay trong gió và rẽ vào khúc cua đầu tiên, vừa đi vừa hò hét sung sướng. Jason cao giọng phản đối gì đó, trong khi Rick, đi sau cả bọn, nhìn lại lần cuối về phía khu vườn để chào ông Nestor.

Ông lão làm vườn khum một tay che mắt, nhìn bọn trẻ khuất dần trên đường.

“Ai mà biết được!” Ông tự lẩm bẩm với chính mình. - Ai mà biết được bọn chúng có làm được không...

Con dốc làm người ta phát chóng mặt: những bánh xe lăn điên cuồng và ngôi làng dần dần hiện ra, sau từng khúc ngoặt. Kilmore Cove là một quần thể những ngôi nhà thấp, vuông vắn, được sơn nhiều màu sắc khác nhau, tựa lưng bên bờ an toàn nhất của vịnh. Con đường ven biển giao cắt với những con đường đâm ra từ đất liền tạo thành hàng loạt chữ T trước biển.

Giống như mọi ngày thứ Bảy, rất nhiều xe hơi đang xi-nhan để tìm một chỗ đỗ dọc bến tàu trên cảng và trên lối đi bộ, cùng dòng người nhộn nhịp qua lại.

Julia tới nơi đầu tiên, cô bé nhảy xuống khỏi chiếc xe của Rick và dựa nó vào một biển chỉ đường cảnh báo không được đỗ xe quá sát bãi biển, vì nguy cơ thủy triều sẽ cuốn cả xe đi.

“Này! Lũ chậm chạp!” Cô bé kêu lên với hai người bạn đồng hành khi họ đuổi kịp cô.

“Với cái xe chết tiệt này,” Jason càu nhàu, “chỉ có hai phương án: hoặc là dừng lại, hoặc là đi với vận tốc ánh sáng. Chỉ cần khễ chạm vào phanh là nó đã đứng khựng lại luôn. Nếu thả ra thì nó lao đi như tên bắn.”

“Chỉ là vì nó được cân chỉnh hơi kém thôi. Và còn nặng nữa,” Rick giải thích.

Cậu bé tóc đỏ được trở lại không gian của mình: ngôi làng với những quầy hàng trên lối đi bộ, những chú chó và lũ trẻ chạy trên bãi biển, những ban công bằng gỗ đầy các loài hoa sặc sỡ của các quán rượu quay mặt ra phía biển.

“Cô Calypso đó ở đâu vậy?” Julia hỏi, hào hứng với ý nghĩ được hòa vào dòng người qua lại.

Rick vừa dắt xe vừa dẫn đường. Bọn trẻ leo lên men theo một con phố tiến vào trong làng. Chúng đi qua bức tượng người đàn ông đang kiêu hãnh đặt một chân lên chiếc mỏ neo, rồi đi tới một quảng trường nhỏ hình tròn, nơi có một đài phun nước được tạc từ những tảng cự thạch cổ.

“Ở đây,” Rick nói.

Cậu chỉ lên bảng hiệu bằng gỗ của một cửa hàng nhỏ, trên đó có ghi:

ĐẢO CALYPSO

Những Cuốn Sách Hay Được Vớt Từ Biển Cả

Cả bọn dựng xe.

Rick đẩy cửa bước vào. Một cái chuông nhỏ được gắn trên khung cửa, phát ra âm thanh ngân nga cao vút.

Bên trong, Đảo Calypso có một sức lôi cuốn kỳ lạ. Ở đó, bầu không khí mang đầy cảm tình và hy vọng. Những cuốn sách được xếp thành chồng trên mặt sàn và trên các giá gỗ thấp, tạo thành một kiểu lối đi mà khiến người ta buộc phải bước thật cẩn thận.

“Tôi tới ngay đây!” Cô chủ nhà lên tiếng, khi bọn trẻ đã vào tới bên trong.

Đó là một người phụ nữ nhỏ nhắn, với đôi mắt hiền từ và nụ cười đáng tin cậy. Cô khoác một tấm khăn voan hoa và mặc bộ váy màu xanh da trời dài tới đầu gối. Thêm một đôi giày bệt màu hạnh nhân để hoàn tất bộ trang phục.

Vừa nhận ra Rick, cô liền thốt lên:

“Rick Banner, thật là vinh hạnh! Cháu dẫn theo vài người bạn nữa à? Giỏi lắm! Không, không... hãy để ta đoán. Ta cược rằng hai cháu là... người London?”

“Julia.”

“Jason.”

Cái bắt tay của Calypso đầy sức thuyết phục: mạnh mẽ nhưng không đau và lịch sự mà không quá kiểu cách.

“Đúng là một tín hiệu tốt khi nhìn thấy các cháu ở hiệu sách sớm thế này. Các cháu đến Kilmore Cove được bao lâu rồi? Không, không... để ta...”

“Một tuần rồi, thưa cô Calypso,” Jason nói.

“Một tuần, đã thế rồi cơ à,” cô chốt lại. “Thế các cháu nghĩ sao về Kilmore Cove? Rằng nó là một ngôi làng nhỏ? Hẻo lánh? Bị lãng quên khỏi phần còn lại của thế giới văn minh?”

“Không ạ!” Julia trả lời. “Thực ra chúng cháu nghĩ rằng...”

“Đương nhiên rồi,” Calypso điềm tỉnh tiếp tục. “Đương nhiên rồi. Chắc hẳn các cháu đã bị sốc, khi chuyển từ Piccadilly Circus đến vùng núi đá hoang sơ này. Từ Big Ben đến ngọn hải đăng tồi tàn của chúng ta. Trừ việc, xét cho cùng, các cháu sống ở Biệt thự Argo. Và khi người ta được sống ở một ngôi biệt thự như thế... Chúa ơi... thật đúng là thiên đường! Ai mà muốn đi khỏi đó chứ? Biển, trời, cây cối... các cháu còn thiếu thứ gì nữa chứ?”

“Thực ra... thực ra thì...” Rick ngập ngừng.

“Chắc hẳn rồi! Không cần phải là thiên tài mới hiểu được điều đó!” Calypso thốt lên. “Mặt khác, các cháu lại ở đây. Còn thiếu gì nữa? Dễ thôi. Chỉ thiếu mỗi... một vài cuốn sách hay. Giới lắm Rick Banner! Cháu hy vọng là giao du với hai cô cậu người thị thành mạnh khỏe và có giáo dục sẽ giúp cháu thông minh hơn phải không?”

Cô Calypso quay sang hai chị em sinh đôi.

“Các cháu có biết chàng thiếu niên Banner này còn không thích đến trường y như một chú la không?”

Julia và Jason mỉm cười, phần nhiều vì đôi má ửng đỏ và hai nắm tay siết chặt của Rick, hơn là vì câu nói của cô Calypso. Cô chủ hiệu sách với chất giọng ngân nga dường như đã kết thúc cuộc trò chuyện trôi chảy của mình và nhìn thẳng vào mắt bọn trẻ.

“Nào? Nói cho ta biết các cháu đang tìm sách gì?”

Bọn trẻ lần lượt nhìn nhau để quyết định xem ai trong số chúng sẽ trả lời. Julia nhận thức được là đến lượt mình và vì thế cô bé nói:

“Thực ra bọn cháu đến đây không phải vì một cuốn sách nào cả, thưa cô Calypso.”

“Không phải ư?”

Cô bật dậy như một cái lò xo.

“Vậy các cháu đến đây làm gì?”

Giọng nói mang sắc thái gay gắt của cô làm Jason cảm thấy cần phải chối ngay lập tức:

“Chị gái cháu muốn nói rằng bọn cháu đến đây không chỉ vì một cuốn sách. Sách vẫn là mục đích chính và sau đó... sau đó còn có một mục đích khác nữa ạ. Chúng cháu biết cô là người phụ trách bưu điện và...”

Cậu đưa cho cô tờ giấy báo nhận hàng được tìm thấy trong cuốn nhật ký ở Biệt thự Argo.

Calypso chăm chú xem tờ giấy báo, rồi hỏi:

“Ai đưa cho các cháu tờ giấy này?”

“Ông Nestor,” Jason nói dối với một tốc độ nhanh đáng kinh ngạc. “Và ông ấy bảo bọn cháu đi hỏi cô ạ.”

Calypso có vẻ cân nhắc một chút về câu trả lời, rồi nói:

“Nhưng hôm nay là thứ Bảy. Và bưu điện đóng cửa.»

“Vâng, nhưng...” Jason dè dặt. “Cô có thể làm ơn làm phúc mở cửa bưu điện cho chúng cháu một lát được không, chỉ để lấy một bưu kiện...”

“Sao cháu biết được đó là một bưu kiện?”

Jason nhún vai:

“Cháu không biết, nhưng... cháu nghĩ... như vậy...”

“Và thường thì,” Calypso nói tiếp, “ngay cả khi bưu điện mở cửa, thì cũng không có nghĩa là ta có thể giao cho các cháu thứ mà các cháu yêu cầu. Trên giấy báo có ghi rõ rằng phải giao cho ‘Chủ nhân đáng kính của ‘Biệt thự Argo’. Trong khi ở đây, ta chỉ thấy ba đứa trẻ, chúng lại còn dám để xe đạp chắn hết cửa kính nhà ta.”

Jason và Julia bắt đầu giải thích rằng bố mẹ chúng chính là chủ nhân của Biệt thự Argo và vì thế thư báo kia là gửi cho họ.

“Lúc này bố mẹ cháu đang bận chuyển nhà nên không đích thân xuống đây để lấy được.”

“Ông Nestor bảo rằng chắc cô sẽ hiểu cho...”

Calypso làm một cử chỉ mơ hồ bằng tay:

“Ồ, phải, chắc chắn rồi! Đúng kiểu các vị chủ nhân Biệt thự Argo, lúc nào cũng phái người đi làm việc giúp họ đây mà.”

“Vậy cô có thể mở cửa bưu điện cho bọn cháu chứ?”

“Không, các cháu của ta... hôm nay là thứ Bảy! Và vào chiều thứ Bảy thì bưu điện đóng cửa.”

“Ba cuốn sách,” Jason nói.

Và cậu đứng chặn trước mặt cô Calypso với điệu bộ thách thức.

“Cháu nói gì?”

“Cháu nói là ba cuốn sách. Nếu cô mở cửa bưu điện và giao cho bọn cháu thứ mà cô phải giao... thì bọn cháu sẽ mua ba cuốn sách. Do cô lựa chọn. Và bọn cháu hứa là sẽ đọc chúng trong vòng một tuần.”

Chuông cửa reo lên. Một khách du lịch ló đầu vào và ngay sau khi nhận ra đây là một hiệu sách thì xin lỗi rồi đi ra. Người đó tưởng rằng đây là một quán ăn lãng mạn.

Trong Đảo Calypso, sự yên tĩnh đã quay trở lại. Trên khuôn mặt đắm chiêu của cô chủ, trái lại, hiện lên một nụ cười.

“Ừm... ba cuốn sách trong một tuần, cháu nói thế phải không? Và báo trước với các cháu là ta sẽ hỏi các cháu vài câu để xem có đúng là các cháu đã đọc chúng thật không nhé?”

“Chắc chắn rồi ạ,” Jason nói liều.

“Thoả thuận coi như xong!” Calypso kết luận, chìa tay cho bọn trẻ để chốt giao kèo. “Ba cuốn sách cho một bưu kiện.”

“Ấy! Làm sao cô biết được đó là một bưu kiện?” Julia thắc mắc, trước khi nhận được một cú đá từ em trai.

Calypso đi ra phía sau quầy hàng để lấy một chùm chìa khóa, cửa hiệu sách đóng lại phía sau lưng, cô băng qua quảng trường nhỏ.

Bưu điện ở phía đối diện.

Mười lăm phút sau, ba đứa trẻ đã ở trước biển. Chúng rời xa đám đông khách du lịch cuối tuần, dắt xe đạp tới tận chỗ con đê chắn sóng đơn độc trải dọc bờ biển. Bên trái chúng là vách đá cao vút; bên phải là bến cảng, đầy những chiếc thuyền đáy bằng.

Chúng cầm trên tay một gói bưu kiện to cỡ một hộp giày, được cuốn bằng rất nhiều lớp băng dính màu nâu, và ba cuốn sách có bìa đã bạc màu và buồn tẻ.

“Em đây, và những sáng kiến của em!” Julia càu nhàu. “Đống sách này em đi mà đọc!”

Calypso giao cho cô bé đọc cuốn *Đồi gió hú* của Emily Brontë, cho Rick cuốn *Hòn đảo bí ẩn* của Julius Verne, trong khi Jason thì có một tuần để đối mặt với cuốn sách dày cộp *David Copperfield*.

Jason tặng lời cô chị: cậu tập trung xé lớp băng dính khỏi gói bưu kiện. Rick ngồi bên cạnh, đề phòng Jason vì hăng hái quá mà đánh rơi tất cả những thứ có trong gói đồ xuống nước.

Trong chốc lát chúng đã gỡ được hộp sô-cô-la vị bạc hà méo mó ra khỏi lớp băng dính.

“Hy vọng ít nhất thì những cái này cũng ăn được,” Julia nói.

Chúng mở hộp ra.

“Nhìn này!” Jason thốt lên, háo hức.

Bên trong hộp, bị lấp dưới một đồng giấy báo nhàu nát, có bốn chiếc chìa khóa.

Đó là bốn chiếc chìa khóa cũ, một phần đã bị oxy hóa thành màu nâu đỏ của lớp gỉ đồng. Mỗi chiếc đều có phần chuôi khác nhau, được gia công rất tinh xảo. Rick lấy một cái bất kỳ, giơ lên dưới ánh mặt trời để quan sát kỹ hơn.

“Hình như... hình như... là có khắc hình một con vật,” cậu lẩm bẩm.

Julia ngồi xổm ngay sát cậu lên tiếng:

“Đúng thế: trông giống một con mèo rừng. Hoặc một con cây hương?”

Dường như đúng là hình dáng của một con mèo rừng với cái mõm ngắn.

Jason chọn cái chìa thứ hai.

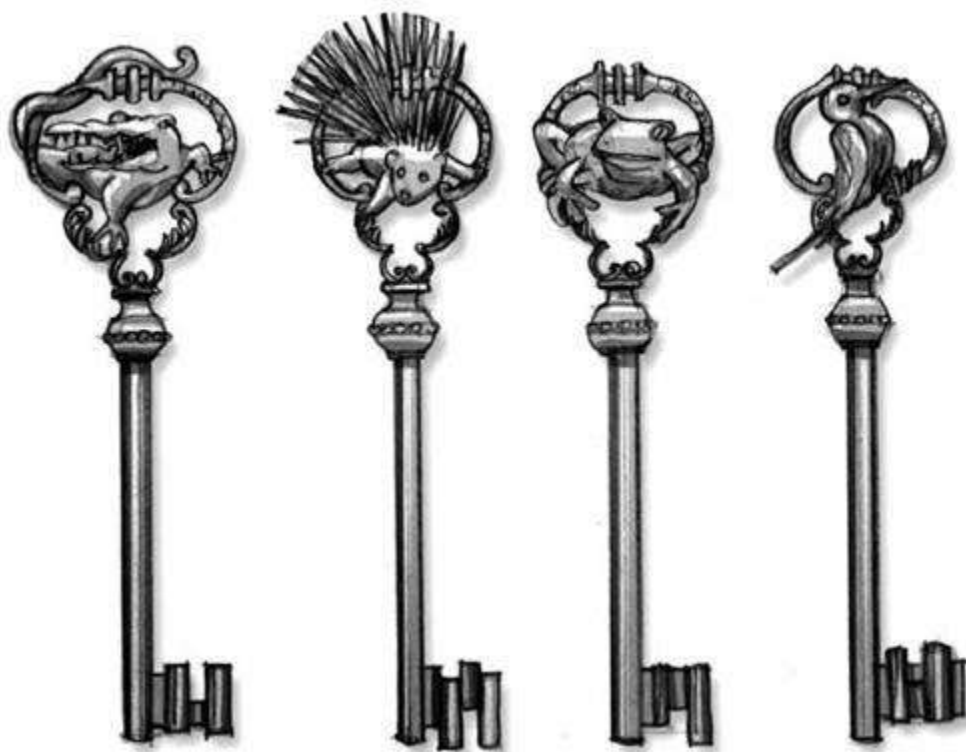
“Còn trên này, theo em là một con quạ thường hoặc một con ác là, có lẽ thế.”

Cậu giơ ra cho hai đứa kia xem và chúng cũng đồng ý với suy luận của cậu.

Julia chọn chiếc chìa khóa với phần chuôi có hình con rắn và liền bị cậu em trai so sánh với một hình ảnh không thể tương đồng.

“Đây có vẻ là một con rắn hơn!” Cô bé khó chịu phản bác.

Chiếc chìa khóa cuối cùng mang hình một con ốc sên với cái vỏ không lẫn vào đâu được.



“Mèo rừng, ác là, rắn, ốc sên,...” Rick vừa lẩm bẩm vừa nhìn bốn chiếc chìa khóa. “Những con vật này có liên quan gì đến nhau?”

“Một con là động vật ăn thịt, một con là động vật lưỡng cư, một con thì mình không biết, còn một con thì biết bay...” Julia nói.

“Liên quan quá rõ rồi còn gì,” Jason nói. “Ở Biệt thự Argo có một cánh cửa với bốn ổ khóa. Và ở đây, chúng ta có bốn cái chìa. Còn gì dễ hơn thế này sao!”

“Không còn gì trong hộp nữa à?”

“Không,” Jason dốc ngược hộp sô-cô-la để chứng tỏ không còn gì bên trong nữa.

Những mẫu báo và một cuộn giấy da rơi ra, Rick chớp ngay lấy.

“Rơi kìa!” Cậu thốt lên.

Cuộn giấy da cũng được viết bằng kiểu chữ tượng hình giống bức thông điệp lấy ở vách đá.

“Bây giờ thì mọi người đã tin mình chưa?” Jason huýt sáo, nhìn những ký hiệu giờ đã trở nên thân thuộc với cậu. “Ông chủ cũ của Biệt thự Argo có nhiều bí mật. Và bây giờ chúng ta sẽ làm sáng tỏ chúng.”

Trên biển, bầu trời vẫn vũ. Cơn dông dường như lại muốn bắt đầu.

Chương 12. Những tia chớp

Bọn trẻ đạp thực mạng. Tới khúc cua đầu tiên, Rick và Julia đã bỏ xa Jason đến cả trăm mét. Julia, với chiếc xe đạp mới của Rick, đương đầu với con dốc, không chút mệt nhọc. Còn Rick, thì cố hết sức, cũng đẩy được

chiếc xe của mình về phía trước. Trong khi đó, Jason đã hoàn toàn kiệt sức vì sức nặng của cái khung xe cũ, nên buộc phải nhảy xuống xe.

“Mọi người cứ đi trước đi!” Cậu vừa hét vừa cật lực đẩy xe.

“Nào! Khỏe lên chú, đồ yếu đuối!” Julia hét lên.

Bên cạnh cô, Rick đang nhồm lên để đạp xe.

“Mệt đến thế kia à?” cô bé hỏi cậu.

Hai bên má đã ửng đỏ vì gắng sức nhưng Rick vẫn vừa thở hổn hển vừa trả lời:

“Không... không đến nổi!”

“Nếu cứ đợi Jason, mình sẽ tắm mưa lần thứ hai mất thôi!”

“Cậu cứ về nhà trước đi,” Rick bảo cô bé. “Mình sẽ đợi cậu ấy.”

Julia gật đầu đồng ý. Cô bé mang theo bốn chiếc chìa khóa và cuộn giấy da rồi phóng vọt lên trước. Trong ít phút, cô đã biến mất khỏi tầm nhìn của hai cậu bé.

Cô bé vừa đi khuất, Rick đã đổ nhào xuống đất: đạp cái xe cũ này chẳng khác nào kéo theo sau một con voi. Cậu chờ Jason bắt kịp mình, sau đó chúng cùng dật bộ bên cạnh nhau.

“Mệt đứt cả hơi”, Jason hổn hển.

Phải dắt xe như thế này, Rick cảm thấy lòng kiêu hãnh của một cua-rơ bị tổn thương ghê gớm.

“Ngày xưa bố mình...” Cậu bắt đầu nói.

Nhưng Jason lắc đầu ra hiệu cho cậu hãy im lặng.

“Đừng nói gì cả. Cậu có thể sẽ chết vì cố đấy.”

Rick nghĩ rằng thực ra cả hai đứa đã gần đi đến vận số đó rồi: cậu thì suýt bị người phụ nữ thơm lừng bí ẩn đó đâm vào, còn Jason thì bị bay xuống khỏi vách đá.

Cả hai im lặng dắt xe, lắng nghe vòng quay nhịp nhàng của những chiếc nan hoa xe đạp.

“Việc lớn nhất thì giờ cũng đã xong rồi,” một lát sau, Jason thở dài nói.

Và không biết trời xui đất khiến thế nào, ngay khi cậu vừa dứt lời thì trời đổ mưa.

“Thứ Bảy nào ở Cornovaglia cũng vậy à?”

Cậu bé tóc đỏ không trả lời. Nhưng bước được vài bước thì cậu bật cười nghèn nghẹn.

“Có gì đáng để cười chứ?” Jason hỏi.

Thực ra mà nói, ngay cả cậu cũng muốn cười.

Rick lắc đầu và phá lên cười.

Chúng cứ cười khúc khích cho tới tận khi về đến Biệt thự Argo, nơi ông Nestor đang đứng trước cổng nhà đợi bọn chúng.

Từ bên trong vọng ra tiếng củi cháy lách tách.

Mặt trời trốn biệt sau hỗn hợp nhão nhoét của mây và mưa. Bọn trẻ thay quần áo lần thứ ba trong ngày. Rick tròng vào người một chiếc áo len của ông Covenant và một cái quần bò, quá khổ so với người cậu.

Ông Nestor xoay xở trong bếp chuẩn bị món súp rau cùng bánh mì nướng giòn tan. Mùi thơm thật hấp dẫn.

Những hạt mưa tí tách trên các mặt kính. Ngọn lửa trong lò, hơn cả việc làm ấm không khí, nó sưởi ấm cả tâm hồn: một sắc màu sống động, mạnh mẽ, và thi thoảng tiếng nổ của củi cháy nghe giống như tiếng chuông yên bình của một chiếc đồng hồ.

Ông Nestor vừa huýt sáo vừa dùng muôi quấy nồi súp. Ba đứa trẻ, lúc này người đã khô ráo và cũng đã thay quần áo mới, ngồi quây quanh bàn ăn trong bếp quan sát ông mà không nói lời nào.

“Điện thoại,” ông nói, sau đó im lặng một lát.

Ông còn chưa kịp dứt lời, điện thoại đã đổ chuông.

Bố mẹ của Jason và Julia muốn chắc chắn rằng mọi chuyện đều ổn.

“Vâng, vâng... tất cả đều ổn.” Jason nói dối. “Không. Tại sao chứ?”

Mẹ cậu đòi chuyển máy nói chuyện với ông Nestor.

“Ba tiểu thiên sứ,” cả ông lão làm vườn cũng nói dối. “Tôi thậm chí còn không nhận ra được sự có mặt của chúng cơ. Chắc chắn rồi. Vâng. Vâng, vâng. Chúng không hề đi ra khỏi khu vườn. À, không đâu. Không có bất cứ vấn đề gì cả. Xúp đậu quả. Được. Được rồi, tôi sẽ nói với chúng.”

Rồi ông gác máy.

“Tốt hơn là cháu nên gọi điện về nhà đi, Rick.” Ông vừa nói vừa quay lại chỗ lò nướng. “Để báo với bố mẹ rằng cháu sẽ ở lại đây ăn tối. Mà ta nghĩ đến lúc này rồi, thì cũng ngủ lại luôn đây đi. Trời đông như thế, cháu không nên lại đạp xe về tới tận nhà.”

“Có được phép không ạ? Thế thì tuyệt quá!” Cậu thốt lên.

Ôi ngày gì thế này! Không chỉ trọn buổi chiều được ở trong Biệt thự Argo, mà còn cả đêm nữa!

Jason dẫn cậu ra chỗ cái điện thoại.

Một tiếng sấm nổ rền vang, làm bóng đèn đung đưa một lúc. Ông Nestor lơ đãng nhìn những bóng đèn yếu dần đi rồi lại tự sáng lên.

“Cháu không thích ăn rau đâu,” Julia nói.

Cô bé vẫn ngồi ở đầu bàn, vẽ bướng bình, tiếp tục ghé cổ lên kiểm tra cái nồi.

“Ta biết. Mẹ cháu đã nói cho ta.”

“Và ông trả lời mẹ cháu như thế nào?”

“Rằng tối nay cháu sẽ không ăn,” ông Nestor mỉm cười.

Ông kiểm tra lần cuối món xúp trong nồi, nướng lại bánh mì gối trong lò, cời tạp dề và đi ra phía cửa.

“Ông đi đâu vậy?” Julia nghi ngờ hỏi.

Ông Nestor xoay tay nắm cửa kêu đánh “cách” nghe rất oai nghiêm.

“Về nhà ta, để nấu cái gì đó cho mình. Ở đằng kia có xúp và bánh mì đấy. Tất cả sẽ còn nóng trong vòng một tiếng đồng hồ. Hãy ăn khi nào các

cháu muốn. Bát đĩa thì ở trong tủ treo trên tường. Cốc chén ở dưới bồn rửa bát. Dao đĩa... hãy tìm trong các ngăn kéo. Các cháu có thể dùng cái bàn đó hoặc là cái bàn trong phòng ăn. Khi nào ăn xong thì mang tất cả bỏ vào máy rửa bát. Hoặc không thì cứ để đó, nhưng ngày mai các cháu cũng sẽ phải cho vào máy rửa bát thôi. Cách làm thì có trong quyển hướng dẫn. Nước rửa bát ở dưới đó.”

“Nhưng... ông không thể...”

“Ta không thể làm sao?” Từ cánh cửa khép hờ, những giọt mưa và một cơn gió lạnh buốt lùa vào.

“Ông không thể để bọn cháu lại thế này. Bọn cháu chỉ là... chỉ là trẻ con!”

Ông Nestor đóng cửa lại không đi nữa.

“Nghe này, Julia. Các cháu chỉ là trẻ con, đúng thế. Nhưng ta không phải là bảo mẫu: ta chỉ là một người làm vườn đã già và chân thì tập tễnh. Ta nấu ăn cho các cháu là bởi vì ta đã hứa với bố mẹ các cháu như thế. Và cũng bởi vì đây là lần đầu tiên chúng ta ở cùng nhau. Nếu cháu thấy ổn thì tốt. Còn nếu không...”

Ông mở tung cánh cửa lần thứ hai để một luồng gió ấm ùa vào.

“Ta ở cách đây một trăm mét: hãy đến gọi ta.”

Nói rồi ông bước ra ngoài trời giông tố.

Chương 13. Những bí mật

Julia ngược mắt lên trời.

“Không, nhìn giúp mình xem chuyện gì thế này!” Cô bé thốt lên khi còn lại một mình trong bếp.

Ông lão này đúng như những gì cô nghĩ: cục mịch và vô dụng. Thảo nào mà ông ta chỉ sống có một mình: ai mà có thể chịu nổi ông ta chứ?

Cô bé đứng dậy đi về phía bếp. Nhức vung nổi lên và dù không muốn, cũng phải thừa nhận rằng mùi xúp thật hấp dẫn. Dạ dày cô sôi ùng ục.

Mới có bảy giờ tối, nhưng sau khi nào là khám phá ngôi nhà, tắm biển và tất cả những việc sau đó, đạp xe xuống làng rồi quay trở về, thì việc cầm miếng bánh mì giòn thơm nhúng vào trong xúp phải nói là thật kỳ diệu.

“Nhìn xem cái thứ gì thế này!” Cô bé lại thốt lên lần nữa trong khi cứ lắc đầu quây quậy để thể hiện thái độ hơn là vì đang cần phản đối cái gì hay ai đó.

“Xem cái gì cơ?” Jason bước vào bếp hỏi.

Cậu cầm trên tay cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên và cuộn giấy da mà cả bọn đã tìm thấy cùng với bốn chiếc chìa khóa.

Cậu để tất cả lên bàn bếp và nói:

“Ôi chao! Thơm quá! Tại sao chúng ta không đánh chén tất cả những gì có ở đây luôn đi nhỉ?”

Rick cũng bước vào bếp, thông báo cho bọn chúng biết tin cậu có thể ngủ lại tại Biệt thự Argo. Julia mỉm cười: cô rất lấy làm vinh dự.

Jason đưa ngay cho cậu cuốn từ điển.

“Chúng ta giải mã cái này trước đã rồi hãy ăn,” cậu nói.

Đứng bần thần trong căn nhà của mình, ông Nestor lặng nhìn ánh đèn sáng trong phòng bếp của Biệt thự Argo, cảm thấy mông lung bởi rất nhiều suy nghĩ mâu thuẫn.

Ông nghe tiếng bọn trẻ cười, nói liên hồi và gọi nhau ầm ĩ.

Sau đó ông nghe thấy tiếng bát đĩa và dao đĩa. Trong ngôi nhà cũ, rất nhiều đèn đã được bật lên và tắt đi.

Người làm vườn mỉm cười: dường như Biệt thự Argo đã hồi sinh.

“Như những ngày xa xưa,” ông lẩm bẩm.

Phải sống một mình nên ông đã quen với việc thể hiện suy nghĩ của mình ra thành những lời lẩm bẩm như thế.

Thực ra ông Nestor hy vọng rằng với sự xuất hiện của bọn trẻ, ông sẽ ổn hơn xưa. Nghĩ lại cuộc gặp gỡ đầu giờ chiều với Oblivia Newton, ông cảm thấy thật sự muốn đập phá thứ gì đó cho hả dạ.

“Oblivia, cô sẽ không bao giờ có được ngôi nhà này đâu!” Ông rít lên qua kẽ răng.

Nữ doanh nhân trẻ trung và giàu có đó đang quản lý một công ty bất động sản lớn. Ông Nestor không biết chính xác hoạt động của công ty đó là gì: ông chỉ biết rằng cô ta mua và bán nhà. Thuật ngữ chuyên môn người ta gọi là “môi giới bất động sản”. Bán một căn nhà, cô ta có khả năng kiếm được nhiều tiền hơn cả kiến trúc sư thiết kế và những người thợ đã xây nên căn nhà đó.

“Những điều bí ẩn của thế giới hiện đại,” ông Nestor nghĩ.

Oblivia Newton chỉ nghĩ đến tiền bạc thuần túy. Còn ông Nestor thì không.

Và điểm khác biệt đó là điều khiến Oblivia rối trí nhất: cô ta đã định đánh phủ đầu ông Nestor bằng những đồng bảng Anh; cô ta cũng đề xuất với ông những chôn xa hoa ở bất cứ nơi nào khắp năm châu bốn bể. Cô ta sẵn sàng trao cho ông tất cả những gì ông muốn, miễn là được trở thành chủ nhân Biệt thự Argo.

“Hãy nói thứ mà ông muốn là gì đi.” Buổi chiều hôm đó cô ta vẫn cố thuyết phục. “Tôi sẽ đáp ứng.”

“Thôi được rồi: tôi muốn cô hãy biến đi.” ông Nestor nổi điên lên trả lời cô ta.

Cơn mưa buổi tối nặng hạt hơn.

Ông Nestor đi đến bên cạnh những đĩa thức ăn dành cho bữa tối đã nguội ngắt của mình, lấy cái áo choàng đen treo trên mắc áo xuống và mặc vào người.

“Ta chắc chắn là những đứa trẻ này sẽ hiểu tại sao ngôi nhà lại đáng quý như vậy,” ông lẩm bẩm, đi thẳng ra cửa.

Dưới những đợt mưa gió ngày càng dữ dội của cơn dông, Biệt thự Argo bắt đầu cọt két và kêu rảng rặc. Trong bếp, tất cả các đĩa xúp đều đã được vét sạch đến thìa cuối cùng. Ba đứa trẻ ngồi sát lại với nhau, đọc to bản dịch của cuộn giấy da mới. Nếu bức thông điệp đầu tiên mà bọn chúng tìm thấy đã huyền bí, thì dấu vết thứ hai này còn khó hiểu hơn nữa:

Nếu có bốn, một mở ngẫu nhiên
Trong bộ bốn, ba chứa ẩn ngữ
Trong bộ bốn, hai dẫn đến cái chết
Và một trong bốn dẫn xuống bên dưới

Jason cố đưa ra một vài lý luận rụt rè bằng cách đọc bức thông điệp này cùng với tờ giấy đầu tiên, nhưng suy luận nào của cậu cũng bị ít nhất hai lập luận không thể chối cãi của Rick làm cho khốn đốn:

“Vấn đề là,” Rick trầm tư nhận định, “không nhất thiết bức thông điệp đầu tiên đã là đầu tiên. Ngay cả khi giả thuyết về chuyện truy tìm kho báu của chúng ta là đúng, thì cũng không có gì đảm bảo rằng chúng ta phải bắt đầu từ bức thông điệp đầu tiên.”

“Dù sao, bây giờ chúng ta cũng đã có trong tay bốn chiếc chìa khóa rồi.” Julia kết luận. “Và ở đây có viết rằng, ‘Nếu có bốn, một mở ngẫu nhiên’... Theo mình, một cái là để mở cánh cửa đằng kia.”

“Đó cũng có thể là một trong những chiếc chìa khóa.” Rick phản bác. “Và tình cờ có nghĩa là sự trùng hợp. Hoặc là vận may.”

“Trừ phi việc chúng ta mở nó ra là ‘định mệnh’,” Jason nói.

Cậu không tin việc mình bị treo lơ lửng trên khe đá ấy chỉ là một sự trùng hợp giản đơn. Hay là do vận may.

Là định mệnh đã sắp đặt.

Jason đi trước hai đứa, tiến về phía căn phòng bằng đá mà không bật đèn. Cậu đi qua hai phòng khách, trong bóng tối, có vẻ u ám: rất nhiều đồ đạc trong phòng như đang chìm trong giấc ngủ. Mưa gió càng ngày càng lớn, đến nỗi đôi khi cảm giác như ngôi nhà sắp trượt xuống khỏi vách đá. Tháp canh trên đỉnh cầu thang rên rỉ dưới những đợt gió giật của cơn dông, trong khi những luồng gió mạnh thổi thốc xuống dọc cầu thang.

Jason mang theo bốn chiếc chìa khóa. Cậu cảm thấy nặng trĩu cả hai bên túi quần. Một cách máy móc, cậu thò tay vào tìm và nắm chặt chúng trong tay. Đi tới căn phòng bằng đá và cố gắng dò dẫm tìm công tắc điện.

Tất cả tối đen như mực.

Một tia chớp chói sáng bất ngờ lóe lên trong đêm. Jason nhìn ra ngoài cửa sổ.

Và cậu thấy tận mắt một khuôn mặt đang nhìn chăm chăm vào mình.

Cậu hét lên.

Chương 14. Định mệnh

Nghe thấy tiếng cậu hét, Rick và Julia lao vào căn phòng đá, đồng thời bật đèn lên. Chúng nhìn thấy Jason dưới đất, co rúm mình lại như bị đánh. Những chiếc chìa khóa rơi ra khỏi túi.

“Ông ta ở đây! Ông ta ở đây!” Cậu hét lên.

Cậu vừa khóc thốn thức vừa chỉ ra ngoài cửa sổ.

“Ai? Ai ở đây? Ở đâu?” Julia hỏi, cố gắng tỏ ra bình thản.

Nhưng cả cô bé cũng như đang phát điên: bất cứ thứ gì cậu em nhìn thấy xung quanh cô chị cũng làm cậu khiếp sợ.

“Cậu đã nhìn thấy gì, Jason?” Rick hỏi.

Trên đầu bọn trẻ, ánh đèn đang yếu dần đi.

“Tia chớp... tia chớp...” Jason lắp bắp.

Cậu nằm thu lu trên sàn nhà, trông có vẻ nhỏ bé hơn nhiều so với tuổi mười một của mình.

“Có... có một người đàn ông ngoài cửa sổ! Mình đã nhìn thấy ông ta! Ông ta mặc một... cái áo choàng... một cái áo choàng đen... và... ông ta đang nhìn vào trong này!”

Hai mắt Jason mở to và khiếp sợ đến nỗi Julia buộc lòng phải tin.

“Một người đàn ông hả Jason?”

“Đúng thế,” cậu thốt lên, “một người đàn ông.”

“Các cửa đều đã được khóa kỹ rồi phải không?” Rick hỏi, cậu chưa bao giờ đánh mất tư duy thực tế.

Julia bật tất cả các bóng đèn tìm thấy trên cầu thang để kiểm tra các lối vào của tầng một.

May mà cô thấy tất cả đều được khóa chặt từ bên trong.

Cô quay lại căn phòng đá: Jason đã bình tĩnh lại đôi chút.

“Đó là hồn ma của ông chủ cũ,” cậu khẳng định. “Rick, cậu phải tin mình. Ông ta rất đáng sợ, với một vết sẹo chạy ngang từ bên này qua bên kia khuôn mặt.”

“Tất cả đều đã được khóa cẩn thận,” Julia nói. “Không ai có thể vào được. Và lại nếu ở ngoài đó có ai, thì chắc chắn ông Nestor phải nhìn thấy chứ.”

Cô bé ngồi xuống sàn, nhặt lại những chiếc chìa khóa quanh mình. Mèo rùng, ác là, ốc sên, rắn.

“Vậy phía trên thì sao?” Jason hỏi liền một hơi.

“Phía trên gì cơ?”

Đèn trong nhà càng ngày càng yếu dần đi. Một tiếng sấm rền vang và chỉ một lát sau, điện mất hẳn.

“Ôi không!” Julia rên rỉ.

“Có lại ngay giờ thôi mà!” Rick trấn an.

“Mọi người nghe thấy không? Nghe thấy không?” Jason lại bắt đầu.

Julia cảm thấy rùng mình bởi một luồng khí lửa tới bất ngờ, cô khua khua tay trong bóng tối, cho tới khi tóm được cánh tay của Rick và em trai.

“Nghe thấy cái gì cơ, Jason?” Cô bắt đầu lắp bắp.

Cậu em chìm trong im lặng.

Nhưng giờ, chính cô cũng nghe thấy nó.

Là gió.

Là mưa.

Là cơn bão đêm.

Là cánh cửa sổ của tháp canh, đang đập đều đều vào khung cửa.

Giống như tiếng bước chân.

Julia mím chặt môi để khỏi bật khóc. Nhưng cô bé sợ muốn chết, sợ đến nỗi cô rất muốn bố mẹ có ở đây lúc này với mình.

Khuôn mặt Rick chợt sáng lên trong bóng tối.

“Bật lửa!” Cậu bé người Kilmore Cove nói. “Bố mình bảo tốt nhất lúc nào cũng phải mang theo bên mình một cái bật lửa.”

Cậu từ từ gỡ ra khỏi vòng tay của Julia và nói:

“Mình đi đóng cái cửa sổ tầng trên.”

“KHÔNG!” Julia hét lên.

“Tại sao không?”

“Cậu hãy ở lại, ở lại đây!” Cô bé đề nghị. “Tất cả chúng ta hãy ở đây cho đến khi có điện trở lại...”

“Các cậu có biết ở đây có nển hay không? Hoặc đèn pin?” Rick hỏi.

Bật lửa vụt tắt.

“Có chuyện gì thế?” Jason hoảng sợ.

“Không có gì! Nóng quá nên mình bị bỏng tay thôi.” Rick giải thích.

Sau đó cậu bật lại.

“Theo mình thì ở trong bếp có nển. Mình đã nhìn thấy ở trên kệ.” Julia thì thầm.

“Ừ, vậy thì mình đi...”

“KHÔNG!” Cô bé lại hét lên, nắm lấy cánh tay cậu.

Tất cả quyết định là sẽ đi lấy nển cùng nhau. Rick dẫn đường, cậu đánh lửa nhanh và liên tiếp vừa đủ để định hướng đi ra khỏi căn phòng đá và vào hai phòng khách.

Khi chúng vào đến bếp thì có điện trở lại.

Biệt thự Argo lại được thắp sáng mọi góc ngách, nhưng đó là một thứ ánh sáng lập lờ, chỉ chực tắt thêm lần nữa. Bọn chúng kiếm được ba cây nển, rồi lại leo cầu thang tới tận tháp canh để đóng cánh cửa sổ ọp ẹp lần thứ ba trong ngày hôm đó.

Trong khi đi xuống tầng dưới, Rick quan sát khá trầm ngâm:

“Các cậu có để ý thấy phòng tháp có mấy cửa sổ không?”

“Không, mấy?”

“Mỗi mặt một cái. Bốn cái.”

Và cậu nói thêm:

“Nếu có bốn, một mở ngẫu nhiên... có thể ngụ ý các cửa sổ đó.”

Jason nghĩ về điều đó trong giây lát, rồi nhún vai:

“Không. Mình không tin điều đó. ‘Bốn’ liên quan đến bốn chiếc chìa khóa. Trong khi một... một là...”

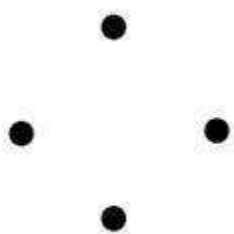
“Định mệnh,” Julia nói nốt cho cậu.

Chúng chỉ để điện sáng ở căn phòng bằng đá và nung nấu luôn ở đó.

Jason không ngừng hướng mắt ra ngoài cửa sổ.

Cảm thấy yên tâm vì được ở gần nhau, ba đứa trẻ bắt đầu kiểm tra cẩn thận bốn ổ khóa trên cánh cửa.

Đó là bốn cái lỗ tròn, giống hệt nhau, được xếp theo cách như thế này:



Không có gì gợi ý cách sử dụng bốn chiếc chìa khóa chúng đang sở hữu.

“Mình nghĩ là cứ thử bừa đi.” Julia nói sau khi đã suy nghĩ một chút về điều đó.

Rick lắc đầu:

“Không thể làm bừa được. Chắc chắn là phải theo một thứ tự nào đó! Mèo rừng, ác là, rắn, ốc sên... Giữa các con vật này có mối liên quan gì nhỉ?”

“Chẳng gì cả: bức thông điệp nói là ngẫu nhiên,” Jason nhắc cậu.

“Mình hiểu bức thông điệp nói gì!” Rick bực bội đáp lại. “Nhưng ít nhất chúng cũng phải có một quy tắc.”

“Chúng ta hãy thử những chiếc chìa. Nếu chúng xoay được, thì là đúng. Nếu chúng không xoay, thì là sai. Các cậu còn nói được gì về cái quy tắc không thể chối cãi này chứ?”

“Thế nếu chúng ta làm hỏng một cơ chế nào đó thì sao?” Rick phản đối. “Có thể sẽ chỉ có một cơ hội tiếp cận với... kho báu.”

“Chúng ta thử ác là trước xem,” Jason nói.

“Tại sao?”

“Ác là bắt đầu bằng chữ A. Là chữ cái đầu tiên theo thứ tự bảng chữ cái.”

“Thế tiếp theo sẽ là ‘mèo rừng’ với chữ m? Chúng ta tra nó vào ổ nào? Bên phải hay bên trái?” Rick hỏi.

Jason không biết phải trả lời ra sao.

“Vả lại, nếu chúng ta muốn gọi tên đúng... thì nhìn cái mỏ có thể đoán đây là một con quạ thường hơn là một con ác là.”

“Mình không biết cậu còn là một chuyên gia về động vật nữa cơ đấy.” Julia nhìn cậu ngưỡng mộ.

“Vậy những con khác thì sao? Ốc sên này thuộc loại nào?”

“Một giống ốc sên thường gặp thôi.” Rick trả lời.

Jason đưa cho cậu chiếc chìa khóa có hình mèo rừng.

“Con này giống mèo rừng nhiều hơn. Cây hương thường mồm dài hơn. Là mèo rừng, không còn nghi ngờ gì nữa.”

“Vậy thì... nếu mèo rừng ăn thịt ác là.” Julia nói liều.

“Mèo rừng không ăn thịt ác là.”

“Và ốc sên cũng không ăn con nào cả...”

Vì không thể phân cấp các con vật theo chuỗi thức ăn được, nên chúng bắt đầu nghiên cứu vùng địa lý nơi các con vật kia sinh sống: quy ước ổ khóa trên cao là phương Bắc và ổ bên dưới là phương Nam.

“Nhưng mà mấy con này đều phân bố gần như khắp nơi mà!” Julia than vãn.

Chúng lại chuyển sang kích thước, rồi thì màu sắc. Nhưng dù có nỗ lực bao nhiêu chúng cũng không tìm ra được bất cứ trật tự nào cho bốn chiếc chìa khóa.

Cuối cùng Julia mất hết kiên nhẫn với các phép thử vô ích về lý thuyết. Cô bé nhặt chiếc chìa khóa có hình mèo rừng và tra vào ổ khóa trên cao của cánh cửa.

Sau đó cô xoay và... cạch.

“Nó xoay rồi này!” Cô bé hớn hờ.

Jason và Rick vội vã cầm những chiếc chìa khóa còn lại chạy về phía cô bé.

“Chị làm thế nào vậy?” Jason hỏi.

“Thì lấy khóa, tra vào, và xoay. Đưa cho chị những chiếc còn lại.”

“Chị muốn cái nào?”

“Rắn,” Julia quyết định.

Cô cầm lấy chìa khóa, tra vào ổ bên trái cái ổ mà cô vừa mới làm và xoay.

Cạch.

“Ác là!” Julia ra lệnh.

Cạch.

“Và cuối cùng... ốc sên!”

Julia lấy chiếc chìa khóa cuối cùng và tra nó vào trong ổ khóa hình chữ thập. Cả lần này, chiếc chìa khóa cũng khớp vào ổ khóa và xoay được một cách dễ dàng.

Cạch.

“Xong rồi đấy!” Julia vừa nhìn cánh cửa vừa nói.

“Xong cái gì?” Jason ngạc nhiên.

“Chị đã mở tất cả các ổ khóa rồi.”

Rick đặt một tay lên cánh cửa rồi đẩy nhẹ. Sau đó cậu cầm lấy một trong mấy chiếc chìa khóa và kéo nhẹ ra.

“Mình nghĩ cánh cửa còn bị đóng chặt hơn cả lúc đầu đấy.”

Julia cảm thấy thất vọng tràn trề. Cô vặn chiếc chìa khóa hình ác là vòng thứ hai, rồi vòng thứ ba.

Cạch cạch.

“Chúng xoay tròn vô ích.” Cô bé nhận xét.

Cô lại làm như thế bốn lần nữa.

Sau đó thêm hai lần nữa.

Cánh cửa vẫn đóng im ỉm.

Rick cười:

“Thấy không? Tớ chắc chắn là cần phải tìm ra một quy luật nào đó thì mới mở được cánh cửa này.”

“Mở ra! Mở ra!” Jason vừa hét vừa đấm lên mặt gỗ. Những cú đấm của cậu làm dội lại những âm thanh đáng sợ.

“Các cậu nghe thấy không?” Cậu thì thầm. “Đằng sau cánh cửa này là một khoảng trống.”

Trong khi Jason và Julia đổi chỗ các chìa vào các ổ khóa nhưng chúng vẫn xoay tròn vô ích, thì Rick lấy bản dịch của cuộn giấy da ra và bắt đầu nghiên cứu từng dòng từng dòng một.

Trong bộ bốn, ba chứa ẩn ngữ... Ẩn ngữ nào? Trong bộ bốn, hai dẫn đến cái chết... Hai cái nào trong số bốn chiếc chìa khóa kia dẫn đến cái chết? Còn cái nào thì dẫn xuống phía dưới?

Trong khi Rick đang động não, thì Jason cố gắng dùng cùng một chìa thử cho cả bốn ổ khóa: tra vào ổ, mở, rút ra rồi lại tra vào một cái ổ khác.

Cậu thử đủ cách với các ổ khóa, hết xoay theo chiều kim đồng hồ rồi lại ngược chiều kim đồng hồ, từ trên xuống dưới rồi lại từ phải qua trái...

Nhưng dù đã thử cả vô số cách thì cánh cửa vẫn đóng im ỉm.

Lâu quá hóa nản, Jason và Julia tiến lại ngồi xuống cạnh bên Rick.

Lúc này Julia đã tin rằng bốn chiếc chìa khóa đó, thực ra, không phải dùng để mở cửa.

“Có lẽ là cần một câu thần chú, kiểu như Vòng ơi mở ra!”

“Hoặc là Hãy nói ‘anh bạn’ và đi vào.” Jason bổ sung, khi nghĩ đến bộ phim Chúa tể những chiếc nhẫn.

“Cậu vừa nói gì cơ?” Rick bật dậy làm cả hai giật nảy mình.

“Hãy nói ‘anh bạn’ và đi vào!” Jason trả lời. “Đó là câu nói của những người lùn mà Gandalf đã đọc trước Cánh cổng Moria.”

“Không, không phải cậu. Julia ơi, cậu vừa nói... câu thần chú gì?”

“Mình nói Vòng ơi, mở ra!”

“Vòng ơi, mở ra...” Cậu nhắc lại, vẻ ngẫm nghĩ.

Rick đọc to lại dòng đầu tiên của bản dịch rồi reo lên:

“Có thể nào...”

“Có thể nào cái gì?”

Rick, vô cùng phấn khích, trải bốn chiếc chìa khóa xuống bên cạnh nhau:

“M của ‘mèo rừng’, O của ‘ốc sên’, R của ‘rắn’,...”

“Và A của ‘ác là’,” Julia nói. Sau đó quay sang nhìn Jason. - Rồi làm gì với cái này?

“M... O... R... A...” Jason lẩm bẩm.

“Không! Không phải ‘mora’!”

Rick đứng bật dậy, lấy chiếc chìa khóa có hình mèo rừng và tra lên ổ khóa trên cùng.

Cạch.

“Chắc chắn là chúng phải được sắp xếp theo chiều kim đồng hồ,” cậu lẩm bẩm.

Sau đó cậu cho ốc sên vào bên phải, ác là vào bên trái.

Cạch cạch.

“Không phải là ‘mora’ Jason ạ! Trong bức thông điệp có viết: một cái mở ngẫu nhiên... MỞ RA.”

Cậu tra chiếc chìa khóa có hình rãnh vào ổ khóa dưới cùng, sau đó quan sát kết quả mà cậu nghĩ mình vừa thu được.

M
A O
R

Cậu xoay chìa.

Cạch, ổ khóa kêu.

Và cánh cửa hé mở.

Chương 15. Nơi mọi thứ bắt đầu và kết thúc

Rick lùi lại vài bước, rồi khụy xuống đất vì quá xúc động.

“Nó mở ra rồi! Cậu làm được rồi! Cậu đã mở được cửa rồi!” Jason và Julia hò reo.

Chúng hồi hộp tiến lại gần cánh cửa, đồ sộ và nặng nề, được chốt trong một cái khung vững chắc.

Từ bên ngoài, có thể thấy thấp thoáng một căn phòng được chiếu sáng lờ mờ nhờ ánh đèn hắt từ phòng khách nhỏ.

“Chúng ta làm gì bây giờ?” Julia vừa hỏi vừa chăm chú nhìn đầy say mê vào bóng tối.

Jason nuốt nước bọt. Cơn dông vẫn âm ỉ ngoài cửa sổ.

“Chúng ta xuống thôi,” cậu nói.

Rick, vẫn còn ở dưới đất, nhìn cánh cửa hé mở, không tin là mình đã thực sự mở được nó. Thấy Jason bước một bước về phía căn phòng bên kia cánh cửa, cậu ngăn lại.

“Chúng ta không thể cứ thế này mà đi được,” cậu nói. “Trước tiên chúng ta hãy nghĩ đến những thứ chúng ta có thể cần. Nến. Hai cuộn giấy da. Tờ diễn.”

“Nhưng xin lỗi cậu, tờ diễn để làm gì cơ chứ?” Julia do dự.

Rick đi lấy quyển Tờ diễn những ngôn ngữ bị lãng quên.

“Có thể sẽ lại có thêm những bức thông điệp khác cần phải dịch.”

Jason cầm cái hộp có chứa những viên đất sét và cuốn nhật ký hành trình Ai Cập.

Rick kiểm tra xem cái bật lửa của cậu có hoạt động không rồi chạy vào bếp lấy một con dao và cuối cùng cậu nói:

“Chúng ta chỉ còn thiếu một sợi dây thừng nữa thôi. Các cậu biết có thể lấy đâu ra một sợi không.”

“Trời, nhiều thứ quá!” Julia thốt lên. “Làm gì mà như đến tận rừng rậm Amazon thế. Chúng ta chỉ xem qua một chút thôi mà!”

Và cô bé bước qua ngưỡng cửa.

Jason đi theo sau.

Hai chị em sinh đôi đi chậm chậm, dần dần bị bóng tối của căn phòng nuốt chửng.

“Rick, đưa cho bọn mình cái bật lửa!” Julia thốt lên. “Mình chẳng nhìn được gì cả!”

“Mình tới đây! Cẩn thận đấy: có thể có giếng hoặc một cái bẫy bên trong đó đấy nhé, ai mà biết được.”

Vừa nghĩ đến điều đó, hai chị em liền khựng lại như những con thằn lằn.

“R...Riiick” Jason bắt đầu lắp bắp. “C...cậu có thể m...m...mang b... b...bật lửa tới không?”

Rick từ bỏ luôn việc tìm kiếm dây thừng. Cậu cầm lấy bốn chiếc chìa khóa và châm một cây nến.

Bọn chúng đang ở trong một căn phòng hình tròn, khá nhỏ và được xây hoàn toàn bằng đá. Có bốn lối ra, gồm cả lối mà chúng vừa đi qua. Sàn nhà được tạo nên từ các khối vuông vắn xếp cạnh nhau. Cứ như thể đang ở bên trong của một ngôi tháp thời Trung cổ.

Rick dùng ngọn lửa trên cây nến của mình để châm cho cây nến của Julia và Jason. Sau đó, tận dụng cả ánh đèn điện chiếu tới từ phía sau, bọn trẻ bắt đầu thám hiểm.

“Bốn lối ra,” Rick nói, “như nội dung của bức thông điệp.”

“Trong bộ bốn, ba chứa ẩn ngữ.”

“Và một trong bốn dẫn xuống bên dưới.”

“Và hai dẫn đến cái chết...”

Các lối ra chỉ đơn giản là các lỗ hổng tối om được tạo thành từ ba tảng đá đồ sộ xếp thành hình chữ “U” úp ngược.

“Ái!” Jason la lên khi chảy xuống tay sáp nến nóng.

Trên tảng đá phía trên mỗi ô cửa đều được khắc một vài hình thù cách điệu.

“Ồ, không!” Julia kêu lên khi nhìn thấy chúng. “Lại là những con vật! Chỗ này, trước mặt mình là một đàn bò nhà hoặc bò rừng gì đó đang chạy, giống tranh của người tiền sử vẽ. Mình không biết nhiều về thứ này lắm...”

“Còn ở chỗ em là cá, một đàn cá nhỏ.” Jason nói.

“Bướm này,” Rick nói. “Thậm chí mình còn có thể nói rõ hơn: giống bướm Sư tử.”

“Bướm Sư tử ư?”

“Những con bướm màu đen, có lông, thức giấc vào lúc hoàng hôn. Các cậu gọi chúng là gì? Bướm đêm à?”

Julia nhăn mặt khó chịu và đi tiếp xem trên ô cửa cuối cùng được khắc cái gì, ô cửa mà bọn chúng đã bước vào.

“Đây là ô cửa của những chú chim.” Cô bé vừa giơ cây nến lên cao vừa nói.

“Chim gì?” Rick hỏi rõ thêm.

Cậu đi tới chỗ cô bé và cùng nhìn lên tảng đá được trang trí của rầm cửa.

“Chim hải âu. Những con hải âu gào rú.”

Khi thấy hai chị em sinh đôi đang nhìn mình chăm chăm với đôi mắt tròn xoe, Rick nói thêm:

“Hải âu là loài chim gắn liền với các thủy thủ. Chúng là những nhà du hành đại tài. Người ta gọi chúng như thế bởi vì khi chúng cất tiếng trên bầu trời, tiếng kêu của chúng chẳng khác nào những tiếng tru.”

“Vui thật đấy...”

Từ phía ngoài căn phòng vọng tới chỗ bọn trẻ âm thanh ùng oàng của một tiếng sấm. Ánh đèn điện mờ đi, chập chờn và cuối cùng lại tắt.

“Chỉ còn thiếu nước này thôi!”

“Chúng ta đang ở trong bóng tối.”

Theo bản năng, Rick, Jason và Julia vòng tay bảo vệ ngọn lửa đang cháy trên cây nến trong tay mình và đưa này bám chặt vào đũa kia trong bóng tối.

Mãi vẫn chưa có điện, và trong căn phòng bằng đá, một luồng gió mạnh khiến ngọn lửa trên những cây nến chao đảo, chập chờn, buộc bọn trẻ phải di chuyển thật chậm.

Đi vòng quanh bốn ô cửa, Jason nhận ra rằng dọc theo chu vi căn phòng có một chuỗi các chữ cái được khắc trên sàn nhà.

“Mình đã tìm thấy ẩn ngữ rồi!” Cậu hớn hờ. “Lại đây mà xem này!”

Julia và Rick bước đến chỗ cậu. Jason cúi xuống sát mặt sàn và chạm nhẹ vào các chữ cái được khắc trên đá. Các chữ cái, cách đều nhau, tạo thành một câu duy nhất, rất-rất dài.

“O... M... E... M... O... T...!” Jason bắt đầu đọc với vẻ thỏa mãn vì mình đã tìm được.

“May mà đó là những chữ cái bình thường. Không cần bất cứ quyển từ điển nào cả,” cậu nói.

Nhưng cậu đã nhầm.

Cậu đi một vòng quanh căn phòng mà không hiểu mình đang đọc gì. Bức thông điệp nối tiếp hết chu vi sàn nhà nhưng dường như không có điểm bắt đầu cũng như điểm kết thúc. Nó chỉ là một chuỗi những ký tự không thể hiểu nổi.

“Không đầu không cuối!” Cậu phàn nàn.

Julia cũng cố đọc xem có được gì không, nhưng không thành. Còn Rick thì bắt đầu mỉm cười.

“Chúng ta lại đang đối mặt với một thử thách nữa: một thông điệp bí mật cần được giải mã. Giống như thông điệp từ bốn chiếc chìa khóa. Và những ký tự bí hiểm.”

“...ABIUSROMEMOT!” Jason bực bội. “Chẳng ra cái gì!”

Nhìn em trai như vậy, ngay cả Julia cũng phải bật cười:

“Không phải rất tuyệt sao? Chúng ta đang ở trong bóng tối, trong một căn phòng bí mật của ngôi nhà được xây trên đỉnh một vách đá, trong cơn dông và cùng với một thông điệp bí mật cần được giải mã! Ai còn sợ rằng Kilmore Cove có thể làm chúng ta chán được nữa chứ?”

Rick ngồi xuống giữa phòng, nhỏ một ít sấp lên mặt đất rồi gắp cây nến xuống. Sau đó cậu lôi tờ giấy đã ghi lại nội dung hai bức thông điệp trước,

cùng cây bút duy nhất còn viết được và bảo Jason đọc chính tả những chữ cái được viết trên sàn cho mình.

“Julia, cậu đứng yên ở đó, như thế thì Jason sẽ biết được khi nào cậu ấy đọc xong một vòng hoàn chỉnh.”

“Mình không muốn chết ở đây đâu,” Julia nói.

“Cậu nói linh tinh gì thế?” Rick trả lời. “Ô cửa chúng ta bước vào vẫn còn để mở: chúng ta không bắt buộc phải đi tiếp đâu.”

“Cậu... cậu chắc chứ?”

“Chắc chắn: chúng ta luôn có thể quay lại mà.”

“M... O... R... S... U...” Jason bắt đầu đọc từng chữ một.

Rick yêu cầu Jason đọc lại lần nữa để chắc chắn là mình đã viết đúng.

Xong xuôi, cậu đọc to bức thông điệp lên:

MORSUIBAABIUSROMEMOTEPSEESPETOME

“Xong,” cậu kết luận, “không hiểu là cái gì nữa!”

“Cho mình xem nào.” Jason ngồi xuống cạnh cậu.

Trong lúc đọc, Jason nhận ra có hai chữ cái “A” nằm cạnh nhau.

“Cậu thử tách chúng ra xem sao.”

Rick làm theo bằng cách đánh dấu một vạch giữa hai chữ “A”.

MORSUIBA

ABIUSROMEMOTEPSEESPETOME

Cậu đọc:

“MORSUIBA... Cái từ này gợi cho mình điều gì đó,” cậu nói.

“Cậu đùa đấy à?”

“Không... Từ này... MORSUIBA... mình đã nhìn thấy nó đâu đó trong cuốn từ điển.”

Jason nhảy lên, kích động:

“Cậu nói thật chứ?”

“Đương nhiên. Kiểm tra lại cũng có mất gì đâu.”

Rick quỳ xuống, đặt cuốn từ điển lên đùi, bắt đầu lật các trang sách toàn ngôn ngữ cổ. Hai chị em sinh đôi, bị hấp dẫn bởi ý tưởng về bầu không khí cổ đại đang bao quanh mình, hồi hộp nhìn Rick.

“Đây rồi!” Rick thốt lên, đồng thời chỉ vào một chương trong cuốn từ điển có tiêu đề Ngôn ngữ của Bộ tộc Mặt trăng. “Các cậu nhìn vào đây này! Từ suiba có nghĩa là ‘nhanh chóng’.”

Có lẽ chúng đã xác định được một từ trong bức thông điệp đó.

“Chúng ta hãy thử dịch phần còn lại đi!” Rick đề nghị.

“Này!” Jason reo lên. “Từ này có thể được đọc theo cả hai chiều... Các cậu nhìn này! Giống y như nhau!”

Quả thực, bắt đầu từ giữa hai chữ A, khi đọc từ trái qua phải hay từ phải qua trái đều ra một kết quả chung ABIUSROM. Không chỉ có vậy: cách này cũng đúng với hai từ tiếp theo nếu ta xuất phát từ hai chữ E đứng kề nhau.

Đó là một câu vòng tròn, có thể được đọc theo cả hai hướng, không có bắt đầu cũng không có kết thúc. Một câu thần chú.

Một câu mà, ít nhất cho tới thời điểm đó, hoàn toàn không có nghĩa gì cả.

Bọn trẻ cứ thế chìm đắm trong việc dịch từ ngôn ngữ của Bộ tộc Mặt trăng, bộ tộc mà thậm chí chúng chưa bao giờ nghe tên trong sách vở. May cho bọn trẻ, cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên dường như được làm ra cốt để hỗ trợ cho công việc của chúng. Nhờ vào những thông tin trong cuốn sách, bọn chúng có thể phân chia và tách các từ khác nhau trong câu vòng tròn đó.

Sau khi đã hệ thống và phân thành từ, câu ẩn ngữ nghe ra thế này:

ES PET OMEMOR SUIBA
ABIUS ROMEMOT EPSE

Đến lúc đó, cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên đã làm nên phép lạ: chỉ trong chưa đầy mười lăm phút, tất cả các từ đều được chuyển thành những từ tương đương trong ngôn ngữ thời nay.

Câu đó có nghĩa là:

TRONG ĐÊM TỐI CHÚNG TA DI CHUYỂN MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÌ SỢ LỬA THIÊU

Dịch xong, Rick gấp cuốn từ điển lại. Bọn trẻ chìm trong im lặng một chút, suy ngẫm về ý nghĩa của câu đó, sau đó Julia hỏi:

“Thế nào đây?”

Cô bé cảm thấy đầu óc nặng trĩu: cô có cảm giác là mình thích hành động hơn là ngẫm nghĩ, thích làm việc hơn là nghĩ quá nhiều về nó. Hàng chữ dài bí ẩn đó đang hủy hoại cô. Đồng thời, cô bé cũng ngạc nhiên về khả năng của Rick và tự hào về sự tinh ý không ngờ của em trai mình.

Jason lắc đầu.

Còn Rick thì nói:

“Mình biết đâu là cánh cửa dẫn xuống dưới rồi.”

Hai chị em sinh đôi theo sau cậu.

Rick tiến lại gần cánh cửa nơi chúng bước vào phòng: trên cánh cửa đó có khắc hình những con hải âu.

“Như mình đã nói với các cậu rồi đấy, đây là những nhà du hành đại tài: nhưng, ngày cũng như đêm, nếu trời không có gió, chúng thường chỉ đậu một chỗ. Vì vậy chúng không di chuyển trong đêm.”

Sau đó cậu đi đến cánh cửa có những con cá.

“Những con cá này bơi dưới nước. Thật khó mà... sợ lửa được.”

Trước cánh cửa có đàn bò, cậu nói:

“Còn những con vật này, có thể di chuyển trong đêm và có thể sợ lửa thiêu. Thời tiền sử, con người dùng chính ngọn lửa để đuổi bắt chúng và

nấu chúng lên... Nhưng mình không tin là câu ẩn ngữ lại liên quan đến chúng. Mình không nghĩ là ban đêm chúng... cực kỳ nhanh.

Rick đi về phía cánh cửa cuối cùng, nó mở ra bóng tối mờ mịt. Cậu bé nâng cây nến lên để chiếu sáng đường nét của ba con bướm đêm được khắc trên đá.

“Câu ẩn ngữ ám chỉ những con bướm đêm. Chúng di chuyển nhanh chỉ trong đêm và chúng cũng sợ ngọn lửa thiêu đốt, bởi vì lửa thu hút chúng... và thiêu đốt chúng.”

Giờ Julia mới nhìn thấy rõ có gì đó như thể một cái đầu lâu, được khắc bên trên sống lưng của một con bướm đêm.

“Nhưng nếu đây đúng là cánh cửa thì tại sao phía trên con bướm đó lại có hình khắc một cái đầu lâu? Đầu lâu muốn nói đến cái chết...”

Rick nhún vai.

“Không phải là cái đầu lâu đâu. Đó là một mảnh áo giáp, nhìn giống một cái đầu lâu, nhưng đó chỉ là ảo giác thôi.”

“Dù nó là gì thì Rick cũng nói đúng - Jason khẳng định, đồng thời đưa cây nến lên phía trước để cố xem có nhìn ra cái gì bên ngoài cánh cửa. Bức thông điệp nói rằng Trong bộ bốn, ba chứa ẩn ngữ: và trên đây được khắc ba con bướm. Chúng ta phải đi tiếp từ chỗ này.”

“Chẳng có gì buộc chúng ta phải làm việc đó ngay bây giờ.” Rick nói.

“Chắc chắn là có chứ,” Jason phản bác, “không phải tình cờ mà chúng ta ở đây. Chúng ta ở đây là để đi tới tận cùng sứ mệnh.”

Chương 16. Cầu thang tối

Phía bên kia ngưỡng cửa, có một cái cầu thang. Jason hạ thấp ngọn nến xuống để có thể nhìn rõ hơn dây cầu thang dốc sâu thăm thẳm.

“Đúng là ở đây rồi! - Jason vui sướng hét lên. - Chính là cái cầu thang dẫn xuống giống như bức thông điệp đã viết! Các cậu còn đợi gì nữa? Lại đây!”

Do dự một chút, rồi Rick và Julia cũng đi theo Jason. Các bậc thang được đục thẳng vào trong vách đá tự nhiên, giống như những bức tường bao quanh chúng. Càng đi xuống sâu, mùi biển nồng càng được những cơn gió cuộn tới, khiến mũi chúng ran rát. Muối biển phủ lên tất cả một lớp ẩm và lấp lánh.

Jason bước xuống trước, cách hai đứa đi sau năm bậc thang. Cây nến trên tay cậu phản chiếu ánh sáng lập lòe lên các bức tường đá gồ ghề.

Bóng tối dần mù mịt hơn còn nến của bọn trẻ thì càng lúc càng cháy leo lét.

“Jasoon...” Julia thút thít khi nhận ra rằng cầu thang thì cứ sâu hun hút mà những cơn gió thì càng lúc càng thốc mạnh hơn. “Hay chúng ta quay lại đi?”

Jason làm bộ không nghe thấy. Trái lại, cậu còn thốt lên, vẻ hào hứng:

“Mọi người lại đây! Lại đây mà xem!”

Julia bám chặt vào cánh tay Rick.

Bọn trẻ đã đi hết cầu thang. Trần cầu thang, chỉ cao hơn chúng một chút, cứ thấp dần xuống.

Phía trước vài mét, Jason đang còng lưng di chuyển mấy tảng đá nặng lối đi. Phía dưới những tảng đá ấy trào ra những tia nước lạnh buốt.

“Jason...” Julia rên rỉ.

Cậu trai em ra hiệu bảo cô im lặng. Cậu di chuyển nốt tảng đá cuối cùng và giơ ngón tay lên cao ra hiệu cho mọi người hãy lắng nghe.

Lúc này cả ba đều nghe thấy, xa xa bên dưới, sâu thẳm, nhưng không thể lẫn vào đâu được, âm thanh của biển.

“Cái hang!” Jason thì thầm. “Giờ thì nó ngay gần đây thôi... Có lẽ ở ngay phía sau đây thôi...”

“Nhưng nếu chúng ta đã chọn sai cửa thì sao?” Julia ý kiến, chỉ mỗi việc men theo cái lối đi chật chội đó trong bóng tối cũng đủ làm cô bé cảm thấy rùng mình sợ hãi.

Nhưng Jason không mất thời gian để nói thêm điều gì nữa. Cậu bé bò rạp người xuống và dùng nến soi sáng con đường mà cậu vừa dọn đá.

Không suy nghĩ quá nhiều, cậu bé trườn qua lỗ hổng.

Rick và Julia nghe thấy cậu thở hổn hển. Sau đó một lát, Jason hét lên:

“Được rồi! Mình lại đứng được rồi! Nào, đến đây đi!”

“Cậu nhìn thấy gì?” Rick vừa hỏi vừa gật đầu ra hiệu bảo Julia đi trước.

“Ở đây lối đi cao hơn và vẫn đi tiếp như lúc đầu! Đoạn phía sau, tớ có cảm giác nó hơi uốn về phía bên trái.” Jason trả lời.

Julia bò rạp xuống đất. Dưới tay cô, tảng đá vừa lạnh vừa ướt. Cô bé nhắm mắt, chui qua lỗ hổng mà vừa lúc trước, Jason đã biến mất vào đó. Ít nhất lần này cậu em cô đã nói đúng: chỉ sau có vài mét, cô lại có thể đứng thẳng được. Cô bé quay lại nhìn cái lỗ mình vừa chui ra khỏi, đồng thời tự hỏi vì lý do gì mà cái lối đi đó phải chật hẹp như vậy. Chỉ cần trong ba đứa có đứa nào mập mạp chút thôi thì cũng khó mà chui qua đó được.

Ở phía bên này, dù sao thì mọi thứ cũng phần nào đỡ hơn. Lúc này, Julia không còn cảm giác ngọt ngào khỉnh khỉnh nữa, bởi vì trời đã lạnh hơn. Nhưng luồng gió mạnh có nguy cơ thổi tắt các ngọn nến.

Cô bé gạt những sợi tóc bết mồ hôi lạnh ra khỏi mắt và trán rồi cố nhìn rõ mọi thứ. Lát sau Rick cũng đã bò ra, vừa thở hổn hển, vừa đẩy lên phía trước cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên mà cậu quyết không rời.

“Lẽ ra chúng ta nên mang theo đèn pin.” Cậu nhận định, đồng thời cố lấy tay che chắn cho ngọn nến.

Jason hăm hở dẫn đường. Julia đi theo sau, đặt một tay lên vai cậu, Rick đi cuối hàng.

Đúng như Jason đã nói, chỉ vài mét sau lối đi hẹp, hành lang ngoặt sang một bên. Đột nhiên một luồng gió tạt qua thổi tắt các ngọn nến, để bọn trẻ chìm trong bóng tối. Julia hét lên và bấu chặt vào tay áo Jason.

Cơn gió lạnh buốt luồn lách trong tiếng rít gào giữa những vách đá, chạy dọc cầu thang và lên tới tận căn phòng hình tròn nơi từ đó bọn trẻ khởi hành. Một tiếng sập cửa vang lên xa xôi, khô khan và dứt khoát.

“Ôi, không!” Rick ngoảnh lại kêu lên.

“Ch...chuyện gì vậy, Rick?” Julia lo lắng hỏi. “Jason? Jason... em có ở đó không?”

“Em đây! Ngay trước chị thôi.”

“Có chuyện gì thế?”

“Mình nghĩ là... cơn gió vừa nãy đã đóng sập cánh cửa vào mất rồi!” Rick nói.

“Cửa nào cơ?” Julia sợ hãi hỏi.

“Cánh cửa duy nhất có thể đóng được: cửa mà chúng ta vừa đi qua ấy. Các cậu không nghe thấy tiếng nó sập vào à?”

Thứ gì đó như nhót chạm vào cánh tay của Julia và ngay lập tức cô bé hét lên.

“Là em thôi mà!” Jason nói. “Chúng ta hãy bình tĩnh lại đã, được không? Không có chuyện gì xảy ra hết. Rick, phải thắp lại nến đã...”

Chúng rờ rẫm lại đứng cạnh nhau trong bóng tối. Rick lôi bật lửa ra và thử châm lại bấc nến, nhưng cậu cứ vừa quẹt được đốm lửa nhỏ thì luồng gió lạnh buốt trong đường hầm lại dập tắt nó ngay lập tức.

“Gió thế này thì không thể!” Cậu kêu ca sau rất nhiều nỗ lực không thành.

Ba đứa trẻ thử dùng thân mình làm lá chắn nhưng chiếc bật lửa chỉ tạo ra được những tia lửa yếu ớt. Chúng đầu hàng và đành phải dùng nó như một nguồn ánh sáng gián đoạn.

“Chúng ta quay lại thôi!” Julia nài nỉ, lúc này cô bé đã tin chắc rằng cứ tiếp tục đi theo đường hầm không đáy này là một điều điên rồ.

“Quay lại đâu? Chị không nghe Rick nói gì sao? Cánh cửa lên đã bị đóng rồi!”

“Chỉ cần mở lại nó thôi mà! Chúng ta có chìa khóa mà, không phải sao? Rick đang cầm còn gì.”

“Mặt trong cánh cửa cũng có các ổ khóa sao?”

“Chắc là có...” Julia trả lời.

Nhưng khi suy nghĩ lại, cô bé không còn chắc chắn được như thế.

“Có ai trong hai người để ý tới điều đó không?”

Một sự im lặng kéo dài, xen vào đó chỉ có tiếng gió rít và tiếng vỗ ầm ầm của biển cả.

“Em không.”

“Mình cũng không.”

“Rick?”

Ngay cả Rick luôn đúng giờ và chuẩn xác, lần này, cũng có một câu trả lời không chắc chắn.

“Các cậu chờ mình ở đây nhé. Mình quay lại xem thế nào.”

“KHÔNG!” Julia gào lên. “Tất cả chúng ta phải đi cùng nhau.”

Bọn trẻ bắt đầu thăm dò xung quanh, cố gắng tận dụng những tia sáng nhỏ nhoi của chiếc bật lửa.

“Khi chúng ta quay người lại, một luồng khí bất ngờ ập tới... cứ như thể việc dịch chuyển những tảng đá kia đã gây ra hiệu ứng ống khói với Biệt

thự Argo, làm cánh cửa bị đóng lại...”

“Đúng, nhưng luồng gió đó xuất hiện sau khi Jason dịch chuyển những tảng đá kia, đúng lúc chúng ta đến đây. Vậy thì nó đến từ đâu đó rất gần đây... nhưng mà từ đâu được chứ?”

“Ôi, không!” Jason rên rỉ khi đột nhiên hiểu ra vấn đề. “Chúng ta thậm chí còn không thể tiến lên được nữa...”

“Thế nào gọi là không thể... tiến lên được nữa?” Julia hỏi.

“Nghĩa là đường hầm này kết thúc với một khoảng trống.” Jason nhận định. “Có gì đó như là một cái giếng ở đây, luồng khí lạnh đi lên từ đó.”

Phía trước bọn chúng vài bước, mặt sàn của đường hầm đột nhiên biến mất: không phải một tảng đá vững chắc chắn ở đó, mà chỉ là một hố sâu tối đen.

“Đây có thể nào là... một cái bẫy?” Julia hỏi.

“Ý chị là gì?”

“Cơn gió đó là nguyên nhân gây mọi chuyện: nó thổi tắt nến, sập cánh cửa lại và suýt làm chúng ta rơi xuống vực... Trong bộ bốn, hai dẫn đến cái chết...”

“Em và chị, Julia.” Jason nói. “Nếu chị không gào lên và giữ em lại, thì em đã rơi xuống kia rồi. Chỉ... chỉ còn thiếu chút nữa.”

Rick lắc đầu.

“Cần phải có một lời giải thích lô-gíc hơn. Luồng gió không xuất phát từ dưới kia. Mà là... bị hút xuống. Từ phía trên.”

“Ô cửa sổ!” Jason thốt lên. “Có thể cửa sổ trên tháp lại bị mở ra.”

Rick gật đầu.

“Đúng vậy. Chắc chắn chính nó đã tạo ra luồng gió trong căn phòng hình tròn và trong cầu thang... Cậu đã làm thông lối đi và giờ đây... chúng ta bị kẹt lại ở đây!”

“Đúng ra bọn mình phải chốt cửa sổ đó lại!” Julia xen vào. “Và ít nhất phải mang theo một chiếc đèn pin!”

Jason ngón ngang bao dòng suy nghĩ.

“Theo mọi người, nếu chúng ta vượt qua được cái hố này, chúng ta có thấp lại nên được không?”

“Nhưng vượt qua bằng cách nào?” Julia hỏi. “Chúng ta không biết nó sâu bao nhiêu, rộng bao nhiêu... và chẳng có gì để nhóm lửa cả, trừ khi chúng ta đốt cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên, đương nhiên rồi!”

“Tớ đã bảo chúng ta nên mang theo một sợi dây thừng rồi mà.” Rick càu nhàu.

Julia kiên quyết.

“Điều duy nhất chúng ta có thể làm là quay lại. Lên đến căn phòng hình tròn kia rồi ta sẽ xem liệu có mở được cánh cửa từ phía trong không. Nếu không, chúng ta sẽ hét cho tới khi ông Nestor đến mở cho chúng ta.”

“Nhưng nếu ông ấy không nghe thấy thì sao?”

“Vậy thì chúng ta sẽ khám phá các cánh cửa khác của căn phòng đó...”

“Trên bức thông điệp có viết là có hai cái sẽ dẫn đến cái chết...”

Trong lòng đất tối tăm, tiếng cười kỳ quái của Julia nghe rõ mồn một.

“Còn cậu, cậu nghĩ sao về cảnh ngộ lúc này hả Rick? Chúng ta đang bên bờ một vực thẳm, không có đèn đóm, buộc phải mò mẫm và bám vào nhau, để đảm bảo vẫn còn đủ cả ba đứa...”

Julia quờ tay ra để khẳng định những lời nói trên nhưng lại chạm vào khoảng không ở chỗ đáng lẽ ra là cánh tay của cậu em trai.

“Jason? Em đâu rồi?”

Cậu bé đã biến mất.

Chương 17. Thuyền trưởng nhỏ

Thực ra Jason chỉ ở cách chị có vài bước. Nhưng cứ như thể cậu đang cách cả nghìn năm ánh sáng vậy. Cậu nghe thấy cuộc tranh luận giữa chị gái và Rick, và cậu không đồng tình với họ. Jason chắc chắn là mình đã đi đúng đường. Cậu chưa từng nghi ngờ điều đó, kể cả lúc cậu bò qua cái lối đi hẹp, và thậm chí lúc này đây, khi một hố vực ngăn bước cả bọn tiến lên.

Dò dẫm tìm đường, Jason cũng đã tới miệng hố. Mũi giày của cậu trượt ra khoảng không, khiến cậu cảm thấy choáng váng. Không khí lạnh giá từ phía dưới thổi lên sượt qua da cậu như một cái vuốt ve lạnh lẽo, mang đầy hương vị của biển cả.

“Vực thăm...” Jason nghĩ tới từ đáng sợ đó, gợi đến một cái vực không đáy, tối tăm và khổng lồ. Một hố sâu không đáy.

Không đáy ư? Thực ra, cậu không chắc là có đúng như vậy không. Mấy đứa đã đánh mất nguồn sáng duy nhất trước cả khi nhận ra trước mặt chúng đường còn bao xa.

Giá mà không có cơn gió chết tiệt ấy, giá mà chúng có một nguồn sáng khác ngoài ánh sáng của những cây nến đó...

Một nguồn sáng khác.

Nhưng có rồi mà! Chúng đã có rồi mà!

Bàn tay Jason nắm chặt chiếc hộp gỗ trong túi quần. Chiếc hộp đầy những viên đất nhỏ. Cậu đột nhiên nhớ ra:

Trong bóng tối của hang

Có thể dùng đất-đèn

Để thả sáng chiến hạm...

Cậu khẽ rút cái hộp ra khỏi túi quần rồi mở nó ra. Vài viên đất sét lăn qua tay cậu rồi rơi xuống khoảng không.

Một, hai, ba...

Chúng nảy lên nhiều lần sau khi đập vào thứ gì đó, rồi vỡ ra, và từng mảnh nhỏ lại tiếp tục rơi.

Jason nghe thấy tiếng Julia gọi từ phía sau. Nhưng, bị hút theo tiếng va đập không ngừng, cậu giả điếc trước tiếng gọi của chị.

Jason ném thêm một viên nữa.

Một khoảng im lặng, bụp bụp bụp... và sau đó lại im lặng.

Không thể nào là một vực thẳm được. Những viên đất đập nảy lên các tầng đá của bức tường đối diện có vẻ không cách xa lắm so với chỗ cậu đang đứng.

Cậu ném một viên khác đi xa hơn một chút.

Một khoảng im lặng, bụp bụp bụp... và lại im lặng.

Cú ném thứ ba, lại xa hơn chút nữa.

Bụp.

Viên đất sét dừng lại không rơi tiếp nữa. Nó dừng ở phía bên kia.

Vậy thì đó không phải là vực thẳm: chỉ là một cái hố thôi. Cái hố chia cắt đường hầm này làm đôi, nhưng chỉ rộng chưa đầy... một mét.

Có lẽ không đến.

Trong phút chốc, Jason tin là mình đã nhìn thấy một ánh sáng nhỏ, một chấm nhỏ lóe lên ở đúng chỗ mà cậu ném viên đất sét cuối cùng.

Một tín hiệu, ánh sáng lóe lên và tắt ngay trong tích tắc.

“Sao có thể như vậy được chứ?” Cậu tự hỏi.

“Jason! Jason!” Julia gào lên từ phía sau.

Cả nghìn năm ánh sáng phía sau cậu.

Jason hít vào thật sâu, cậu thả cái hộp đựng những viên đất sét xuống.

Và cậu nhảy.

Đó là một cú nhảy vào khoảng không, vào vô định, vào huyền bí. Một cú tăng tốc.

Cơ thể cậu bay lên trong bóng tối, trong khi, phía dưới cậu, hàng trăm viên đất-đèn vẫn đang rơi xuống bên dưới và bị bóng tối nuốt chửng.

Jason nhảy bởi cậu chắc chắn đó là việc làm đúng đắn nhất: bởi cái hố mà cậu nhảy qua là lối duy nhất dẫn xuống dưới. Cậu nhảy vì con người ta cần phải có dũng khí nhảy qua, chỉ thế thôi: không cần bất cứ một sự đảm bảo nào khác, ngoài sự đảm bảo điều bạn đang làm là đúng đắn.

Cậu nhảy, bởi cậu đã quyết và trong cậu khi ấy có đôi chút điên rồ.

Người ta không thể chọn có làm anh hùng hay không. Người ta là anh hùng, hoặc là không.

Jason đã tiếp đất theo cách không ngờ tới nhất.

Xuống một tảng đá vững chắc.

Cậu đã sang được tới bờ bên kia.

Như cả trăm năm đã trôi qua, cuối cùng thì cậu cũng có thể thở phào.

Rick và Julia nghe thấy tiếng bật nảy của những viên đất, nhưng, trong bóng tối, cả hai không thể hiểu được chuyện gì đang xảy ra.

Và chúng cũng sửng sốt khi nghe thấy tiếng cười của Jason.

“Mọi người ơi! Cái này... nó nhỏ lắm!” Cậu la lên. “Đó... đó là cái vực bé nhất từng có luôn ấy!”

“Jason?”

“Em đã nhảy qua rồi! Và chỉ là... là chuyện vặt thôi! Nó thậm chí còn không rộng đến một mét. Chỉ cần đi đến bên miệng hố và... sai dài bước chân ra thôi! Rick? Julia? Hai người nghe thấy mình nói chứ?”

“Em nói đã nhảy qua rồi sao? Em nói linh tinh chuyện gì vậy?” Julia hét lên.

“Trước khi làm việc đó, em đã thử nghiệm với những viên đất sét trong cái hộp. Em ném chúng vào khoảng không để xem chúng có nảy lên không

và... em nghe thấy chúng nảy lên liên tục. Thế nên em nghĩ miệng hố chắc cũng không lớn lắm. Và thế là...”

“Em đúng là bị mất trí rồi!”

Jason không đáp lại. Không dễ gì giải thích lối tư duy của cậu, cũng như cảm giác kỳ lạ mà cậu có ngay trước khi nhảy. Và thậm chí ngay cả lý do vì sao cậu thả cái hộp với những viên đất sét còn lại xuống cái vực đó nữa.

“Em đã làm thế đấy. Xin lỗi.”

“Xin lỗi ư! Còn gì nữa đây? Chị... Chị... Mẹ mà về, chị sẽ...”

Rick cố gắng xoa dịu Julia. Rồi cậu đi đến bên miệng hố và hỏi Jason xem luồng khí phía bên đó có mạnh như bên này không.

“Không. Mình thấy là nó đỡ hơn đấy.” Jason trả lời.

“Tuyệt.”

Rick lấy đà, nhảy sang ngay bên cạnh Jason. Và sau một vài nỗ lực, cậu đã thả sáng lại được hai ngọn nến. Vừa đủ để tất cả nhìn thấy mặt nhau: Jason và Rick ở một bên, Julia ở phía bên kia.

“Nhìn này!” Jason thốt lên đồng thời chỉ xuống dưới chân chúng.

Quả thực, cái “vực” chỉ rộng hơn miệng một cái cồng chút xíu: vẫn còn có thể nhìn thấy, trên đá, dấu tích của một vài cái bản lề hoen gỉ cũ kỹ.

“Ngày xưa ở đây chắc là có một cái nắp... một cái lưới sắt...” Rick nói.

Jason chìa một tay cho Julia. Cô bé, làm ngơ trước sự giúp đỡ, nhảy vọt qua hố mà không nhìn xuống phía dưới.

“Nào, chúng ta đi thôi.” Cậu nói, thả thêm một cây nến rồi dẫn đầu cả bọn tiến lên. “Chúng ta tiến lên xem sao đã.”

Chúng yên lặng đi tiếp được khoảng vài phút thì con đường lại đột ngột bị ngắt quãng.

“Lại dừng nữa rồi!” Julia bực mình thốt lên.

Jason và Rick theo cô bé đến một căn phòng trống trơn khoét vào trong vách đá và có vẻ như không có lối ra nào khác. Mặt sàn của hang được tạo

thành từ những phiến đá vuông vức giống những phiến đá trong căn phòng tròn nơi chúng mới đi ra khỏi lúc trước, nhưng những phiến đá ở đây bé hơn nhiều. Trên trần, một đường gân dày bằng đá chạy ngang, nhìn như trần của một giáo đường kiến trúc Gô-tích.

“Mình nghĩ đến đây là hết rồi.” Julia nói trong khi nhìn quanh.

Như thể đã quen với việc phải làm gì lúc này, cả ba đứa trẻ bắt đầu sẫm soi các bức tường, mặt sàn và trần của căn phòng bằng cách rọi nển vào khắp các góc ngách. Rất thận trọng, chúng cố thu thập từng chi tiết nhỏ nhất: người xây nên căn phòng này cũng có thể đang đặt chúng vào một thử thách mới.

“Ôi, không!” Julia thốt lên, phật ý thấy rõ vì chẳng phát hiện được gì. “Lần này, mình chẳng từ bỏ nữa đâu!”

Cô bé đứng giữa phòng quan sát thật chăm chú.

“Không có bất cứ lối ra nào.” Rick vừa lăm bẫm vừa sờ vào những bức tường uốn cong.

Những vách đá này bám vào đường gân giống như mạn thuyền bám vào sống thuyền vậy. Càng nghĩ tới sự giống nhau đó, Rick càng có cảm giác là mình đang ở trong thân của một con tàu bị lật úp. Cậu nhớ đến những ngày, trên bãi biển, cũng thường trốn dưới những con thuyền được kéo lên bờ để hong khô.

“Mình có cảm giác đang ở trong một chiếc thuyền bị lật úp.” Cậu nói, và giải thích cho hai chị em sinh đôi cái “sống thuyền” ở trên trần và hình dáng thon dài của căn phòng.

“Nếu thế thì làm sao để thoát ra khỏi đây bây giờ?” Jason hỏi.

“Có hai cách,” Rick tươi cười nói, “hoặc là chạy, khi chủ nhân của nó phát hiện ra, hoặc là... nâng mạn thuyền lên và trườn ra...”

Bọn trẻ đi đến gần phía rìa căn phòng và lần sờ từng xăng-ti-mét chỗ giao cắt giữa mặt sàn và các bức tường.

“Đá... đá... đá... toàn đá là đá...”

Julia giương cây nến của mình lên.

“Một... hai... ba... bốn...” Cô bắt đầu đếm.

Jason và Rick đã đi hết một vòng quanh căn phòng, hai cậu nhóc bắt đầu chán nản.

Xung quanh đây chỉ có đá: rắn chắc và không thể xuyên qua được.

BỊCH! Có vật nặng gì đó rơi xuống mặt đá.

Jason và Rick quay lại nhìn Julia, đang ngồi xõm ở giữa căn phòng.

Dưới chân cô bé, thứ gì đó lại kêu BỊCH!

Sau đó BI...BI...BI...BỊCH!

“Minh nghĩ là tìm thấy rồi.” Cô bé nói, vẻ mãn nguyện.

Chương 18. Phía trên

Nestor đi về phía cửa sổ phòng tháp, bằng một động tác nhanh gọn, ông đóng nó lại.

“Trước sau gì ta cũng phải sửa lại mày thôi...” Ông lầm bầm.

Ngay khi ông vừa đóng cửa sổ lại, luồng gió lạnh buốt từ phía cầu thang ngừng lại luôn.

Ông Nestor liếc mắt về phía hạm đội tàu mô hình đặt gần cái bàn và vui mừng nhận ra rằng cuốn nhật ký bình thường vẫn được đặt bên dưới con tàu Con mắt của Nefertiti đã biến mất.

Ông mỉm cười, rồi bước ra khỏi căn phòng và đóng cánh cửa gương lại.

Trong bóng tối, ông nhìn thấy trong ánh phản chiếu một người đàn ông mà các đường nét đã chìm khuất. Một khoảnh khắc im lặng kéo dài.

“Bọn trẻ xuống dưới đó rồi...” Ông Nestor lăm băm.

Cơn dông âm âm bên ngoài cửa sổ.

“Thế là sớm đấy!” Người đàn ông nói.

Thực ra, ông đã từng hy vọng điều đó. Nhưng ông cũng đã học được rằng, luôn có một sự khác biệt rất lớn giữa điều người ta hy vọng và thực tế diễn ra.

“Cánh cửa đóng lại rồi...”

“Như thế có quá cần trọng không?”

Nestor quan sát xung quanh, vẻ khó chịu, và làm bộ rời đi.

Ông cố chống lại ý định chạy ngay xuống cầu thang. Đôi mắt chăm chăm nhìn vào khoảng không trước mặt, ông tự nhủ:

“Lũ trẻ giỏi mà. Giỏi và may mắn, nhưng trên hết vẫn là giỏi. Chúng xứng đáng có được một cơ hội thử thách.”

“Chúng không có bất cứ một lời giải thích hay lời khuyên nào cả. Chúng có thể đã hoặc sẽ bị thương. Có thể chúng sẽ không xuống đó được. Hoặc là có thể sẽ xuống được và... tới được cánh cửa đó. Rồi sao nữa?”

“Rồi... tôi không biết nữa.”

“Chúng sẽ mở nó ra. Đó sẽ là một thảm họa.”

“Có lẽ là không. Đó là những đứa trẻ giỏi xoay xở. Tôi đã để chúng... ít nhất thì tôi đã cho Jason một gợi ý để lần theo.”

Lại một sự im lặng kéo dài nữa.

“Có thể nào một thằng nhóc mười một tuổi sẽ để ý tới... một lời gợi ý đơn giản không?”

“Có lẽ là có. Tôi đã cẩn thận lựa chọn bọn trẻ.”

Sau một thoáng do dự, người đàn ông lắc đầu.

“Chẳng phải chỉ là tình cờ thôi sao?”

Nestor không trả lời. Ông bước xuống cầu thang thật nhanh, bước vào căn phòng bằng đá và nhận ra chiếc tủ đã bị xô dịch. Sau đó, ông nhìn cánh

cửa đã bị đóng chặt.

Bọn trẻ đã mang theo bốn chiếc chìa khóa và chẳng để lại gì ngoài vài chiếc lá cây làm từ vải.

Nestor nhăn mặt khổ sở đi tới phía cửa vòm của ngôi nhà, nhẹ nhàng xoa xoa phần đế của bức tượng cô gái ngư dân và nhặt chiếc áo mưa của mình từ dưới đất lên.

Ông mở tung cánh cửa trong màn mưa.

Những lời nói lúc trước vẫn vang lên trong đầu ông: ông biết rất rõ rằng bọn trẻ được chọn một cách ngẫu nhiên. Nhưng đâu có nhiều lựa chọn khác. Hoặc là bọn trẻ, hoặc là quý cô Newton đó vậy thôi.

“Sự ngẫu nhiên, đôi khi, lại là cách giải quyết tốt nhất.” Ông lão làm vườn lẩm bẩm khi ra khỏi Biệt thự Argo.

Chương 19. Phía dưới

Ở chính giữa căn phòng, có bốn tảng đá lớn được đặt cạnh nhau. Julia đã phát hiện ra rằng, chỉ cần tác động một lực nhẹ, các tảng đá có thể xoay chín mươi độ, tạo ra âm thanh của một cơ chế đang hoạt động.

“Mình chắc chắn là giải pháp nằm ở bốn tảng đá này,” Julia mỉm cười nói. “Mọi người có nghe thấy âm thanh phát ra khi mình xoay chúng không?”

BỊCH! BỊCH!

“Mình nghĩ là cậu nói đúng,” Rick nói. “Nhưng chúng ta phải xoay chúng theo cách nào? Và hơn nữa, để làm gì chứ?”

“Không thể nào... có vô vàn khả năng!” Jason gần như rên rỉ.

Julia bắt đầu xoay bốn tảng đá một cách kiên quyết.

“Chị có biết mình đang làm gì không, Julia?” Cậu em hỏi.

“Chắc chắn là không rồi,” cô bé trả lời, vẫn không ngừng xoay các tảng đá. “Nhưng chị không hề có ý định mất thời giờ động não xem phải xoay bốn tảng đá này như thế nào để...”

Đột nhiên một tiếng động âm âm dưới lòng đất vang lên.

“Julia! Cẩn thận!” Jason hét lên.

Cô bé đợi tiếng âm đó giảm bớt đi rồi lại bắt đầu đẩy và kéo bốn tảng đá ở giữa sàn.

“Và một trong bốn dẫn xuống bên dưới, không phải sao?” Cô bé nói to. “Vậy thì cố lên! Hãy xoay mấy tảng đá này đi!”

Jason quan sát chị gái, cảm thấy hơi bối rối.

“Chị nói là một trong bốn tảng đá này sẽ đưa chúng ta xuống dưới á?”

BỊCH! BỊCH! BỊCH

“Chắc chắn rồi.” Julia trả lời.

Sàn nhà rung lên nghe như tiếng kim loại, giống như âm thanh một vật nặng lăn trên những bánh răng cũ kỹ.

“Như thế này này!” Julia nói, đồng thời đứng lên.

Với một âm thanh khô khốc, tảng đá ngoài cùng bên phải đột nhiên mở tung ra.

“Ờ thì một lỗ cửa!” Jason vừa lăm bẫm vừa nhìn chị gái mình với ánh mắt ngưỡng mộ.

“Làm thế quái nào cậu có thể làm được điều đó?” Rick hỏi cô bé, thực sự kinh ngạc.

Những cây nến bắt đầu cháy leo lét một cách đáng lo ngại và, để tránh nguy cơ lại bị tối thui một lần nữa, bọn trẻ quyết định chỉ để lại một cây. Với cây nến còn cháy đó trên tay, Jason, Julia và Rick có thể hé nhìn vào trong cái hố được mở ra dưới tảng đá thứ tư.

“Có gì vậy? Một cái cầu thang ư?”

Rick thò đầu xuống thăm dò trong bóng tối trong khi Jason soi sáng cho cậu bằng mẫu nến đã cháy gần hết.

“Không. Nó nhẵn thín à, giống như... đúng hơn là... mình cho rằng đây là... một rãnh trượt!” Cậu bé thốt lên, hơi lo lắng.

Ba đứa trẻ ngồi bệt xuống sàn, do dự không biết phải làm gì. Ánh nến ngày càng yếu hơn, và khi bóng tối càng lúc càng xâm lấn, nỗi lo lắng của chúng cũng tăng lên. Chúng nhìn miệng của rãnh trượt dưới sàn, đủ rộng để cả ba đứa bọn chúng chui xuống và cách duy nhất để khám phá xem nó sẽ dẫn tới đâu. Nhưng... không đứa nào có ý định sẽ để mình rơi vào cái hố tối thui không biết sẽ dẫn tới... chỗ nào đây?

“Giá mà chúng ta mang theo một cái dây thừng...” Rick căn nhắc đến lần thứ n.

“Jason, chị có một ý!”

Julia, mò mẫm một chút, thì lấy được cuốn từ điển. Sau đó, cô bé cúi xuống gần miệng hố và thả nó xuống rãnh trượt.

Cuốn từ điển lập tức biến mất trong bóng tối.

Rick nhìn Julia, hoảng sợ.

Julia, trái lại, đong tai lên để nghe ngóng. Cô nghe thấy cuốn từ điển trượt, trượt, và trượt... cho tới khi không nghe thấy gì nữa.

“Mình có thể biết cậu nghĩ sẽ được gì, ngoài việc làm mất luôn thứ hữu ích duy nhất mà chúng ta còn bên người không?” Rick quở trách cô bé.

Julia gãi đầu, suy nghĩ.

“Mình không biết: mình cứ mong sẽ nghe được tiếng một tiếng tòm! chẳng hạn, nếu nó đã rơi xuống nước.”

“Và nếu như nó rơi XUỐNG NƯỚC thì sao?”

Giọng của Rick vang lên đầy bức bối, ngữ điệu cao như lên tới tận nốt nhạc cuối cùng luôn.

“Vậy thì... chúng ta sẽ biết được rằng rãnh trượt này kết thúc dưới nước.”

“Và chúng ta sẽ có một cuốn từ điển không dùng được nữa mà... mà...”

Rick chỉ vào miệng rãnh trượt, rồi cúi kính nún vai.

“Dù sao thì chuyện cũng đã rồi!” Jason nói.

“Dù sao thì chuyện cũng đã rồi, đúng thế!” Rick lặp lại. “Nhưng... nhưng các cậu đến từ cái nơi quái quỷ nào trên trái đất này thế? Cậu, khi ở trong bóng tối với một cái hố trên sàn thì cố nhảy qua đó. Còn chị gái cậu, vừa phát hiện ra con đường bí mật thì vút ngay cuốn từ điển xuống để xem kết quả thế nào... Đầu óc các cậu làm sao vậy? Bố mình luôn nói rằng đừng bao giờ tin vào những người thành phố, nhưng... khi thật! Các cậu nghĩ ra những ý tưởng ngớ ngẩn nhanh đến mức người ta thậm chí còn không có đủ thời gian để bảo các cậu ‘Không! Chờ đã!’ hay đại loại thế!”

Nói rồi cậu bỏ đi, vẫn tiếp tục lầm bầm.

Jason và Julia nhìn nhau đồng cảm.

“Em nghĩ là chị đã làm cậu ấy giận rồi...” Jason rì rầm với chị.

“À à,” cô bé gượng cười.

Thực ra, ngay cả khi không thích phải thừa nhận điều đó, cô vẫn biết rằng Rick hoàn toàn có lý. Suốt cả ngày, cô bé chỉ biết la mắng em trai, thế mà giờ đây có lẽ chính cô mới là người làm điều vô trách nhiệm nhất. Tiếc thay! Nhất là sau khi cô tự mình mở được cái miệng hố trên sàn.

“Để em lo...” Jason nói và đi trò chuyện với cậu bé người Kilmore Cove, đang ngồi căn nhắc ở một góc.

Bóng của cả hai được phản chiếu lên các bức tường của căn phòng nhờ ánh sáng lờ mờ từ cây nến duy nhất còn đang cháy, nhìn như bóng của hai người không lồ.

Julia nhìn xuống rãnh trượt phía bên dưới. Sau đó nhìn Rick đang giẫy khỏi tay của Jason.

Cô thò hai chân xuống miệng hố. Đế giày của cô chạm vào mặt đá trơn nhẵn của rãnh trượt.

“Cuốn từ điển làm được...” Cô bé lẩm bẩm để lấy dũng khí. “Thì mình cũng làm được.”

Sau đó đẩy nhẹ người một chút, nửa người Julia đã lọt xuống dưới miệng hố.

“Này các cậu!” Cô hét lên, ngay trước khi thả mình rơi xuống. “Lại đây mà nghe này!”

Jason và Rick quay lại.

“Julia, không!” Jason hét lên.

Rick chết đứng tại chỗ.

Julia đã mỉm cười với cậu, mỉm cười với chính cậu, như để nói với cậu rằng: “Xin lỗi Rick, mình đã sai, nhưng bây giờ mình sẽ sửa lại tất cả.”

Và cô bé thả mình trượt xuống.

Jason và Rick chạy lại gần cái hố, há hốc miệng.

“ÔÔÔ...UUU!” Julia hò hét, từ đâu đó dưới kia. Rồi lại:

“UUU...AAA!”

Và một lát sau:

“AAAAA...ÔÔÔÔÔ...UUUUU...AAAAA...!”

Và rồi không thấy gì nữa.

“Julia!” Jason hét lên, khi không còn nghe thấy tiếng la của chị gái cậu nữa.

“JULIA! JULI...AAA!”

Có gì đó thực kỳ quái trong việc hét tên của chị cậu vào miệng một cái hố dưới sàn.

Rick kéo Jason khỏi miệng hố, khuyên rằng, nếu không yên lặng một chút, thì cậu sẽ không thể nào nghe thấy câu trả lời, nếu có, của chị gái

mình.

Đúng vậy, ngay khi Jason ngừng hét, từ xa tí, chúng nghe thấy giọng Julia đang nói:

“Không thể tin nổi! Thật tuyệt vời! Các cậu ơi! Thật không thể tin nổi! Không thể nào! Không...”

“Mình nghĩ là cô ấy ổn...” Rick nhận xét.

“Và cái rãnh trượt không kết thúc ở dưới nước...” Jason cười.

Sau đó, quá nôn nóng để có thể nói thêm được gì nữa, hai cậu nhóc cũng thả mình trượt xuống cái hố.

Rãnh trượt hun hút trong bóng tối. Trong khi rơi ngựa như thế, Jason có cảm giác như mình đang vượt qua chỗ thì rất rộng, chỗ thì rất hẹp, giống như hang của các loài côn trùng vậy. Cậu trượt với tốc độ điên cuồng, chốc chốc lưng cậu lại nảy lên giữa các khe đá. Cậu trượt trên đá mà không hề bị chà xát: rãnh trượt ẩm ướt và nhớp dính.

Sau vài giây thực sự sợ hãi, cậu bé bắt đầu có cảm giác bị say và cậu làm theo kiểu mà lúc trước Julia đã làm:

“UUU... AAA!” Cậu hét lên ở khúc uốn đầu tiên.

Rồi:

“UUUUUU... AAAAA!” Ở khúc thứ hai.

Phía sau cậu, hoặc có thể nói là phía trên, cậu nghe thấy giọng của Rick.

Càng xuống thấp, đường trượt càng đỡ dốc hơn, mặc dù Jason vẫn lao đi như tên bắn. Cuối cùng, cậu bị đổ nhào xuống một bãi biển đầy cát, nhờ vậy mà cậu tiếp đất cũng ít nhiều được nhẹ nhàng hơn.

Cậu lăn tròn và mở to mắt, chỉ lúc ấy cậu mới nhận ra mình đã nhắm mắt suốt hành trình.

Thứ đầu tiên cậu nhìn thấy, ngay bên cạnh mình, là cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên.

Sau đó cậu nhìn thấy cái hang, và chị gái mình.

Julia đứng cách cậu vài bước và đang thích thú nhìn ngó xung quanh.

Những con sóng biển chậm rãi vỗ vào bờ cát được vây kín bởi những bức tường khổng lồ bằng đá. Phía trên đầu chúng, hàng trăm đốm sáng nhỏ bé lấp lánh. Và những ánh sáng khác cũng đang rục lên, từng đốm từng đốm một, dọc các bức tường của hang đá.

Jason đứng lên.

“Đất-đèn,” cậu lẩm bẩm ngờ vực, quan sát những đốm sáng đang nhảy múa đó.

“Không,” Julia đứng trước cậu, nói.

Cô bé cầm trên tay một viên đất sét, sau đó cô nhẹ nhàng bóp vỡ. Bên trong, có cơ thể nhỏ bé run rẩy của một con côn trùng.

“Những con đom đóm nhỏ, Jason ạ.”

“Đom đóm...” Cậu bé lẩm bẩm.

“Ồ ồ ồ ồ!” Một giọng nói cất lên sau lưng cậu.

Jason bị quả tên lửa thứ hai lao xuống với tốc độ điên cuồng đâm sầm vào, khiến cậu ngã sấp mặt lên cát.

Rick cũng đã xuống tới nơi.

Chương 20. Hang đá

Jason, Julia và Rick dừng lại trên bờ biển, để quan sát hang đá. Xung quanh chúng, hàng trăm con đom đóm bay lượn vòng quanh như những đốm sáng vừa hé mở và thức tỉnh. Những con đom đóm tỏa ra một thứ ánh sáng dịu nhẹ trong hang, giống như ánh sáng trước bình minh trong những ngày hè, nhưng trần hang thì tối và xa xôi. Thành hang lún xuống tận biển.

Mặt biển tạo thành một tấm gương trong suốt hơi gợn nhẹ bởi thi thoảng, những dòng chảy lại xô những con sóng nhỏ vỗ vào bờ. Âm thanh dữ dội của những con sóng ngoài khơi, bên ngoài thành hang, nơi biển cả mênh mông, át cả cơn đông, đang đập vào các mỏm đá.

Bãi biển nơi ba đứa trẻ đang đứng đủ tiếp đón được khoảng chục người và trải dài cho tới một cầu cảng nhỏ bằng gỗ, nơi có một chiếc thuyền đang neo đậu.

Jason, Julia và Rick chiêm ngưỡng nó, ngập tràn trong cảm xúc. Chúng vừa bị cuốn hút vừa thấy sợ hãi.

Đó là một con tàu có phần thân chắc chắn, đuôi và mũi cao, kiêu hãnh và mảnh dẻ. Một hàng mái chèo dài xếp thẳng, như đang đứng nghiêm, ở hai bên mạn tàu. Phần sống tàu duyên dáng nhô lên rồi lại hạ xuống theo từng đợt sóng, làm dây xích phía đuôi tàu, có phần cuối chìm trong nước, nhẹ nhàng kêu leng keng.

“Mình chưa từng nhìn thấy cái nào tương tự.” Rick thốt lên, sau một khoảng im lặng dường như vô tận. Trong mắt cậu tràn ngập hình ảnh của con tàu đó.

“Có lẽ đó là của ông chủ cũ Ulysses Moore?” Julia đoán liều.

“Chị có thể đặt cược đó, chị gái.”

“Còn mình thì thấy nó giống tàu của người Viking.” Rick nói.

“Nhưng mình chẳng nhìn thấy lối ra nào cả.” Jason lăm lăm, nhìn theo đường bay lấp lánh của đám côn trùng.

Cái hang không có vẻ gì là có lối dẫn ra ngoài: chỉ có một con tàu, và chiếc gương lớn chính là mặt nước biển giữa các bức tường bằng đá, giống như một bể bơi trong nhà khổng lồ. Mỗi lần từ trên trần đá thấm qua và nhỏ xuống những giọt nước mưa, thì trên mặt nước lại tạo ra những vòng tròn đồng tâm lao xao.

Rick thở dài:

“Mình tự hỏi làm thế nào mà một con tàu Viking lại có thể vào được đây... Nơi chúng ta đang đứng, các cậu nghĩ sao? Trong hang đá của những người Druid cổ đại?”

Không ai trả lời.

Cậu tiếp tục:

“Mình cho rằng... cho rằng người ta đã trực tiếp chế tạo con tàu ở trong này...” Rick suy đoán. “Và có lẽ những người chế tạo ra con tàu này cũng chính là những người đã làm ra đường hầm.”

Phương án của Rick, lúc nào cũng thế, có vẻ là phương án hợp lý nhất.

“Nó rộng khoảng bao nhiêu nhỉ?”

“Ít nhất hai mươi mét.” Rick trả lời ngay lập tức.

“Mình hỏi cái hang ấy.”

Cậu bé người Kilmore Cove nhún vai. Hang động này rất lớn, vì thế mà cậu không biết, nó có thể trải dài toàn bộ phần dưới của vách đá Salton Cliff.

“Chúng ta rơi xuống chỗ nào đây, Jason?” Julia lẩm bẩm, sau một hồi dài im lặng.

“Cứ như này thì em cho là... chúng ta đang ở trong bãi tắm riêng của Biệt thự Argo!” Cậu em trả lời. “Có lẽ việc đến được đây hơi phức tạp một chút nhưng... rõ ràng là rất thanh tao: ánh sáng tự nhiên của những con đom đóm, con tàu du ngoạn Viking, bãi biển riêng... Hơi tối một chút, nhưng...”

Julia lắc đầu.

“Có vẻ như chỗ này đã lâu rồi không được sử dụng...”

“Vì sao?”

“Em đã thấy đường vào đây thế nào rồi, phải không? Các tảng đá cần phải di chuyển, cái hố trong đường hầm... và sau cùng em không thấy tất cả những con đom đóm này sao?”

“Vậy thì sao?”

“Vậy em giải thích thế nào khi ở Kilmore Cove này, chưa một ai từng nhìn thấy chút ánh sáng nào lọt ra ngoài từ một vài khe hở? Chẳng lẽ người ta chưa bao giờ nhận ra rằng vách đá được thắp sáng vào ban đêm ư?”

“Người ta có nhận ra đấy, thỉnh thoảng cũng có.” Rick vừa nhìn vào chúng vừa nói xen vào. “Chỉ là họ chắc chắn không thể hình dung được ra... tất cả những chuyện này.”

“Vậy thì xin hỏi, họ hình dung ra cái gì?”

“Chẳng hạn như đó là sự phản chiếu ánh đèn điện của các ngôi nhà, hoặc của ngọn hải đăng, lên những tảng đá trắng của vách đá. Hoặc cái gì đó đáng sợ hơn như: thứ ánh sáng của Salton Cliff. Sự phản chiếu, bóng tối, những nơi xuất hiện rồi lại biến mất: mỗi thành phố biển đều mang theo đầy những sự tích, giống như các câu chuyện của người thủy thủ kể về những ánh sáng huyền bí, trên và dưới mặt biển.”

“Mình cược là bố cậu...”

Rick đột ngột ngắt lời:

“Thực ra thì... bố mình chưa bao giờ nói với mình về một con tàu như thế này. Vì vậy mình nghĩ là nó chưa bao giờ đi ra khỏi đây. Nếu không thì phải có ai đó nhìn thấy nó rồi chứ. Và cũng sẽ có một câu chuyện về nó nữa. Con tàu này mới thực sự là bí ẩn của nơi đây... chứ không phải thứ ánh sáng kia.”

Bọn trẻ leo lên cầu tàu. Dưới chân chúng, những ván cầu cũ kỹ kêu cọt kẹt nghe rất đáng sợ và bóng con tàu phía bên trái chúng bắt đầu lắc lư duyên dáng.

Jason quan sát các cọc chèo bỏ không bên mạn tàu và các mái chèo được kéo lên trên, dựng đứng, trông như một đội quân tí hon bằng gỗ. Julia không rời mắt khỏi cột buồm, cao gấp bốn lần mái chèo và vững chãi như

một cây cổ thụ. Dập dềnh cùng con tàu, trông nó như một ngón trỏ màu đen khổng lồ chỉ lên trời.

Rick đi lên phía mũi tàu, một phần mũi cong trắng lệt bằng gỗ.

“Nó thật hoàn hảo, các cậu có thấy thế không?” Rick vừa nói vừa vuốt ve mặt gỗ.

Cậu thấy nó ấm nóng và rất chắc chắn.

Và vì hai chị em sinh đôi không lên tiếng, nên cậu nói tiếp:

“Mình muốn nói rằng, nếu mình được thiết kế một con tàu hoàn hảo, mình chắc chắn sẽ làm nó như thế này. Với hình dạng này, với cột buồm và những mái chèo này, như những con tàu cổ...”

“Con tàu có tên không nhỉ?” Jason hỏi cậu.

“Đó là điều mà mình đang cố tìm hiểu đây...”

Trên sống tàu có ghi:

METIE

“Meti...e” Rick đọc.

“Gì cơ?”

“Metie. Con tàu này tên là Metie. Cái tên nghe chán quá!” Jason bình luận.

“Chữ cái cuối cùng không hẳn là chữ ‘E’,” Rick quan sát. “Có lẽ nó không được viết bằng ngôn ngữ của chúng ta...”

“Mình tin chắc là thế luôn! Từ trước tới giờ cậu đã bao giờ nghe thấy từ ‘Metie’ chưa?”

“Chúng ta vẫn có thể lấy cuốn từ điển bất ly thân của chúng ta ra để tra cơ mà,” Julia nói. “Nó vẫn còn tốt nguyên, dù có bị rơi...”

Cô bé vừa nói vừa làm điệu bộ nhăn mặt với Rick.

“Chúng ta lên tàu chứ?” Rick hỏi.

Mạn tàu cao chưa tới một mét và trên cầu tàu, có một tấm ván có lẽ được dùng làm cầu.

Ánh mắt Jason sáng bừng lên.

Được hai chị em sinh đôi giúp sức, Rick lấy tấm ván và bắc lên mạn tàu. Sau đó, bằng một điệu bộ hài hước nhất có thể, cậu cúi đầu mời Jason lên trước.

“Thuyền trưởng Jason, xin mời...”

Jason đặt một tay lên vai cậu và nói, với cùng tông giọng kiểu cách đúng như vậy:

“Xin cảm ơn, thuyền trưởng Rick...”

Rồi cậu ngoảnh về phía chị gái mình, lúc này đang quay lại lấy cuốn từ điển và nói thêm:

“Thuyền trưởng Julia, ta chờ cô trên con tàu mới của chúng ta!”

Sau đó cậu bước hai bước thật nhanh lên cầu và nhảy xuống lòng tàu.

Con tàu được làm hoàn toàn bằng gỗ. Chỉ có một boong và một khoang duy nhất, trong thân tàu. Hai bên thân tàu có một dãy mười ghế băng dài bằng gỗ, mỗi cái tương ứng với một mái chèo, được dựng thẳng đứng. Mỗi mái chèo lại được nối với cọc chèo của mình.

“Bằng cách này thì sẽ không còn nguy cơ bị mất mái chèo trên biển nữa.”

“Nói đúng lắm, thuyền trưởng Rick.” Jason bước đến bên cạnh Rick và nói.

“Metis!” Julia reo lên trong khi lật giở các trang của cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên. “Chiếc thuyền này tên là Metis. Tên nó được viết bằng tiếng Hy Lạp cổ đại.”

“Đấy, phải thế chứ...” Jason lẩm bẩm. “Được, Metis còn hay hơn Metie.”

“Nó có nghĩa gì không?” Rick hỏi cô bé.

“Ừmmm... có. Metis có nghĩa là ‘sự khôn ngoan’. Đó là tên người vợ cả của thần Dớt, con gái của thần Đại dương và Teti. Một người phụ nữ thông minh, giỏi giang... giống như tất cả những người phụ nữ!”

Julia gập cuốn từ điển lại.

Rồi cô nhướn người nhìn vào trong khoang tàu, nhưng thất vọng kết luận:

“Chẳng có gì cả! Trong này chẳng có gì hết...”

Nhưng trong lòng, cô vẫn không từ bỏ ý tưởng sẽ tìm thấy một kho báu lớn đầy ắp của cải trong các góc ngách của vách đá.

Con tàu, tuy nhiên, chỉ là một cái vỏ trống không.

Cột buồm, dựng đứng ở giữa boong, bị thiếu mất cánh buồm: chỉ có mỗi bốn sợi dây thừng cứng cáp mang đầy vị mặn mòi của biển, bắt từ trên đỉnh cột và nối với các mạn thuyền, với đầu tàu và đuôi tàu.

“Không có cánh buồm nào...” Rick lầm bầm. “Con tàu này chưa bao giờ ra khơi... Hoặc là đã rất lâu rồi nó không ra khơi. Tuy nhiên, thân tàu có vẻ vẫn chắc: cấu bản nhưng vẫn còn chắc chắn. Mình không nghĩ là có nhìn thấy một gỗ hoặc...”

“Một... gì cơ?”

“Một gỗ: là những con bọ ăn gỗ ấy. Chúng làm hang bằng cách đục vào thân tàu và, dần dần, chúng phá nát thân tàu.”

Jason bĩu môi, như muốn thốt lên: “Eo ơi!”

Hai thuyền trưởng nhỏ đi xuống gần cuối đuôi tàu. Ở đó, chỗ hai bên thân tàu, có dựng hai mái chèo to và dẹt hơn những cái khác, chỗ cắm của chúng nằm ngay dưới lan can hai bên mạn tàu.

“Còn đây là các bánh lái,” Rick nói. “Chúng được kéo xuống hai bên tàu và vận hành bằng những cái này...”

Cậu chỉ cho Jason thấy mỗi bánh lái được lắp một thanh gỗ nằm ngang làm chúng có hình chữ “L”. Nhờ tay cầm đó mà người ta có thể dễ dàng

vận hành nó khi đứng giữa boong tàu.

“Kia là cái gì?” Jason vừa hỏi Rick vừa chỉ về phía căn phòng bằng gỗ ở đuôi tàu, ngay phía sau hai bánh lái.

“Ca-bin của thuyền trưởng,” Rick nói nhỏ, tiến đến gần cửa.

Trên ngưỡng cửa ca-bin có một cái rèm cũ dệt từ sợi đay, đã bị mục nát vì ẩm ướt và thời gian, Rick rùng mình vén nó lên đồng thời nhìn vào bên trong. Cậu phải bật lửa lên để lấy chút ánh sáng.

Ca-bin của thuyền trưởng hoàn toàn trống trơn. Phần còn lại của những tấm vải cũ lung lảng trên trần và trên tường đầy những mảnh rách tả tơi, khiến căn phòng trông rất điêu tàn.

Ở một góc phòng, trên mặt sàn, một chiếc giường thô sơ được đặt vừa vặn giữa hai chiếc rương cũ. Phía đối diện, có một tấm ván nổi giữa hai bức tường, hẳn được dùng làm bàn. Trên bàn, có một chân nến ba chạc và ba mẫu nến.

Và bên cạnh chân nến có một cuốn sách đóng kín.

Rick tiến lại gần bàn, thấp các mẫu nến, bàn tay với ra run run, cậu bé chạm vào cuốn sách.

“Có thể là cuốn nhật ký hành trình của vị thuyền trưởng cuối cùng...”
Julia đứng phía sau, lẩm bẩm.

Rick nhắc cuốn sách có bìa da màu đen lên và mở ra.

Ngoài kia, nơi khơi xa, một tia sét cực lớn xẹt xuống trắng sáng cả đường chân trời.

Chương 21. Cuốn nhật ký cuối cùng

Trên trang giấy đầu tiên, một bàn tay thanh lịch nào đó đã viết:

Ngày 17 tháng Chín năm cuối cùng,

Đây có lẽ sẽ là chuyến đi cuối cùng của Metis, lữ khách hiền triết của chúng ta. Sau khi đã chiều theo mọi mong muốn, đưa chúng ta đi tới bất cứ nơi nào chúng ta muốn, giờ đây, nó không còn lý do nào để nhổ neo nữa. Những bàn tay đã từng điều khiển các bánh lái cũng không thể tiếp tục được nữa. Đôi tay ta cũng đã trở nên già nua và yếu ớt. Còn đôi tay người bạn đồng hành của ta đã không còn nữa rồi. Cuối cùng thì, thời gian cũng đã kết thúc chuyến phiêu lưu của chúng ta. Giờ đây, chiếc mỏ neo đã nằm yên, dưới đáy biển bí ẩn này, còn lại trong ta chỉ là những kỷ niệm về những gì chúng ta đã từng nhìn thấy, đã sống, về những gì chúng ta đã trải qua, đã từng biết đến. Và trong ta còn có những ước mơ về những bến bờ chưa từng được ghé thăm. Những ước mơ và những kỷ niệm, sau cùng, cũng đều được làm từ một loại bột mỳ, mà chúng ta phải nướng nhỏ lửa để có thể biến nó thành một chiếc bánh mỳ thơm phức, có thể nuôi sống chúng ta suốt cả tuổi già.

Bởi vì, bây giờ ta đã già rồi. Và con tàu của chúng ta cũng già rồi, dù vẫn còn khả năng đánh bại mọi trở ngại thời gian, theo dòng những khao khát của các thuyền trưởng. Giờ đây, con tàu yêu quý của ta, hãy dừng lại thôi!

Em, được chế tạo từ gỗ của cây sồi thần thánh ấy, ta xin em: hãy cho những mái chèo của mình được nghỉ ngơi!

Em không còn thuyền trưởng nữa. Và cũng không còn Quý bà Đạo chích - mà để chống lại ả, em phải xoay xử trong gió bão nữa.

Cầu cho đêm tối sẽ dịu dàng với em, Metis vô vàn yêu quý của ta, bởi vì, ta sẽ trao em cho bóng đêm.

Rick đưa một ngón tay sờ lên vết mực, lật trang và thấy rằng phần còn lại của cuốn nhật ký bị bỏ trắng.

“Các cậu thấy sao?” Cậu hỏi.

“Mình nhận ra nó rồi,” Jason nói.

Cậu lấy cuốn nhật ký tìm thấy ở phòng tháp canh ra và đặt cạnh cuốn này. Cậu mở một trang bất kỳ và đối chiếu nét chữ. Hai cuốn nhật ký được viết bởi cùng một bàn tay.

“Đây là cuốn nhật ký cuối cùng của ông chủ cũ Ulysses... bức thư từ biệt của ông ấy.”

“Nó nói về những cuộc phiêu lưu, những chuyến đi, những bến cảng xa xôi,” Julia nói. “Ông ấy chắc hẳn đã làm được những điều rất vĩ đại, cùng với con tàu này: con tàu Metis.”

“Hoặc ít nhất ông ấy cũng đã tưởng tượng ra thế.” Rick sửa lại. “Mình không tin chiếc Metis này đã từng ra khơi.”

Jason vừa mở cuốn nhật ký hành trình Ai Cập vừa lẩm bẩm:

“Thế mà trong đây lại nói về Ai Cập, như là ông ta đã từng ở đây vậy...”

“Không phải bằng con tàu với những mái chèo này!” Rick vặn lại. “Con tàu này không có động cơ, không có đầu máy, thậm chí còn không có cả kết cấu để có thể căng buồm!”

“Nhưng nó có thể di chuyển nhờ các mái chèo mà!”

“Chẳng nhẽ cậu tin chuyện đó sao, tin rằng một người nào đó tìm được hai mươi người chèo thuyền từ Anh sang Ai Cập sao? Mình thì không. Còn chưa kể là, nếu mà tìm được họ, thì chúng ta chắc chắn sẽ được nghe nói ra rả trên tất cả các kênh truyền hình luôn!”

Rick cảm thấy chua xót. Trong khi đọc những dòng của cuốn nhật ký cuối cùng đó, cậu chẳng thể thôi nghĩ rằng bố mình chưa hề già khi đi biển. Ông không có cơ hội lưu lại những kỷ niệm và những giấc mơ. Ngay cả nói lời chào tạm biệt với con tàu của mình cũng không. Một ngày nọ, biển cả đã mang họ đi, cả ông và con tàu của ông, và rồi quyết định không trả họ lại nữa.

Nhưng vì những lời đó rất khó có thể nói ra được, nên cậu chỉ nói xin lỗi với Jason và đi lại khắp ca-bin vẻ lo lắng.

“Chúng ta làm gì bây giờ?” Đến một lúc, Julia hỏi.

“Chúng ta đi khỏi đây thôi,” Rick nói.

Cậu bước lên boong tàu. Màn trình diễn của đàn đom đóm giúp cậu dịu lại.

“Rick?”

Jason và Julia đang nhìn cậu từ ngưỡng cửa ca-bin của thuyền trưởng.

Rick mỉm cười. Rồi cậu nhìn quanh và nhận xét:

“Chúng ta phải đi đâu nhỉ, theo các cậu, để ra khỏi cái hang này?”

Từ boong tàu, chúng có thể nhìn rõ hơn vào bên trong cái hang. Bãi cát nơi con tàu neo đậu, ngoài rãnh trượt ra, không xuất hiện thêm bất cứ lối ra rõ ràng nào cả. Nước biển trong này ngập hết phần còn lại của hang, trừ một bãi cát nhỏ xíu ở phía đối diện. Bãi cát nhỏ thứ hai này giống hệt bãi biển lúc đầu chúng đã tới: có một chiếc cầu tàu bằng gỗ, giống hệt với cái mà cả bọn đã trèo lên. Nhưng thay vì có một rãnh trượt, thì ở đó lại thấp thoáng một cái cầu thang hẹp với các bậc thang nhỏ màu đen, dẫn đến một cánh cửa ở phía trên thanh rầm đá, đồ sộ, giống hệt với những cái mà chúng đã nhìn thấy trong căn phòng tròn.

“Linh tính mách bảo mình là chúng ta phải đi tới cái cầu thang đó. Và đi qua cánh cửa đó.” Julia phỏng đoán.

“Nhưng làm thế nào để tới được bãi biển kia?”

Dù có nỗ lực bao nhiêu, thì chúng vẫn chẳng tìm được bất cứ con đường nào nối giữa hai bãi biển nhỏ ấy cả.

Tất nhiên, trừ biển ra.

Rick thò đầu ra khỏi lan can tàu nhìn xuống mặt nước, đen và đặc như dầu. Cậu ước chừng khoảng cách phải qua rồi lắc đầu.

“Nếu mà bơi thì cũng dài đấy,” cậu nói. “Hy vọng là không có những dòng chảy hay xoáy nước phía dưới.”

“Cậu muốn bơi sang bãi bên kia á?” Jason kinh hoàng hỏi.

“Cậu có sáng kiến nào khác không?”

“Biết đâu sẽ tìm được một lối đi dọc theo vách hang... Sẽ có mà, mình tin là thế!”

Julia dạo quanh boong tàu, trầm tư.

“Chúng ta cũng có thể dùng con tàu,” một lát sau cô bé nêu ý kiến. “Các cậu nghĩ việc này có khó không?”

“Gì cơ?” Rick thốt lên. “Nhất định là khó rồi! Cậu biết cần phải có gì mới làm con tàu này di chuyển được không? Và rồi ai sẽ là người chèo? Ai sẽ là người lái?”

“Cũng có thể chỉ cần nhổ neo lên là...”

Rick đột nhiên mặt mũi đỏ bừng:

“Các cậu đừng có lại bắt đầu với trí tưởng tượng của những người thành phố nhé! Con tàu không phải là đồ chơi đâu. Cần phải có hiểu biết, kỹ năng, sức mạnh... và may mắn, mới có thể điều khiển được nó. Và chúng ta thì chẳng có gì trong số những phẩm chất này.”

“Cậu tự hạ thấp mình rồi Rick ạ,” Jason chen ngang. “Và cậu nhầm đấy. Chúng ta có tất cả những điều đó. Cậu hiểu biết về biển. Và cậu còn biết làm rất nhiều thứ khác. Suốt mấy tiếng đồng hồ rồi chúng ta đi trong bóng tối chỉ với mong muốn được thấy cái... sau bóng tối đó? Chúng ta đơn giản chỉ muốn đến được đây. Và chúng ta đã làm được điều đó. Chúng ta đã

động não hết sức mới giải quyết được một chuỗi những thách đố: những chữ viết không thể đọc nổi, những câu đố khó nhằn, những ổ khóa bị khóa kín, những tảng đá xoay... Mình gọi đó là kỹ năng. À, chắc chắn rồi... cậu nói là cần phải có sức mạnh. Được: nếu đơn lẻ, thì không ai trong chúng ta mạnh hết. Chúng ta chỉ là ba đứa nhóc con. Nhưng nếu tất cả cùng bên nhau, cả ba chúng ta, thì chúng ta sẽ có thể làm được. Chỉ cần cậu nói xem chúng ta phải làm gì, và bằng cách nào, chúng ta có thể thử. Và rồi... mình thật may mắn: mình vẫn còn sống dù đã ít nhất hai lần suýt chết, trong ngày hôm nay! Julia cũng may mắn, thậm chí là hơn cả mình.”

Julia nhìn cậu em bằng ánh mắt tò mò.

Jason tiếp tục:

“Chúng ta đều may mắn bởi vì chỉ cách đây một tuần, chúng ta vẫn đang ở trong nhà chơi máy tính, giống như hàng triệu những đứa trẻ khác ở London... trong khi giờ này, chúng ta đã ở đây, trong một cái hang đáng kinh ngạc, trên một con tàu thần kỳ, đồng hành với một người bạn cũng... cũng thần kỳ như tất cả những gì xung quanh. Và tất cả những điều đó không phải may mắn thì là gì được nữa. Một vận may khó tin mà chúng ta không được phép uổng phí.”

“Nói hay lắm!” Julia thốt lên, lần đầu tiên cô bé hoàn toàn nhất trí với em trai mình như thế.

Jason lại gần Rick nói thêm:

“Hãy nhìn bãi cát nhỏ kia đi Rick. Nó không xa đến thế đâu... Mình muốn thử đi tới đó trên một mảnh gỗ, hơn là bơi trong làn nước tối tăm ấy. Nếu sau đó chúng ta rơi xuống nước, vậy thì chúng ta sẽ bơi. Nhưng mà tới lúc đấy thì mình vẫn tin là... tin là...”

“... là không phải tình cờ mà chúng ta đến được tận đây,” Julia nói nốt giúp em trai mình.

“Đương nhiên không phải tình cờ rồi! Các cậu không nghe thấy ư, xung quanh các cậu, nghe như có giọng nói đang nói rằng: “Các người đã tìm

thấy nó, thì nó là của các người! Hãy nhổ neo lên, hãy trở thành những thuyền trưởng của con tàu này. Những thuyền trưởng của Metis trong một ngày!” Dũng cảm lên, Rick! Hãy nói ra sự thật. Hãy nói rằng chúng ta có thể thử di chuyển con tàu này từ đây... tới kia!”

Jason chỉ bãi cát ban đầu chúng tới, rồi bãi biển phía bên kia. Tay cậu dừng lại do dự một lúc, run run vì sự mạnh mẽ của ngón tay mà mình đang chỉ phía trước.

Khi Jason hạ cánh tay xuống, cậu thấy mắt Rick lấp lánh.

“Nào... cậu trả lời mình thế nào đây, thuyền trưởng Rick?” Jason giục, bằng giọng khàn như của một thủy thủ lão luyện. “Chúng ta di chuyển cỡ máy này chứ?”

Rick nắm chặt tay lại. Cậu cảm thấy hưng phấn, xúc động, hoài nghi và hơi điên rồ.

Rồi sau một hồi đấu tranh nội tâm, cậu gật đầu và đáp:

“Thôi được, chúng ta sẽ di chuyển nó, thuyền trưởng Jason! Chúng ta hãy thử xem...”

Julia đặt một tay lên lưng cậu.

“Thuyền trưởng Julia” Rick nói mà không quay lại. “Tôi xin đảm bảo với các vị là chúng ta sẽ ra khỏi cái hang này và sẽ không quay lại đây cho tới khi chúng ta chưa khám phá được mọi bí mật của nó.”

Sau đó cậu nhảy lên và hét:

“Cố lên các cậu! Khởi hành!”

Cả ba cùng bắt tay vào công việc một cách hùng dũng, cứ như thể chúng đã biết chắc chắn phải làm gì rồi.

Rick đưa ra mệnh lệnh đầu tiên của mình: để tất cả những thứ có thể sẽ hữu dụng vào trong ca-bin của thuyền trưởng.

Jason đưa tay lên trước trán, ra hiệu tuân theo.

“Tuân lệnh ngài, thuyền trưởng Rick!”

Chương 22. Về phía những bến cảng ước mơ

Rick quyết định trèo lên cột buồm nhờ vào những khắc nhỏ được đục trên cột. Mục tiêu của cậu là tháo được ít nhất một trong bốn sợi dây thừng ra khỏi chóp cột để có thể dùng chúng cho việc khác.

Cậu nhét vào túi quần con dao mang theo từ phòng bếp của Biệt thự Argo và, nghiêng chặt răng, cậu bắt đầu, từ từ leo lên từng khắc, có nguy cơ bị trượt rồi rơi xuống boong tàu bất cứ lúc nào. Cậu đã leo được gần nửa đường thì Julia vừa cười vừa bước ra khỏi ca-bin của thuyền trưởng.

“Các cậu hãy nhìn đây đi!” Cô bé thốt lên. “Những chiếc rương này đầy dây thừng!”

Rick thở hỗn hển, cậu tự hỏi sao mình lại hành động mà không suy nghĩ trước như thế, rồi vô cùng cẩn trọng, cậu bắt đầu trèo xuống.

“Chúng ta làm gì với những sợi dây thừng này?” Hai chị em sinh đôi cùng hỏi.

Rick cầm chúng lên: phần lớn chỗ này là để dùng buộc buồm, một vài sợi đã mục nát, một số khác thì vẫn còn tốt. Cậu đặt chúng lên trên boong tàu bằng cử chỉ huyền bí, sau đó cậu dẫn hai chị em sinh đôi đến chỗ cái tời, dụng cụ dùng để nhổ neo. Có vẻ nó vẫn còn hoạt động: nó được cấu tạo từ một khối tròn bằng gỗ mà khi được quay bằng một cái tay cầm hình chữ “L”, nó sẽ kéo sợi xích lên khỏi mặt nước.

Tuy nhiên, cái tay cầm đó không quay được. Có lẽ nó đã hoen gỉ và bị kẹt lại bởi lâu không được dùng. Ba đứa trẻ đứng sát cạnh nhau và bắt đầu

đẩy rồi lại kéo một cách nhịp nhàng.

“Cố lên!”

“Cố lên!”

“Cố lên!”

Khi chúng sắp bỏ cuộc thì cái tay cầm đó phát ra một tiếng ken két rồi lại tắc. Phải rất vất vả, bọn trẻ mới làm cho nó xoay được một phần tư vòng, sau đó được nửa vòng và cuối cùng là được cả vòng.

Và đầu ươt sừng của sợi xích đã quấn vào quanh cái khung gỗ.

Một cách chậm rãi, vừa than vãn, vừa thở hổn hển, vừa rên rỉ, bọn trẻ đã nhấc được lên khỏi đáy biển cái mỏ neo mà ít nhất cũng phải nặng bằng cả ba đứa cộng lại.

Trong khi Rick và Jason vận hành cái tời, Julia thò đầu ra khỏi mạn tàu để kiểm tra mỏ neo, đang ngập dưới nước, để không làm hỏng thân tàu.

“Mình đã thấy nó!” Cô bé hét lên. “Chúng ta nhấc được nó lên rồi!”

Đúng lúc đó, chúng cảm nhận được sự dịch chuyển của con tàu.

Con tàu bắt đầu lướt đi từ từ, tự do, trên mặt biển trong hang.

Rick rời vị trí của mình ở chỗ cái tời và lớn tiếng ra lệnh:

“Jason, đến chỗ bánh lái đi! Julia, hạ đôi mái chèo xuống, một cái ở mạn phải và một cái ở mạn trái!”

Julia đứng thần người nhìn cậu, không biết làm thế nào để thực hiện mệnh lệnh đó.

“Hạ mái chèo xuống! Một cái bên phải và một cái bên trái!” Rick lặp lại.

Jason đi đến chỗ một trong hai mái chèo-bánh lái, tóm lấy tay cầm của nó và nhìn cậu bạn tóc đỏ của mình.

“Hạ nó xuống!” Rick hò.

Jason hạ nó xuống thật nhanh. Mái chèo dẹt chìm nghim xuống nước và trong giây lát, ngay cả Jason cũng không theo kịp nó.

“Không phải như thế! Cậu phải giữ cho nó gắn với con tàu! Giữ nó lại! Giữ nó lại!”

Jason trợn mắt lên, như muốn nói: “Cậu làm như dễ lắm ấy, cậu... mà giữ nó lại không dễ thế đâu!”

“Chúng ta đang di chuyển!” Julia hét lên. “À, không! À, có! Chúng ta đang xoay tròn!”

Đúng vậy: sau chuyển động về phía trước lúc đầu, con tàu đã giữ được thăng bằng trong chuyển động lặp lại sau đó, như thể nó gặp một dòng nước xoáy, hoặc có gì đó đã làm nó hết di chuyển ra giữa biển, rồi lại về phía bãi cát. Cuối cùng nó đứng im.

Rick giận dữ hạ mái chèo phía bên mình xuống rồi lệnh cho Jason:

“Jason, cậu lại đây! Bằng cách nào đó cậu phải điều khiển cả hai bánh lái này. Mình và Julia sẽ lo những mái chèo. Cậu cứ giữ thăng hai cái này, trước là cái này, sau là cái kia, được không? Cậu làm thế nào để đầu tàu hướng về phía cửa hang phía bên kia kia.”

“Rick!”

“Cậu thử đi. Một bánh bên này trước, rồi tiếp cái kia.”

“Được rồi! Mình thử đây!” Jason đáp, đồng thời nắm chặt tay chèo của mình.

Rick chạy về phía Julia, bảo cô bé giữ một trong hai mái chèo còn mình thì lấy cái ở phía đối diện.

“Cậu biết chèo chứ, Julia?”

“Không!” Cô bé rên rỉ.

“Trời ơi, chết tiệt!”

Rick quay lại nhìn, tuyệt vọng. Nếu cả bọn không bắt đầu chèo ngay lập tức, thì Metis có thể sẽ tự di chuyển theo hướng này hoặc hướng khác. Và như thế thì, có nguy cơ con tàu sẽ bị mắc cạn trên bãi biển nơi chúng vừa đi khỏi.

“Vậy thì các cậu phải đổi chỗ đi! Cậu ra chỗ bánh lái còn Jason thì lại đây để chèo. Cố lên!” Rick hò.

“Jason! Chị sẽ ra chỗ bánh lái!” Julia hét.

Jason gật đầu, lúng túng và lo lắng. Cậu đang đứng giữa hai bánh lái của đuôi tàu và lần lượt phải giữ tay lái này rồi lại tay lái kia.

Rất nhanh chóng và không cần phải nói năng gì, cậu đổi vai với chị gái, rồi ngồi xuống phía sau mái chèo của mình.

“Cậu ít nhất cũng phải biết chèo chứ, Jason?” Rick công kích.

“Chắc chắn rồi!” Jason nói dối.

“Được rồi...” Rick nói. “Mình đếm đến số ba, chúng ta sẽ thực hiện động tác đầu tiên. Hạ mái chèo xuống, đẩy, rồi nhấc lên, hạ mái chèo xuống, đẩy rồi lại nhấc lên. Hiểu rồi chứ?”

“Ừ” Jason trả lời, mặc dù không hiểu gì cả.

“Một, hai và... ba!” Rick nói.

Cậu thả mái chèo xuống nước, dồn tất cả trọng lượng cơ thể vào tay chèo và đẩy. Rồi lại nhấc nó lên. Jason cố làm theo như vậy. Cậu nghe thấy mái chèo rơi xuống nước, cũng đẩy, và cũng nhấc lên.

“Lại đi!”

Chúng lặp lại chuyển động.

“Lại đi!” Rick hò.

Jason hào hứng chèo một cú thật mạnh mẽ và làm bắn tung lên một dải nước lớn.

Nhưng con tàu vẫn không di chuyển.

“Có gì đó giữ nó đứng im ấy!” Julia hét lên. “Chúng ta không nhúc nhích!”

“Chết tiệt!” Rick thốt lên, nhấc mái chèo của mình lên đến lần thứ tư. “Không thể như thế được!”

Nhưng con tàu không di chuyển chút nào cả: Julia có lý. Con tàu không hề di chuyển theo bất cứ hướng nào, kể cả hướng ngược lại. Nó thậm chí còn không cả xoay tròn.

“Chúng ta vẫn ở yên một chỗ!”

“Không,” Rick phỏng đoán, “chắc là còn một cái neo nữa!”

“Chúng ta phải tìm cái mỏ neo đó! Cố lên!” Rick hô hào cả bọn.

Trong khi đi đi lại lại trên boong tàu, Jason chợt nảy ra một ý nghĩ. Cậu đã cố bỏ qua, nhưng ý nghĩ đó vẫn quay lại: có thể chẳng có bất cứ cái mỏ neo nào để tìm cả. Có lẽ Metis đã sẵn sàng lên đường rồi. Nhưng nó vẫn bị thiếu gì đó... điểm đến chẳng hạn. Mục đích của chuyến đi. Có lẽ, có một công cụ nào đó, trên tàu, phục vụ cho việc định hướng đường đi, gần giống như hệ thống ra-đa cho máy bay vậy. Và đó mới là thứ mà chúng phải tìm.

Có lẽ, Jason nghĩ, con tàu có một loại động cơ tiên tiến nào đó được giấu trong khoang. Mặc dù khoang tàu hoàn toàn trống không.

Jason cảm giác con tàu đơn giản chỉ đang chờ để biết mình phải đi đâu. Bởi vì, có lẽ, con tàu đó có thể là... một con tàu thần kỳ. Trong cuốn nhật ký có viết rằng thân của nó được chế tạo bằng gỗ của một cây sồi thần mà. Vậy có nghĩa là, theo một cách nào đó, con tàu này cũng thần kỳ.

Đắm chìm trong những tưởng tượng của mình, Jason tiến lại gần chỗ mái chèo-bánh lái mà mình vừa cầm lái trước đó một lúc. Cậu tự động nắm lấy nó.

“Em đang làm gì thế hả Jason?” Chị gái cậu gần như ngay lập tức hét lên.

Cậu chỉ ngược mắt lên.

“Em đang cố di chuyển con tàu.” Cậu vừa đáp vừa xoay bánh lái trong nước.

Con tàu vẫn không phản ứng gì, giống như là bị giữ lại vậy.

“Nó không muốn biết gì hết!” Jason gào lên trong khi vẫn đẩy bánh lái lại lần nữa.

Sau đó cậu cố gắng thả lỏng người: để cho những tưởng tượng của mình cứ thế tuôn trào... Ví như thuyền trưởng Jason điều khiển con tàu trong cơn bão, hướng về một vùng đất lạ; những vách hang tự động mở ra, hướng ra ngoài khơi; những cánh buồm của con tàu, như một điều thần kỳ, tự động buông xuống dọc theo những cuộn dây thừng.

“Có lẽ chúng ta phải cố chèo thêm nữa!” Rick gợi ý.

“Không! Vấn đề không phải là ở những mái chèo,” thuyền trưởng Jason đáp, đồng thời chuyển bánh lái để tránh một tảng băng trôi thực ra chỉ tồn tại trong giấc mơ hão huyền của cậu. “Mình cho rằng con tàu này không chạy bằng mái chèo!”

“Vậy nó chạy bằng gì? Bằng buồm? Bằng động cơ? Trong những giấc mơ của cậu, có lẽ là vậy!”

Jason nheo mắt lại trong bóng tối đang được thắp sáng bởi những con đom đóm.

“Có thể nào,” cậu lẩm bẩm. “Có thể nào... để di chuyển con tàu này...” Jason nghĩ tới cuốn nhật ký hành trình của thuyền trưởng. Chẳng phải nó viết là con tàu đã đưa họ tới bất cứ nơi đâu họ muốn ư?

Ai Cập...

Ông chủ cũ Ulysses đã ở đó. Và ông ấy cũng đã từng ở trên con tàu này. Jason chắc chắn về điều đó, giống như cậu chắc chắn về những thứ có trong túi. Để thêm phần chắc chắn, cậu sờ tay vào trong túi để kiểm tra.

Cậu rút từ đó ra đúng cuốn nhật ký hành trình Ai Cập mà lúc trước được dùng để làm giá đỡ cho chiếc tàu Con mắt của Nefertiti.

“Ai Cập...” Jason lẩm bẩm.

Đúng lúc lẩm bẩm câu đó, cậu nghe thấy, rất rõ ràng, bánh lái gỗ rung lên dưới những ngón tay.

Một cơn gió mạnh tạt vào lũ đom đóm, làm chúng bắt đầu xoay tròn theo hình xoáy ốc.

“Chuyện gì thế? Luồng gió này là gì thế?” Rick hét lên trên boong.

“Ai Cập...” Jason lẩm bẩm to hơn một chút.

Lại một lần nữa, thanh gỗ rung lên và một luồng gió khác lại tạt vào bầy đom đóm. Như được báo trước điều gì đó, bọn côn trùng bắt đầu tung cánh bay về phía những khe hở trên tường.

“Jason! Trời càng lúc càng tối hơn!” Julia gào lên. “Có chuyện gì đó sắp xảy ra!”

Jason gật đầu. Có chuyện gì đó đang thực sự diễn ra: con tàu đang trả lời cậu. Cậu bỏ cuốn nhật ký vào túi và nắm lấy bánh lái bằng cả hai tay.

“Mọi người hãy bám cho chắc vào!” Cậu hò lên theo bản năng. “Ngay bây giờ!”

Sau đó cậu hét lên, bằng một giọng to và rõ:

“Hãy đưa ta đến Ai Cập!”

“Jason! Em đang nói lung tung cái gì đấy?” Chị gái cậu hét lên.

Con tàu bị đẩy đi bởi một cơn gió mạnh thứ ba, mạnh đến nỗi làm Julia ngã sõng xoài trên boong.

“Em bảo chị hãy bám chắc vào rồi mà!” Jason hét lên, trong tay cậu, những bánh lái gỗ bắt đầu nhảy múa đồng thời lôi cậu về mọi hướng.

“Đúng, đến Ai Cập!” Jason vẫn hét lên. “Hãy đưa ta đến với Nefertiti và đến với kho báu của Tutankhamon!”

Cơn gió điên cuồng quay quanh chúng. Nước biển dâng lên.

Những con đom đóm biến mất và, trong hang, bóng tối đáng sợ trùm xuống.

Chương 23. Người gác cửa

Oblivia Newton rảo bước trên sàn đá cẩm thạch trong dinh thự của mình. Manfred, gã tài xế với khuôn mặt côn đồ đã thắp tùng cô ta tới Biệt thự Argo, chặn cô ta đang bước vào vệt vãi từ cửa bên.

“Manfred!” Cô ta hét lên, giật mình vì sự xông ra bất thành linh như thế.

Gã đó nhìn cô ta một cách dữ tợn, với một chút khoái trá vì đã dọa được cô.

“Cô Newton... Tôi có một vài điều cần nói với cô,” gã rì rầm.

Giọng của Manfred rất trầm và khàn.

Oblivia đi qua gã, kiên quyết đi về phía cánh cửa màu xanh chóc ở cuối hành lang, không thèm nhận thêm những chuyện xen ngang phiền phức khác nữa.

Manfred cun cút đi theo cô chủ.

“Tôi đã theo dõi bọn trẻ, theo lệnh cô. Chúng đã xuống vách đá để tắm, trước khi trời mưa...”

“À.”

Gót giày của Oblivia rảo bước nhanh đến nỗi không nghe rõ nhịp trên sàn cẩm thạch.

“Trong lúc quay lên, một trong số chúng đã bị ngã.”

“Tuyệt lắm. Nó còn sống chứ?”

“Tiếc là đúng thế... Nó mắc vào một mỏm đá, hai đứa kia đã kéo nó lên và đưa nó về nhà.”

“Tiếc nhỉ. Hẹn lần sau vậy.”

“Chưa hết đâu. Nửa giờ sau đó, chúng lấy xe đạp và đạp xuống Kilmore Cove. Chúng quay về nhà với một ít sách.”

“Chúng đọc sách cơ đấy! Chúng đọc sách cơ đấy! Tất cả mọi người đều phàn nàn rằng bọn trẻ không đọc sách bao giờ. Kiểu này, ít nhất là chúng cũng sẽ không gây ra thảm họa.”

“Vấn đề chính là ở đó.”

Oblivia dừng bước.

“Thế là có ý gì?”

“Tôi không biết phải nói thế nào nữa, nhưng... đêm nay, trước khi về tới đây, tôi đã nhìn thấy những tia sáng, trong hang.”

Khuôn mặt xinh đẹp của Oblivia trở nên khó coi với biểu hiện tức giận không thể kiềm chế nổi.

“Những tia sáng ư? Sao có thể thế được?”

“Tôi không biết, thưa cô. Thật ra là...”

“Nhưng làm thế nào chúng có thể qua đó được? Lão già đó vẫn nghĩ là mình có thể làm được gì nữa sao? Lão Nestor không thể nào ngăn ta được đâu! Bây giờ lão không thể ngăn được ta!”

Oblivia Newton tóm lấy vai Manfred, bấm sâu vào da thịt hấn bằng cả mười đầu móng tay sắc nhọn. Manfred nghiêng rặng vì đau.

“Dù sao thì chúng ta vẫn sẽ tiếp tục!” Oblivia rít lên. “Coi như không có chuyện gì cả. Chúng ta cứ tiếp tục! Rõ chưa? Ta tin tưởng người, Manfred ạ.”

“Dạ vâng... thưa cô... Newton...” Hấn rên rỉ.

Hấn chỉ dám thở khi Oblivia nhắc những móng vuốt ra khỏi người hấn, quay lại và mở cánh cửa màu xanh ở cuối hành lang.

“Cô cứ tin ở tôi.” Manfred rì rầm, khi cánh cửa khép lại và trong hành lang chỉ còn lại mùi thơm không thể lẫn đâu được của quý cô Newton. Rồi hấn vừa đặt tay lên bả vai vẫn còn đau của mình vừa để thêm:

“Quý bà Đạo chích!”

Trong hang dưới vách đá, lúc này, đang nổi lên một cơn bão thực sự. Giống như thể con tàu và bọn trẻ đang bất ngờ ở trong lòng của một chiếc máy giặt khổng lồ bằng đá và nước muối. Con tàu chồm lên rồi lại chúi xuống, nghiêng ngả rồi hứng nước và gió từ cả hai bên mạn.

Bám chặt vào các sợi dây thừng, rồi cả những chiếc ghế dành cho người chèo, Rick và Julia cố gắng một cách tuyệt vọng để không bị văng ra khỏi tàu, nhưng có vẻ như đó là một việc làm vô vọng.

Jason, trái lại, đang cực kỳ bận rộn trong nỗ lực chế ngự cái bánh lái đang chồm lên như một con ngựa bất kham trong tay cậu.

“Chúng ta sẽ làm được!” Cậu gào lên. “Mọi người hãy bám chắc vào!”

Khi mà cảm tưởng như cả cái hang hắt đã sụp xuống nhấn chìm bọn chúng vào cõi vĩnh hằng, thì cơn bão tiêu tan.

Chỉ một thoáng trước đó, con tàu còn đang vật lộn với những con sóng cao như những cột buồm. Thì giờ đây, mặt biển đã trở lại yên bình. Con tàu thôi dập dềnh và, dần dần, tiến vào cầu tàu.

Jason ngã gục lên bánh lái. Julia, ướt sũng nước lạnh, cô bé nhìn quanh, trườn người từ dưới lên chiếc ghế lúc này đã dùng tất cả sức lực để bám vào. Rick rời sợi dây thừng mà cậu đã gửi gắm tính mạng mình và xoa xoa hai bàn tay vẫn còn đau nhức.

Không ai trong ba đứa còn sức lực lẫn mong muốn nói một lời nào. Tất cả những gì đã xảy ra thật là phi lý. Phi lý và đáng sợ. Cơn bão diễn ra trong vòng không quá ba phút, nhưng đó là ba phút dài nhất, vô tận và khó tin nhất trong cuộc đời của chúng.

“Jason... mọi chuyện ổn chứ...?” Chị cậu hỏi, khi chúng bắt đầu loạng choạng đi trên boong tàu.

Quần áo của cả ba đều ướt sũng và chúng cảm thấy lạnh buốt. Boong tàu đầy nước, khoang tàu cũng vậy.

“Chuyện... chuyện gì đã xảy ra thế?” Jason hỏi, khó khăn lắm mới đứng dậy được.

Rick và Julia lắc đầu.

“Bọn mình không biết. Nó đã xảy ra, vậy thôi.”

“Chúng ta đã sang đến bờ bên kia rồi đấy, Jason.”

Cậu bé chớp mắt và nhìn quanh. Đúng thế: con tàu đã vượt qua vùng biển trong hang, và giờ đây đang lắc lư nhẹ nhàng, ở bên cạnh cầu tàu thứ hai.

“Không... không thế nào,” cậu mỉm cười.

“Chị nói với em là chúng ta đã ở bờ bên này rồi: nhìn xem!” Julia chỉ cho cậu cái cầu thang có những bậc màu đen dẫn tới lối ra mà bọn chúng đã nhìn thấy từ xa.

Rick cố vắt mớ quần áo ướt sũng.

“Việc thắc mắc về chuyện gì đã xảy ra, chúng ta để sau đi các cậu...” Cậu vừa rùng mình vừa nói. “Chúng ta ướt như chuột lột hết cả rồi. Hắt xì! Phải hong khô người càng sớm càng tốt.”

“Có quần áo trong rương ở ca-bin thuyền trưởng đấy,” Julia giọng mệt mỏi.

“Chúng ta đi xem sao!” Jason nói.

Trong ca-bin thuyền trưởng chúng tìm thấy những bộ quần áo chắc phải được ba mươi năm tuổi rồi, dựa vào việc chúng bụi bặm đến nhường nào. Thật may là cơn bão dường như đã tránh những chiếc rương ra, và cả phần bên trong của chúng nữa, vì vậy tất cả vẫn còn khô ráo. Chúng thay quần áo lần thứ tư trong cùng một ngày hôm đó và khoác lên người những chiếc quần xếp nếp, những áo sơ mi đã biến dạng và những chiếc xăng đan bằng gỗ xù xì. Sau đó, thậm chí không còn sức để trêu nhau xem mình khô hài đến cỡ nào, chúng lấy cuốn từ điển và một ít đồ khác rồi xuống khỏi con tàu.

Vẫn còn quá bối rối để nói thêm một lời nào nữa, chúng cúi đầu băng qua bãi cát và trèo lên men theo các bậc cũ kỹ của cầu thang.

“Mình chỉ mong là phía sau kia sẽ không có thêm bất ngờ lạ lùng nào nữa,” Julia lẩm bẩm, khi bọn chúng đến trước cánh cửa, “vì mình thực sự nghĩ rằng bản thân sẽ không thể nào chịu đựng được nó.”

Trên rầm cửa bằng đá có khắc hình ba con rùa. Vừa chỉ lên chúng, Rick vừa thấy buồn cười:

“Chậm mà chắc...”

Cánh cửa có vẻ bị đóng nhưng, thật may làm sao, không có bất cứ ổ khóa phức tạp nào cần mở cả.

Jason tì một tay lên đó. Ngay cả với một lực nhẹ như thế, cánh cửa đã hé mở.

Cậu bé quay người về phía các bạn hỏi:

“Chúng ta đi chứ?”

Julia và Rick gật đầu.

Và thế là chúng mở cánh cửa ra.

- CÒN TIẾP -